**Lương Vĩnh Kim**

Lãng mạn pháp luật

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động  
  
*Nguồn:* [*http://vnthuquan.net/*](http://vnthuquan.net/)  
Tạo ebook: Nguyễn Kim Vỹ.

**MỤC LỤC**

[Lời nói đầu](" \l "bm2)

[Làm sao cởi được cái quần của ngươi?](" \l "bm3)

[Về vụ hối lộ không thành của Phạm Lãi – Tây Thi](" \l "bm4)

[Lời biện hộ của Hoạn Thư trước “thẩm phán” Vương Thúy Kiều](" \l "bm5)

[Một vụ kiện trời](" \l "bm6)

[Đứa con của mẹ nào?](" \l "bm7)

[Hũ vàng của ai?](" \l "bm8)

[Về vụ xử tử không thành của người da đỏ](" \l "bm9)

[Bà Thủ Khoa Nghĩa minh oan cho chồng](" \l "bm10)

[Tây Môn Báo xử tội bọng đồng cốt: “Hà Bá lấy vợ”](" \l "bm11)

[Vụ thả tử tù của Tô Ký](" \l "bm12)

[Xử kẻ vô ơn](" \l "bm13)

[Kiện cành đa](" \l "bm14)

[Chàng Ngốc được kiện](" \l "bm15)

[Vụ đòi hối lộ nơi cõi Phật](" \l "bm16)

[Quan xử kiện tài giỏi](" \l "bm17)

[Người ban hành pháp luật không thi hành pháp luật do chính mình ban ra](" \l "bm18)

[Họ Đào được kiện](" \l "bm19)

[Kết quả một vụ kiện](" \l "bm20)

[Yết thị](" \l "bm21)

[Quan thanh tra bị đánh](" \l "bm22)

[Chính pháp Tào Tháo](" \l "bm23)

[Nhìn mắt bắt trộm](" \l "bm24)

[Phân xử tài tình](" \l "bm25)

[Chàng mồ côi xử kiện](" \l "bm26)

[Chuyện Bùi Cầm Hổ](" \l "bm27)

[Để bảo tồn phép nước](" \l "bm28)

[Ai bắt trộm gà?](" \l "bm29)

[Đào Tấn chém bồi Ba](" \l "bm30)

[Phê đơn ly dị](" \l "bm31)

[Tang chứng bốc hơi](" \l "bm32)

[Hai bảy mười ba](" \l "bm33)

[Cuộc xử kiện giữa các loài chim](" \l "bm34)

[Ông vua sáng suốt](" \l "bm35)

[Giải quyết công bằng](" \l "bm36)

[Đâu là chứng cứ?](" \l "bm37)

[Truyện người lính cận vệ của nhà vua](" \l "bm38)

[Chia phần thưởng cho kẻ đòi hối lộ](" \l "bm39)

**Lương Vĩnh Kim**

Lãng mạn pháp luật

**Lời nói đầu**

Nói đến pháp luật, ta thường nghĩ ngay đến những cái gì nghiêm túc, hiện thực, liên quan đến việc điều chỉnh các hành vi, cái mối quan hệ của con người trong xã hội bằng các quy phạm pháp luật cụ thể, rõ ràng, dứt khoát, nhằm xác lập một trật tự. Ít ai hình dung rằng pháp luật cũng như bao lĩnh vực khác, có hiện thực và có cả lãng mạn.  
So với các lĩnh vực khác thì pháp luật là lĩnh vực chứa nhiều nhân tố triết lý tiềm ẩn của sự lãng mạn hơn. Bởi lẽ, pháp luật là cái hữu hạn, tĩnh tại. Cuộc đời là cái vô hạn và luôn vận động. Đem cái hữu hạn trùm lên cái vô hạn, đem cái tĩnh tại trùm lên cái vận động đã là việc làm lãng mạn rồi. Sự lãng mạn của pháp luật bắt nguồn từ bản chất của chính nó. Dù cố gắng đến đâu thì con người cũng không thể điều chỉnh sự vô hạn của thực tiễn bằng những quy phạm pháp luật chứa trong một số hữu hạn các văn bản. Hơn nữa, thực tiễn biến động hàng ngày hàng giờ, còn các quy phạm pháp luật thì lại đòi hỏi phải ổn định, cho nên chỉ một thoáng là cái vận động thoát ra khỏi cái tĩnh tại, có khi nó thoát đi khá xa. Lúc bấy giờ pháp luật như tấm chăn nhỏ phủ trên mình đứa trẻ khổng lồ nhưng lại phủ ra chỗ trống không. Sự lãng mạn đã sinh ra từ đấy.  
Tuy pháp luật không thể phủ kín hiện thực đời sống nhưng nhân loại vẫn phải dùng pháp luật để điều chỉnh và ổn định các quan hệ xã hội vì nhân loại chưa tìm ra cách gì tốt hơn là dùng pháp luật. Lịch sử đã từng xuất hiện thuyết nhân trị và thuyết pháp trị. Thuyết nhân trị của Khổng Tử thì cho rằng: “cai trị không cần tới pháp luật” mà chỉ dựa vào lễ, nhạc để giáo hóa con người tu thân, biết nghĩa vụ của mình mà làm, từ đó xã hội tất yếu sẽ có trật tự. Còn thuyết pháp trị mà tiêu biểu là Hàn Phi Tử thì cho rằng: “Lễ, nhạc không đủ uốn nắn mà phải dùng hình pháp để đưa con người về chính đạo”. Ngày nay, nhân loại đã dung hòa, dùng kết hợp cả hai học thuyết trên: Vừa dùng pháp luật để răn đe, vừa tăng cường giáo dục để con người có tâm làm điều thiện, nhân nghĩa, làm tốt phận sự của mình ở mọi lúc, mọi nơi, kể cả những nơi mà pháp luật không thể hiện diện để điều chỉnh.   
Chúng ta cần hiểu rõ pháp luật và hiểu được sự giới hạn của pháp luật để từ đó sử dụng tốt công cụ pháp luật trong việc xây dựng xã hội mới. Coi thường hoặc thần thánh hóa công cụ pháp luật đều là sai lầm. Lãng mạn pháp luật là sự tập hợp những câu chuyện nằm ngoài pháp luật, có phần hư cấu bay bổng, được viết và biên soạn dựa trên các câu chuyện cổ chứa đựng rất ít hiện thực sẽ phần nào giúp cho bạn đọc hiểu được sự giới hạn của pháp luật và rút ra cho mình những bài học bổ ích. Ít nhất, “Lãng mạn pháp luật” cũng giúp các bạn có những chuyện vui giải trí trong lúc “trà dư tửu hậu”.  
Qua mỗi câu chuyện, có nhiều quan điểm khác nhau. Lời bàn của tôi chỉ là một trong vô số quan điểm đó. Tôi mạnh dạn đưa ra quan điểm cá nhân của mình qua mỗi lời bàn sau từng câu chuyện, vì tin rằng bạn đọc sẽ cảm thông được cho tôi trên tinh thần dân chủ: “Tôi không đồng ý với quan điểm của anh nhưng tôi thề rằng bảo vệ đến chết cho anh được cái quyền phát biểu quan điểm ấy” (Jean Jacques Rousseau). Một số câu chuyện tôi để ngỏ lời bàn cho bạn đọc.  
Mặc dù hết sức cố gắng nhưng thiếu sót là không tránh khỏi. Tôi mong nhận được sự góp ý của bạn đọc.  
  
Lương Vĩnh Kim.

**Lương Vĩnh Kim**

Lãng mạn pháp luật

**Làm sao cởi được cái quần của ngươi?**

Thị Đào vốn là người lẳng lơ nhưng lại hay vu oan giá họa cho các anh chàng hay léng phéng hảo ngọt, nhằm làm áp lực moi tiền của họ. Nếu không cho tiền mụ thì mụ thưa lên quan rằng mụ bị hiếp dâm, trước hết là cho bỏ ghét, sau nữa là kiếm tiền bồi thường danh dự. Gần nhà mụ có chàng Ất hiền lành, đã 30 tuổi mà chưa lấy vợ. Cha mẹ Ất vừa qua đời, để lại cho anh ta toàn bộ gia tài gồm nhiều ruộng đất và một cái túi đựng đầy vàng bạc, châu báu. Pháp luật trị rất nghiêm tội trộm cướp nên nạn trộm cướp không có. Nhờ vậy, đi đâu Ất cũng mang cái túi theo bên mình mà không sợ nguy hiểm. Nhìn túi vàng và gia tài của Ất, Thị Đào thèm lắm, bèn nghĩ kế chiếm đoạt. Mụ đến bàn với quan huyện về tỷ lệ ăn chia, rồi về lu loa lên rằng mụ bị chàng Ất dùng vũ lực để “ấy” mụ, với những bằng chứng giả do mụ dựng lên. Mụ đòi Ất chia bớt gia tài, nếu không sẽ kiện lên quan. Rồi mụ kiện lên quan thật. Quan xử rằng: Ất phạm tội hiếp dâm Thị Đào, làm mất đi cái “đáng giá ngàn vàng của Thị”, làm cho Thị khó kiếm chồng, không có chồng con thì không ai lo cho Thị, đặc biệt lúc ốm đau già yếu. Vì vậy, quan buộc Ất bồi thường cho Thị Đào cả túi vàng mang theo và hai mẫu ruộng.  
Thị Đào thắng kiện hớn hở ra về nhận hai mẫu ruộng, còn túi vàng mụ chia phần lớn cho quan, mụ chỉ giữ được gần một nửa.  
Ất khóc lóc như đứa trẻ con. Ất kiện lên quan phủ nhưng vì hồ sơ vụ án có đủ chứng cứ mà quan phủ thì không phân biệt đâu là chứng cứ giả, đâu là chứng cứ thật, nên quan phủ y án.  
Thấy Ất oan ức, có người tốt bụng hướng dẫn cho chàng kiện lên nhà vua. Bấy giờ, vua là người thông minh, sáng suốt, nổi tiếng về tài xử kiện. Vua cho triệu tập Thị Đào và bắt mang theo cả túi vàng. Túi vàng đã vơi đi hơn nửa. Vua cho đòi quan đã xử án đến. Quan trình lên nhà vua toàn bộ hồ sơ với những chứng cứ đã chuẩn bị sẵn.   
Vua cho người đọc to hồ sơ vụ án với những chứng cứ hiếp dâm do Thị Đào cung cấp và đã được quan huyện kiểm tra phân xử, rồi nói:  
- Rõ ràng, Ất đã hiếp dâm Thị Đào, có đầy đủ chứng cứ đã được huyện quan kiểm định và phân xử đúng đắn. Nay ta y án và giao túi vàng cho Thị Đào đem về. Phạt bổ sung Ất hai chục roi.  
Quân lính dạ rân. Thị Đào hí hửng cầm túi vàng ra về còn chàng Ất thì nằm úp lưng chịu đòn. Nhưng khi quân lính vừa quất Ất hai roi thì nhà vua bỗng nhiên ra lệnh dừng tay. Nhà vua vừa vò đầu, bứt trán tỏ vẻ hối tiếc và nói:  
- Ta xử nhầm rồi! Ất bị oan, Ất bị oan!  
Thế rồi nhà vua bảo Ất đuổi theo Thị Đào giật lại túi vàng. Vừa bị oan ức, vừa tiếc của nên Ất chạy nhanh ra cổng thì bắt gặp Thị Đào. Ất dùng hết sức mình để lấy lại cho kỳ được túi vàng từ tay Thị Đào nhưng không tài nào giành được. Thị Đào ôm chặt túi vàng và đẩy Ất ngã lăn. Ất lại xông vào giành giựt quyết liệt. Lần nào cũng vậy, Ất đều bị đẩy ngã.  
Nhà vua, quần thần và tất cá các quan chứng kiến cảnh giành giật túi vàng. Vua cho quân lính ra cổng giải cả hai vào rồi nói:  
- Thị Đào! Túi vàng trên tay ngươi mà nó giật không được, vậy làm sao nó cởi được cái quần của ngươi!?   
Thị Đào cứng họng không sao trả lời được, đành khai ra âm mưu cùng với quan huyện chiếm đoạt gia tài của Ất.   
Lời bàn:   
Giữa kẻ đi kiện và quan xét xử phối hợp cùng nhau thì thắng kiện là cái chắc. Không những thắng kiện mà quan huyện và Thị Đào còn chuẩn bị được những chứng cứ giả, làm cho các cấp xét xử sau là quan phủ không thể nào lật lại được vụ án. Chỉ có cách dùng mẹo như nhà vua thì mới lật lại được vụ án. Dù có trưng ra bao nhiêu bằng chứng với bao nhiêu lý lẽ hay ho thì Thị Đào và quan huyện cũng phải câm họng trước câu hỏi bất ngờ, thông minh của nhà vua. Nhà vua minh oan được cho Ất là nhờ dựa vào sơ hở và tính tham lam của Thị Đào, chứ nếu lúc giằng co túi vàng mà Thị Đào giả vờ tỏ ra yếu đuối thì chắc nhà vua dù có thông minh cũng đành bó tay. Thế mới hay “Mọi sự gian dối đều có chỗ sơ hở.

**Lương Vĩnh Kim**

Lãng mạn pháp luật

**Về vụ hối lộ không thành của Phạm Lãi – Tây Thi**

Phạm Lãi theo phò vua nước Việt là Câu Tiễn, lập được nhiều công lớn. Sau khi giúp Câu Tiễn đánh thắng Ngô Phù Sai, Phạm Lãi đưa Tây Thi xuôi dòng sông Ngũ Hồ. Sau thời gian phiêu bạt, Phạm Lãi sang sinh sống ở nước Tề và đổi tên họ thành Chu Di Tử Bì. Nhờ tài năng trác việt của mình, Phạm Lãi lại có nhiều thành công trên quê hương mới. Ông nổi tiếng giàu có, đức độ nên vua Tề mời ông làm tướng quốc. Phạm Lãi ngậm ngùi than rằng:  
- Ở nhà thì có hàng ngàn lạng vàng, làm quan thì đến công hầu, tướng quốc. Kẻ áo vải được thế là tột bậc rồi, giữ mãi cái tiếng tăm lừng lẫy là không tốt, có ngày mang vạ vào thân.  
Thế rồi Phạm Lãi bèn trả ấn tướng quốc, đem tất cả tài sản cho bạn bè, làng xóm, chỉ mang theo những của thật quí, lẻn đi.  
Phạm Lãi dừng lại ở đất Đào, cho nơi đó là ở giữa thiên hạ, tiện đường đổi chác, buôn bán để làm giàu. Phạm Lãi bèn tự gọi mình là Đào Chu Công.  
Chu Công ở đất Đào sinh người con út. Khi người con út đã lớn, người con trai thứ hai của Chu Công giết một công hầu nước Sở, đang bị giam, chờ ngày xử tử. Chu Công nói:  
- Giết người bị chết là đáng rồi! Nhưng ta nghe nói: “con nhà nghìn vàng không chết ở chợ”.  
Liền sai người con út sang Sở xem sự việc ra sao.  
Chu Công lấy một nghìn lượng vàng bọc vào trong túi quần áo vải thô chở bằng xe bò, định sai người con út đi. Con trai cả của Chu Công cũng cố xin đi. Chu Công không nghe. Người con cả nói:  
- Con cả trong nhà là huynh trưởng; đảm nhận coi sóc việc nhà. Nay em có tội, cha chẳng sai con, lại sai em út đi, thế con là đứa con hư! Nhục thế này làm sao con sống được.  
Người con cả toan tự sát. Tây Thi nói hộ cho người con cả:  
- Nay ông sai thằng út đi thì chưa hẳn dã cứu sống được thằng thứ hai, mà trước tiên giết mất thằng cả! Biết làm thế nào?   
Chu Công cực chẳng đã phải sai người con cả đi. Ông viết một phong thư gửi cho người bạn cũ là Trang Sinh và dặn người con cả rằng:  
- Khi con đến thì dâng một nghìn lượng vàng vào nhà Trang Sinh, mặc ông ta làm gì thì làm, nhất thiết không được tranh cãi với ông ta trong việc này.  
Người con cả khi đi cũng tự mang theo riêng vài trăm nén vàng sang Sở...   
Trang Sinh nhà ở kề ngoại thành. Người con cả phải lách lau cỏ mới tới cửa, thấy nhà có vẻ rất nghèo... trong lòng lấy làm nghi hoặc, không tin là Trang Sinh có khả năng cứu mạng. Tuy nhiên, người con cả cũng làm theo lời cha dặn là đưa thư và dâng nghìn lượng vàng.  
Trang Sinh nhận thư và nghìn lượng vàng rồi nói:   
- Thôi! Anh hãy đi ngay đi! Chớ có ở lại! Dù em anh được tha ra cũng chớ có hỏi tại sao slại được tha.  
Người con cả ra rồi, không đến nhà Trang Sinh nữa mà ngầm ở lại, lấy của riêng mang theo đem dâng cho quý nhân có quyền thế ở Sở. Trang Sinh tuy ở một xóm nghèo khổ nhưng cả nước đều nghe tiếng ông thanh liêm chính trực. Từ vua Sở trở xuống đều tôn ông làm bậy thầy. Khi Chu Công đưa vàng đến, không phải ông có ý muốn nhận. Ý ông ta chỉ muốn giữ lại để cho cha con Đào Chu Công yên tâm là ông đã nhận giúp đỡ, để người con cả khỏi chạy chọt chỗ khác gây náo động làm cho sự việc khó giải quyết. Trang Sinh định khi xong việc sẽ đưa trả đủ lại số vàng ấy cho Chu Công. Cho nên khi vàng đưa đến, Trang Sinh bảo vợ:   
- Đây là vàng của ông Chu. Nhỡ tôi không sống được cách đêm thì thế nào bà cũng đưa trả hộ cho tôi, chớ có đụng đến vàng ấy.  
Nhưng con cả của Chu Công không biết ý Trang Sinh, lại còn cho rằng ông ta không có thế lực gì.  
Trang Sinh thong thả ra mắt vua Sở, nói:  
- Có ngôi sao... mỗ, đóng ở chỗ... mỗ, cái đó hại cho nước Sở...  
Vua Sở vốn mê tín và tin Trang Sinh, liền hỏi:  
- Giờ biết làm thế nào?   
Trang Sinh nói:  
- Chỉ có cách dùng đức mới trị được nó.  
- Thầy về nghỉ! Quả nhân sẽ làm theo.  
Nhà vua liền sai sứ giả niêm phong ba kho tiền.  
Quý nhân nước Sở kinh ngạc liền về bảo người con cả Đào Chu Công:  
- Nhà vua sấp đại xá.  
Người con cả Chu Công hỏi:  
- Làm sao biết?   
- Mỗi lần nhà vua sắp đại xá thường cho niêm phong ba kho tiền. Chiều qua nhà vua đã sai sứ đi niêm phong.  
Người con cả Chu Công nghĩ rằng: nếu đại xá thì em mình thế nào cũng được tha. Anh ta tiếc nghìn vàng đem cho lão Trang Sinh, thế là mất toi, bèn lại ra mắt Trang Sinh. Trang Sinh giật mình hỏi:  
- Anh chưa về ư?  
Người con trưởng nói:  
- Thưa vẫn chưa ạ! Trước kia vì việc thằng em, nay thằng em may mắn được hưởng lệnh đại xá, cho nên lại đây chào cụ để về.  
Trang Sinh biết ý anh ta muốn lấy lại vàng, liền nói:  
- Anh vào nhà trong lấy vàng.   
Người con trưởng tự vào nhà lấy vàng ra. Trang Sinh xấu hổ vì bị đứa trẻ con mua chuộc, bèn vào yết kiến vua Sở nói:   
- Tôi trước kia có nói về ngôi sao... mỗ. Nhà vua nói sẽ sửa đức để bổ cứu. Nay tôi ra đường, đâu đâu cũng thấy đồn rằng: Đứa con nhà giàu ở Đào là Chu Công, giết người bị giam ở Sở, nhà nó đem nhiều vàng bạc đút lót cho các quan hầu nhà vua. Nhà vua không phải vì thương dân nước Sở mà xá đâu, chỉ vì chuyện con Chu Công đó thôi.  
Vua Sở cả giận nói:  
- Quả nhân tuy có kém đức thật, nhưng lẽ nào lại vì có con Chu Công mà ra ơn.  
Vua Sở liền làm án giết con Chu Công trước rồi hôm sau mới ra lệnh đại xá.  
Con cả Chu Công rốt cuộc đưa xác em về quê nhà làm tang...   
Tây Thi va người làng đều lấy làm thương xót. Chỉ có Chu Công cười một mình mà rằng:  
- Ta đã biết thế nào nó cũng giết em nó! Không phải nó không thương em nó đâu, nhưng có một điều nó không thể chịu nổi. Nó từ nhỏ đã từng chịu khổ cùng ta, thấy việc làm ăn khó khăn nên bỏ của thì tiếc! Trái lại thằng em út nó đẻ ra đã thấy ta giàu. Đứa út chỉ biết cưỡi xe bền, giong ngựa tốt, theo đuổi cầy cáo, nào biết của cải do đâu mà có, cho nên phung phí tiền một cách dễ dàng, chẳng tiếc rẻ gì. Trước đây sở dĩ ta sai thằng út đi chỉ vì nó biết coi thường tiền bạc đó thôi! Thằng cả thì không biết thế, vì vậy mà giết chết em nó. Lẽ đời là thế, có gì đáng xót. Ta ngày đêm vẫn đợi nó đưa đám tang em nó về.  
Tây Thi nói:  
- Thiếp đã biết ý chàng. Lâu nay chàng đoán việc như thần. Nhưng thiếp cầu mong lần này chàng đoán... không đúng để trời còn dung được đứa con chúng ta. Vậy mà chàng vẫn đoán đúng. Ôi! Cái suy đoán của chàng...   
Nhờ xét đoán đúng người, nhận định đúng sự việc mà Phạm Lãi tránh được tai họa như Văn Chủng. Ba lần đổi chỗ ở là ba lần thành danh.  
Lời bàn:   
Đáng khen cho Phạm Lãi là kẻ biết người, biết việc. Nhưng chê Phạm Lãi là biết được đường chết, đường sống của con nhưng lại không cứu được con. Xưa nay trong chuyện đút lót mà tiếc tiền thì không làm được. Gặp lúc hoạn nạn, mắc vào vòng lao lý hoặc phải tội chết mà còn đắn đo thì chẳng khác nào kẻ đang bị chết đuối mà lại còn ra giá cho người sắp cứu mình. Như vậy, cái chết là không tránh khỏi.  
Ở đây, người con cả không phải sợ mất tiền mà vì cho rằng tiền không đáng mất nên không chịu mất. Anh ta đâu biết rằng pháp luật cũng còn nhiều kẻ hở và biến hóa khôn lường. Để cứu em anh ta, Trang Sinh phải dùng cái thanh liêm, uy tín bấy lâu nay của mình để lừa cho vua Sở đại xá cả thiên hạ. Rõ ràng, phi Trang Sinh thì không ai làm nổi chuyện này. Thế nhưng anh ta nghĩ ngược lại là nhờ đại xá cả thiên hạ mà em anh ta được cứu, nên không đáng tốn tiền cho Trang Sinh. Người con cả thấy Trang Sinh nghèo nên khinh và cho rằng Trang Sinh không có khả năng cứu em anh ta, chứ đâu biết rằng chính nhờ nổi tiếng nghèo, thanh liêm mới cứu được em anh ta. Phạm Lãi không cho người con cả đi là xuất phát từ những nhận định hoàn toàn chính xác. Nhưng tại sao Phạm Lãi không trực tiếp đi để cứu con? Có thể hiểu được là Phạm Lãi không thể đi. Một người giàu có nổi tiếng như Phạm Lãi không thể xuất hiện ở đất Sở lúc này. Chỉ cần Phạm Lãi xuất hiện ở đất Sở thì người ta đồn ầm lên chuyện chạy chọt thì ai còn dám can thiệp cứu giúp con ông ta.   
Người con cả đã phạm phải các sai lầm sau đây của người đi đút lót:  
- Một là, chạy chọt mà tiếc tiền.  
- Hai là, khinh người nghèo, cho rằng người nghèo là người thiếu khả năng; đánh giá không đúng người, đúng việc.  
- Ba là, muốn kiểm soát, tìm hiểu phương cách giải quyết việc của người nhận giúp đỡ.  
- Bốn là, lấy lại tiền trong lúc chưa xong việc.  
Với bốn sai lầm trên, anh ta phải chở xác người em về chôn, chứ không phải vụ việc của em anh ta là vô phương cứu chữa. Khi ấy, anh ta mới hiểu được khả năng của Trang Sinh và sự sai lầm của anh ta. Nhưng than ôi! Trang Sinh vì trách móc kẻ hậu sinh là hành động hẹp hòi. Dù sao thì cũng còn có Đào Chu Công hiểu việc, cớ sao Trang Sinh trách móc kẻ hậu sinh!  
Đây là câu chuyện hết sức tuyệt vời về thuật dùng người. Phạm Lãi là nhân vật tiêu biểu cho một trí tuệ lịch lãm, có quan niệm hết sức biện chứng về người và việc. Ông không nuôi định kiến và không cố chấp trong việc đánh giá con người: Tốt hoặc xấu, giỏi hoặc kém là những tiêu chuẩn phải được xét trên hành động trong từng hoàn cảnh cụ thể. Có thể ở hoàn cảnh này, một người thích hợp sẽ có hành động xuất sắc nhưng ở hoàn cảnh khác không thích hợp thì người đó sẽ là kẻ bất tài, làm hỏng việc. Do vậy tùy việc mà bố trí con người. Kẻ ăn xài vong mạng, coi tiền như cỏ rác như đứa em út là kẻ thích hợp cho công việc đút lót, có thể cứu sống người anh. Còn người anh cả chi ly, tiết kiệm, quý trọng tiền bạc quá mức thì không thể làm việc ấy.  
Phạm Lãi là nhà chính trị đại tài và là nhà kinh tế tài ba. Tất cả những gì ông làm đều để lại dấu ấn muôn đời. Vụ đưa hối lộ không thành của Phạm Lãi cũng để lại cho chúng ta bài học quý giá.

**Lương Vĩnh Kim**

Lãng mạn pháp luật

**Lời biện hộ của Hoạn Thư trước “thẩm phán” Vương Thúy Kiều**

1. Tóm tắt vụ án Hoạn Thư   
Nguyên Thúc Sinh là chồng của Hoạn Thư, một thương nhân, mở ngôi hàng ở Lâm Truy buôn bán. Thúc Sinh xa nhà, vào chơi chốn lầu xanh gặp Thúy Kiều. Thúc Sinh say mê tài sắc của Thúy Kiều nên cứu Thúy Kiều ra khỏi lầu xanh và cưới Thúy Kiều làm vợ bé. Hoạn Thư hay tin nhưng bỏ ngoài tai và nghiêm cấm tin ấy lộ ra ngoài. Thúy Kiều bàn với Thúc Sinh là phải công khai hóa chuyện làm bé của Thúy Kiều. Thúc Sinh về dàn xếp chuyện gia đình, nhưng khi thấy Hoạn Thư cư xử quá mặn nồng và hình như không biết gì chuyện trăng hoa của mình, nên Thúc Sinh im lặng, không dám hé răng chuyện lập “phòng nhì”. Ở nhà một thời gian, Thúc Sinh trở lại Lâm Truy bằng đường bộ. Hoạn Thư cũng cho tay chân là Ưng, Khuyển và một đám gia nhân đi đường tắt bằng thuyền để đến Lâm Truy trước, bắt cóc Thúy Kiều, đốt nhà bỏ xác người chết vào để tạo hiện trường giả là Thúy Kiều đã chết cháy. Thúc Sinh ngờ Thúy Kiều đã chết cháy nên lập bàn thờ. Còn bọn Ưng, Khuyển bắt Thúy Kiều về giao cho mẹ Hoạn Thư đánh đập, buộc làm nô tỳ, sau đó chuyển giao để hầu hạ trong gia đình Hoạn Thư.  
Một thời gian sau, Thúc Sinh trở về nhà. Hoạn Thư bắt Thúy Kiều ra lạy ông chủ Thúc Sinh - chồng mình. Đây là tình huống bất ngờ và nghiệt ngã đối với Thúc Sinh và Thúy Kiều. Thúc Sinh và Thúy Kiều không thể nhận nhau trước mặt Hoạn Thư. Ta hãy hình dung hoàn cảnh và tâm trạng Thúy Kiều lúc vợ chồng Hoạn Thư vui vầy bắt Thúy Kiều đứng hầu:  
Vợ chồng chén tạc chén thù,   
Bắt nàng đứng trực trì hồ hai nơi.   
Bắt khoan bắt nhặt, đến lời,  
Bắt quỳ tận mặt, bắt mời tận tay.  
Sinh càng như dại như ngây,   
Giọt dài giọt ngắn, chén đầy chén vơi.  
Ngoảnh đi chợt nói chợt cười,  
Cáo say chàng đã tính bài lảng ra.   
Tiểu thư vội thét: - “Con Hoa!   
Khuyên chàng chẳng cạn thì ta có đòn!”   
Sinh càng nát ruột tan hồn   
Chén mời phải ngậm bồ hòn ráo ngay.  
...  
Nàng đà choáng váng tê mê,   
Vâng lời ra trước bình the vặn đàn.  
Bốn dây như khóc như than,   
Khiến người trên tiệc cũng tan nát lòng.  
Cùng trong một tiếng tơ đồng,   
Người ngoài cười nụ, người trong khóc thầm.  
Khi vợ chồng Hoạn Thư vào ngủ thì Thúy Kiều phải đứng canh:  
Người vào chung gối loan phòng,   
Nàng ra tựa bóng đèn chong canh dài:   
“Bây giờ mới rõ tăm hơi,   
Máu ghen đâu có lạ đời nhà ghen! ...”   
Sau đó, Thúy Kiều được Hoạn Thư cho ra ở Quan Âm Các nằm trong vườn nhà của Hoạn Thư, rồi Thúy Kiều bỏ trốn, mang theo “ Phật tiền sẵn có mọi đồ kim ngân”, để làm của hộ thân.  
Sau một thời gian lưu lạc qua nhiều đau thương, Thúy Kiều trở thành phu nhân của chủ tướng Từ Hải. Và hôm nay, Thúy Kiều mở phiên tòa để xét xử một số vụ án; trong đó có vụ án quan trọng là vụ Hoạn Thư.  
2. Thành phần “hội đồng xét xử”:  
- “Thẩm phán” Vương Thúy Kiều (vừa là chủ tọa phiên tòa, vừa là người bị hại).  
- “Hội thẩm”: Từ Hải (chồng Thúy Kiều)   
3. Các bị cáo:  
a/ Hoạn Thư: Vừa là kẻ chủ mưu, cầm đầu; vừa là người thực hành.  
b/ Khuyển, Ưng là đồng phạm vụ án với vai trò là người thực hành, giúp sức một cách đắc lực cho Hoạn Thư.  
c/ Một đồng phạm vắng mặt là mẹ của Hoạn Thư. Y vừa là người chủ mưu, vừa là người giúp sức nhưng hôm nay không có mặt tại phiên tòa.  
4. “Nhân chứng” có mặt tại phiên tòa:   
- Thúc Sinh là chồng của bị cáo Hoạn Thư và nguyên là người sống chung như vợ chồng với Vương Thúy Kiều.  
- Mụ quản gia nhà Hoạn Thư.  
- Vãi Giác Duyên.   
5. Các “bị cáo” bị truy tố về các tội:   
“Ghen tuông - ngăn cản chồng có vợ bé, đốt nhà, bắt cóc người, đánh đập làm nhục người khác rất tàn nhẫn”.  
Lưu ý về, pháp luật quy định: “Trai năm thê bảy thiếp, gái chính chuyên một chồng”, nhưng không dược thay đổi trật tự vợ lớn vợ bé (Ai lớn thì lớn, ai bé thì bé nhưng vợ lớn phải chấp nhận nếu chồng quyết có vợ bé). Vì vậy Hoạn Thư bị truy tố về tội ghen tuông, ngăn cản chồng có vợ bé.  
Vụ án của Hoạn Thư là vụ án đã được chính Vương Thúy Kiều chọn làm án điểm, xét duyệt trước với sự căm thù sâu nặng giữa hai người đàn bà “lấy chồng chung”. Vì vậy, Thúy Kiều đã duyệt mức án nặng nhất, việc xét xử chỉ là lấy lệ. Cái chết cầm chắc đang chờ Hoạn Thư.  
Ta hãy nghe “Thẩm phán” Vương Thúy Kiều buộc tội với lời lẽ hăm dọa:  
“Vợ chàng quỉ quái tinh ma,   
Phen này kẻ cắp bà già gặp nhau.  
Kiến bò miệng chén chưa lâu   
Mưu sâu cũng trả nghĩa sâu cho vừa!”  
...  
Dưới cờ, gươm tuốt nắp ra,   
Chính danh thủ phạm tên là Hoạn Thư.  
Thoắt trông nàng (Kiều) đã chào thưa:   
“Tiểu thư cũng có bây giờ đến đây?  
Đàn bà dễ có mấy tay   
Đời xưa mấy mặt đời này mấy gan?   
Dễ dàng là thói hồng nhan,   
Càng cay nghiệt lắm, càng oan trái nhiều!”.  
Và đây là thái độ và lời tự bào chữa của Hoạn Thư:   
Hoạn Thư hồn lạc phách xiêu,  
Khấu đầu dưới trướng liệu điều kêu ca.  
Rằng: “Tôi chút phận đàn bà,   
Ghen tuông thì cũng người ta thường tình.  
Nghĩ cho khi gác viết kinh,  
Với khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo.  
Lòng riêng, riêng những kính yêu.   
Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai.  
Trót đà gây việc chông gai,   
Còn nhờ lượng bể thương bài nào chăng”.   
Trước hết, ta thử bàn về thái dộ của bị cáo Hoạn Thư.  
Rõ ràng Hoạn Thư không có một chút gì biểu hiện ngoan cố mà còn tỏ ra rất sợ sệt: “Hoạn Thư hồn tạc phách xiêu”. Chính đây là thái độ gây cảm tình và thương xót đối với các quan tòa ở mọi thời đại. Nhưng Hoạn Thư hơn các bị cáo thường tình ở chỗ rất bình tĩnh - sự bình tĩnh đạt đến trình độ Hoạn Thư: “Khấu đầu dưới trướng 1iệu điều kêu ca”. Hoạn Thư đã sợ đến “hồn lạc phách xiêu” mà vẫn làm dược cái chuyện “liệu điều kêu ca” thì thật là “đàn bà dễ có mấy tay, Đời xưa mấy mặt đời này mấy gan”.  
Mặc dù không đề cập gì đến bà “Thẩm phán” Vương Thúy Kiều, nhưng lý lẽ của Hoạn Thư cao thủ đến mức làm cho Thúy Kiều thấy xử Hoạn Thư là xử chính mình:  
“Rằng: Tôi chút phận đàn bà,   
Ghen tuông thì cũng người ta thường tình.  
...  
Lòng riêng, riêng những kính yêu,   
Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai”   
Nói vậy là Hoạn Thư đã nói với Thúy Kiều:  
- Thấy chưa? Tôi cũng đàn bà như bà “Thẩm phán”, làm sao tôi không ghen được. Máu tôi cũng đỏ cơ mà. Chồng bà là Từ Hải ngồi đó, bà cho ai mượn thử coi?   
Vì Thúy Kiều là hạng người biết nghĩ xa “thấy người nằm đó biết sau thế nào” nên lời biện hộ trên là vô cùng giá trị.  
Hoạn Thư lại kể công với Thúy Kiều:.   
“Nghĩ cho khi gác viết kinh   
Với khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo”   
Nàng có nhớ không, khi nàng lấy trộm Phật tiền trên bàn thờ mang theo làm lộ phí đi đường, tôi không đuổi theo là vì tôi không có ý muốn hại nàng, tôi chỉ muốn giữ chồng cho riêng tôi, chứ tôi nào muốn hại nàng! Tôi cũng có công giúp nàng ra đấy chứ!   
Đến đây thì “Thẩm phán” Thúy Kiều đã không còn bắt bẻ vào đâu được nữa. Hoạn Thư đã chứng minh một cách sắc bén là mình không cố ý phạm tội, mà nếu có đó chỉ là “tội tổ tông”, một loại tội do trời đất sinh ra. Nhưng cao thủ thêm một bậc là Hoạn Thư vẫn nhận rằng mình có tội và xin “Thẩm phán” Thúy Kiều tha thứ:   
“Trót đà gây việc chông gai,   
Còn nhờ lượng bể thương bài nào chăng”.  
Với thái độ “hồn lạc phách xiêu”, lo sợ nhưng bình tình lạ lùng, lý lẽ sắc bén chứng minh rõ ràng là chỉ phạm “tội tổ tông” - tức là không có tội, nhưng lại nhận tội và xin tha thứ; đã đẩy Thúy Kiều vào tình huống phải tha, mặc dù trước đó đã duyệt án tử:  
“Khen cho thật đã nên rằng,   
Khôn ngoan đến mực, nói năng phải lời.   
Tha ra thì cũng may đời,   
Làm ra thì cũng ra người nhỏ nhen.   
Đã lòng tri quá thì nên   
Truyền quân lệnh xuống trướng tiền tha ngay”.   
Trước đây Thúy Kiều đã khen Hoạn Thư:  
“Đàn bà thế ấy, thấy âu một người!   
Ấy mới gan, ấy mới tài”  
Và phong cho Hoạn Thư là “nhà ghen” (máu ghen đâu có lạ đời nhà ghen) thì nay lại khen “Khôn ngoan đến mực, nói năng phải lời”. Thúy Kiều là người “thông minh vốn sẵn tính trời” và “sắc đành đòi một, tài đành họa hai” mà không thể buộc tội nổi họ Hoạn thì rõ là họ Hoạn biện hộ đạt đến trình độ trác việt.   
Thúy Kiều có sự sai lầm - một sự sai lầm do sự biện hộ của Hoạn Thư mà ra. Xưa nay, người ta thường trị tội nặng những kẻ chủ mưu, kẻ cầm đầu còn xử nhẹ hoặc tha thứ cho kẻ thừa hành, kẻ giúp sức, kẻ a dua. Thế mà Thúy Kiều lại tha Hoạn Thư là kẻ cầm đầu, chủ mưu, còn bọn Ưng, Khuyển là kẻ thừa hành, giúp sức lại bị xử tử. Chính sự sai lầm của con người tài sắc Thúy Kiều (hay Nguyễn Du?) càng làm nổi bật tài biện hộ của Hoạn Thư.  
Hoạn Thư thật xứng với “Vốn dòng họ Hoạn danh gia”. Hoạn Thư đã được Thúy Kiều phong là “Ghen gia”. Nay chúng ta có thể khen thêm là Hoạn Thư xứng đáng dược gọi là “luật gia - trạng sư”.  
Thái độ và lời biện hộ của Hoạn Thư trước “Thẩm phán” Vương Thúy Kiều xứng đáng được các bị cáo và giới luật gia, luật sư học tập, coi đó như là thái độ và lời bào chữa mẫu mực.  
Lời bàn:   
Lời biện hộ của Hoạn Thư chỉ có giá trị đối với các thẩm phán như Thúy Kiều, chứ nếu gặp phải quan ngồi xử mà ngủ gục hoặc tối dạ, tham lam thì họ Hoạn đành nhận cái chết vậy.  
Theo luật tố tụng hình sự của ta ngày nay thì Thúy Kiều không được có mặt trong hội đồng xét xử. Thúy Kiều là người bị hại nên không thể khách quan, vô tư khi xét xử.  
Việc tha bổng Hoạn Thư gây nhiều tranh cãi và ấm ức trong lòng quần chúng nhân dân. Tha như vậy sẽ làm cho các chị em ghen tuông khoái chí, làm khó cho anh em ta. Đã tha Hoạn Thư thì phải tha Ưng, Khuyển mà bọn Ưng, Khuyển không tha được thì cớ sao tha Hoạn Thư? Nguyễn Du chưa để ý đến nguyên tắc xử lý tội phạm có tổ chức chăng? Kẻ chủ mưu cầm đầu mà tha thì kẻ thừa hành, giúp sức sao lại chết? Hay 1à bọn Ưng, Khuyển chết vì không biết biện hộ.  
Hoạn Thư được tha, còn mẹ Hoạn Thư – phu nhân quan Lại Bộ thì không thấy nói đến. Chỉ thấy bọn “lục lục thường tình” bị đầu rơi máu chảy. Phải chăng cụ Nguyễn Du không dám cho Thúy Kiều đụng đến gia đình ông lớn?!

**Lương Vĩnh Kim**

Lãng mạn pháp luật

**Một vụ kiện trời**

Một bà lão bán bánh dạo, đội thúng bánh tráng đi dọc bờ sông. Trời bỗng dưng nổi gió, làm bay lả tả bánh tráng xuống sông. Bà dừng lại, sửa lại thúng bánh, thấy thúng bánh vơi đi hơn một nửa. Thế là mất toi cả vốn lẫn công. Bà giận trời, sao hôm nay nổi gió mà không báo hiệu trước như mọi hôm để bà đề phòng. Ngồi nghĩ ngợi một lúc, bà quyết chí đi kiện bắt trời bồi thường hơn nửa thúng bánh cho bà.  
Bà lão đưa đơn tới quan, với niềm tin thắng kiện vì bà được nghe đồn về vị quan thông minh, nhân hậu mới nhậm chức ở địa hạt bà đang ở. Bà thưa:  
- Bẩm quan lớn nhân từ! Trời hại con bị mất hơn nửa thúng bánh ở chỗ khúc sông sâu. Con không còn vốn liếng để sinh sống. Mong quan trên xem xét, bắt trời đền cho con đủ số bánh đã mất.  
Vị quan rất ngạc nhiên hỏi bà lão:  
- Trời có lỗi gì? Và làm sao mà quan có thể bắt trời đền bánh cho bà?   
- Bẩm quan lớn! Con là kẻ nghèo hèn bán bánh dạo kiếm sống qua ngày. Thường ngày con vẫn đi về qua con đường này. Thỉnh thoảng, có gió nhẹ hoặc nếu có gió mạnh thì trời nổi giông, mây đen báo trước nên con đề phòng, chưa bị bay mất bánh bao giờ. Hôm nay, trời bỗng dưng nổi gió mạnh mà không có dấu hiệu báo trước nên con không đề phòng, gió hôm nay lại thổi ngược mọi hôm, làm cả thúng bánh của con bay xuống sông. Như vậy là trời có lỗi, xin quan lớn xử bắt trời đền bánh đa cho con. Trời không có ở đây thì đã có con trời làm đại diện. Lâu nay nhà vua vẫn thường tự xưng là thiên tử, thay trời cai trị muôn dân, con xin quan lớn xử bắt thiên tử thay trời đền bánh cho con.  
Nghe bà cụ trình bày xong, quan đổi từ ngạc nhiên qua khâm phục. Nhìn khuôn mặt phúc hậu và đôi mắt tinh anh của bà cụ, quan nghĩ ngợi hồi lâu rồi nói:  
- Bà hãy đưa ta đến chỗ khúc sông ấy để ta xem lại hiện trường.  
Bà lão đưa quan đến chỗ có bánh tráng bị mất, có đám lính theo hầu. Đứng trên bờ nhìn xuống sông, quan thấy có một số thuyền buôn căng buồm chạy qua. Thuyền đi thuận gió nên các tay chèo ngồi nghỉ, cất giọng hát vu vơ. Quan bắt dừng thuyền lại, gọi các chủ thuyền lên hầu kiện để quan xử tiếp. Quan hỏi bọn thuyền buôn:   
- Trước khi đi các ngươi có cúng bái gì không?   
- Dạ có! Bẩm quan lớn, cúng bái là việc phải làm trước khỉ xuất hành. - bọn thuyền buôn đều đồng thanh đáp.  
- Khi cúng, các ngươi vái, cầu khẩn những gì?   
- Dạ bẩm quan lớn! Chúng con vái, cầu khẩn xin trời phù trợ đi về thuận buồm xuôi gió, mua mau, bán đắt.  
- Thế hôm nay các ngươi đi có thuận gió không?  
- Bẩm quan lớn! Hôm nay, trời thuận gió nên chúng con căng buồm rồi nghỉ tay chèo.  
Khi cả bọn thuyền buôn còn ngơ ngác và trả lời thành thật các câu hỏi của quan như một cái máy thì quan phán:   
- Các người là những người đi buôn. Trước khi đi các ngươi đều sắm lễ vật cúng bái, đút lót cho trời để được “thuận buồm xuôi gió”, đi đến nơi, về đến chốn. Trời vì ăn của đút lót của các ngươi mà nổi gió làm bay bánh tráng của bà lão xuống sông. Vậy ta xử các ngươi có trách nhiệm liên đới bồi thường bánh tráng cho bà lão.  
Nghe quan trên lập luận sắc bén, cả bọn không bắt bẻ được chỗ nào đành chung tiền bồi thường thúng bánh đa cho bà lão.  
Lời bàn:   
Trời nổi gió thì thường có những dấu hiệu báo trước như sấm chớp, mây mù và phải nổi gió tùy mùa để dân biết trước mà đề phòng. Trời mà làm cái kiểu nổi hứng gió bất tử, chẳng nghĩ đến thần dân thì có ngày gặp người như bà lão nọ. Khen cho bà lão dám kiện trời. Lại khen cái lý lẽ của bà thật chặt chẽ, làm vị quan thông minh phải khâm phục. Quan thì không dám nói động đến vua, làm sao xét xử bắt vua đền nhưng vị quan cũng giỏi tìm ra cái lý để đền bánh đa cho bà lão. Xem thế đủ biết việc xét xử có thể biến hóa và linh hoạt biết dường nào.  
Trời nổi gió không báo trước còn bị kiện. Thế mà người nắm chức quyền nay cho sửa cái này, mai ban hành đổi cái nọ, làm thiệt hại cho biết bao người dân nhưng chưa thấy ai dám kiện như bà lão nọ. Không biết, trong dân không có người thông minh như bà lão nọ hay trong quan hết người biết nghe và phân xử như vị quan nọ.   
Tội nghiệp thay cho các anh thuyền buôn, vì mê tín, vô tình cúng bái mà chịu hậu quả. Trước miệng lưỡi nhà quan, cái không lý đã phải nghe, huống gì có lý, như vụ kiện này thì tránh sao được sự đền bồi. Xử được như vị quan trên thì nghĩ cũng nên nghe để mà học. Trời làm lỗi thì cuối cùng vẫn là dân chịu thiệt. Bà lão bán bánh đa không chịu thiệt thì các nhà buôn đền. Nếu không xử được cái nhà buôn thì tất phải tìm đâu đó cho ra người chịu chứ vô lẽ xử vua chịu.  
Đây là vụ kiện và phân xử hoàn toàn dựa theo lý: Tìm ra lỗi, xác định người có lỗi, người kế thừa, người liên đới trách nhiệm, rồi từ đó bắt bồi thường. Sự suy luận như trên là hợp với nguyên tắc pháp luật hiện nay. Trời không có ở thế gian thì con trời phải kế thừa nghĩa vụ bồi thường cho bà lão. Trời và bọn thuyền buôn có lỗi gây thiệt hại cho bà lão thì phải bồi thường. Không có trời ở đây thì bọn thuyền buôn có trách nhiệm liên đới phải bồi thường.  
Ngày nay, không thể suy luận như xưa để xử vụ án này vì hai lý do:  
- Một là, không có thiên tử nên bà lão không thể kiện (không có vua).  
- Hai là, không chấp nhận mối liên quan giữa cúng bái của bọn thuyền buôn và sự thuận gió của trời nên không thể bắt bọn buôn đền. Cúng bái như vậy là chuyện mê tín dị đoan.

**Lương Vĩnh Kim**

Lãng mạn pháp luật

**Đứa con của mẹ nào?**

Có hai người phụ nữ tranh chấp một đứa con. Họ đưa nhau đến nhờ quan phân xử, nhưng nhìn họ và đứa bé, các quan không thể nào đoán biết hoặc kết luận được đứa bé là con của người nào; vì cả hai người đều đưa ra các chứng cứ chứng tỏ họ là mẹ của đứa bé. Cuối cùng, vụ kiện được chuyển lên nhà vua.  
Vua cho đòi hai người mẹ và đứa trẻ đến hầu. Sau khi nghe hai người phụ nữ trình bày, nhà vua nghĩ ngợi một lát rồi phán:   
-Ta chịu, không thể nào biết đứa bé này là con của ai. Vậy ta kết luận đứa bé là con của cả hai ngươi. Lính đâu! Đem chặt đứa bé này ra làm hai để chia cho hai người mẹ của nó, mỗi người một nửa.  
Quân lính vâng dạ, lôi đứa bé đi để thi hành lệnh vua, thì một người phụ nữ mặt mày biến sắc, vội quì xuống thưa:   
- Bẩm vua, con không phải là mẹ đứa bé, con không dám tranh giành đứa bé nữa và xin chịu tội khai báo gian dối, nhận con bừa bãi.  
Còn người phụ nữ kia vẫn thản nhiên tự tại, nét mặt không có gì thay đổi. Nhà vua cho quân lính dừng tay rồi phán xử:  
- Giao đứa bé cho người mẹ đang quỳ kia. Bà ta chính là mẹ đứa bé.   
Sau khi người mẹ nhận con đi khỏi, vua cho lính tra hỏi người phụ nữ còn lại. Quả nhiên, bà ta không phải là mẹ đứa bé. Vua đã tìm ra được người mẹ đích thực của đứa bé bằng một mẹo nhỏ.  
Lời bàn:  
Nhà vua đã suy đoán và xử theo tình. Người mẹ luôn luôn có tình thương yêu vô bờ bến đối với con. Trước cái chết của đứa con, tất nhiên người mẹ xúc động, sợ hãi. Họ sẵn sàng từ bỏ quyền làm mẹ để cho con được sống. Chỉ có người không phải là mẹ mới thản nhiên trước cái chết của “con”.   
Có lẽ, không riêng câu chuyện trên đây mà nhiều chuyện khúc mắc khác có thể được tìm hiểu và xử theo suy luận của cái tình người.

**Lương Vĩnh Kim**

Lãng mạn pháp luật

**Hũ vàng của ai?**

Một người kia có mua của người láng giềng một miếng đất. Bữa đó nhằm ngày chót của “thời hoàng kim” và đến sáng hôm sau, sẽ chuyển qua “thời hắc ám”.  
Mua miếng đất xong, anh bèn đào đất ngay để dựng cột nhà, thì lại đào trúng một hũ vàng. Anh bèn lật đật chạy qua nhà người láng giềng, chủ cũ miếng đất, cho hay:   
- Tôi vừa đào trên miếng đất mà tôi mua của anh, tôi gặp một hũ vàng. Tôi mua đất chứ không mua hũ vàng, vậy xin trả hũ vàng lại anh!  
Người kia nói:  
- Tôi mừng giùm cho anh đó. Khi tôi bán cho anh miếng đất là tôi đã bán tất cả những gì có trên mảnh đất ấy. Vậy hũ vàng đó là của anh, tôi không có quyền nhận nó.  
Hai bên cứ nhường nhau mãi đến khi trời sắp tối mà chẳng ai chịu nhận hũ vàng. Hai bên đều nghĩ rằng cũng nên để qua ngày hôm sau cho đôi bên suy nghĩ lại chín chắn rồi hẵng hay. Đêm đó, đâu dè lại là lúc chuyển sang “thời hắc ám”: ngọn gió vật chất và tư lợi thổi tràn khắp mặt đất, tâm hồn đạo đức của hai bên đều bị ảnh hưởng hắc ám mà không hay.  
Sáng đến hai người lại gặp nhau như lời hẹn hôm qua.  
Người mua đất liền nói:   
- Tôi đã suy xét kỹ lại, thì quả lời nói của anh ngày hôm qua thật xác đáng. Tôi đã mua đất anh thì tất nhiên những gì có trong đất là của tôi.  
Người láng giềng nói:  
- Không phải vậy. Hôm nay tôi đã xét kỹ lại, thì lời nói của anh hôm qua là đúng. Anh không thể nào mua món đồ mà chính anh không cố ý mua. Anh chỉ mua đất chứ không mua hũ vàng. Anh trả lại cho tôi, rất đúng.  
Hai người cãi nhau, không ai chịu nhường cho ai hũ vàng cả. Họ trở thành thù địch, lôi nhau ra tòa, dùng đủ biện pháp và thủ tục để thắng kiện cho kỳ được, bên nào cũng chắc chắn là mình giữ phần phải, và đều vì công lý mà tranh đấu.  
Cuối cùng vụ việc cũng phải đưa đến vị quan để phân xử. Quan phán:   
- Hũ vàng thuộc tài sản quốc gia, vậy thu hồi sung công quỹ. Ai có công đào bới, phát hiện sẽ được Nhà nước khen thưởng. Các ngươi về làm đơn xin khen thưởng, đem nộp để quan xét.  
Hai người trở về viết đơn đem nộp quan rồi ngồi chờ từ năm này qua năm khác mà không thấy quan gọi. Năm năm sau họ lại cùng nhau phát hiện một hũ vàng khác, ở chỗ ranh giới chung của hai mảnh vườn nhưng không thấy họ kiện lên quan nữa. Trời đất đã chuyển “thời hắc ám” thành “thời khôn ra”.  
Lời bàn:   
Lúc hai người nhường nhịn nhau thì ai cũng tìm ra cái lý để nhường nhịn. Lúc giành nhau hũ vàng thì ai cũng tìm ra cái lý để giành nhau. Thế mới biết cái lý để tranh luận là vô cùng, chưa biết cái lý nào là cái lý đáng được chấp nhận. Do vậy, con người cần sử dụng pháp luật để áp đặt một cái lý duy nhất cho hai cái lý trên. Nhưng than ôi! Còn có cái lý thứ ba là cái lý sung công mà hai kẻ kia chưa biết. Khi biết thì họ “khôn ra” không còn dám nhờ đến pháp luật nữa.

**Lương Vĩnh Kim**

Lãng mạn pháp luật

**Về vụ xử tử không thành của người da đỏ**

Ất đi chu du thiên hạ, chẳng may lọt vào một vùng cấm kỵ của dân da đỏ. Ngay chỗ linh thiêng của bộ lạc, Ất làm một “bãi quận công”. Luật tục của bộ lạc rất nghiêm khắc. Bất cứ ai làm dơ bẩn vùng cấm kỵ linh thiêng ấy đều bị xử tử. Ất bị bọn lính canh bắt quả tang lúc chưa xong chuyện ấy, hết đường chối cãi.  
Bọn lính giải Ất đến gặp vị Tù trướng. Sau khi nghe bọn lính trình bày sự việc, vị Tù trưởng phán:  
- Trước khi chết, ta cho ngươi phát biểu một câu để ghi vào sổ lưu của bộ lạc ta. Nếu câu do ngươi nói ra là câu đúng thì ta cho ngươi chết treo, nếu câu nói của ngươi là câu sai thì ta cho ngươi chết chìm.  
Ất run sợ trước cái chết nhưng rồi chàng cũng bình tĩnh đón nhận. Chàng nghĩ rằng chết treo hay chết chìm cũng là chết nhưng phải chọn cái chết nào nhanh và dễ chịu hơn. Suy nghĩ một lát, rồi chàng nói:  
- Tôi sẽ chết chìm!   
Tù trưởng sai lính ghi tên họ và câu nói ấy của Ất vào sổ lưu của bộ lạc, rồi sai lính thực thi mệnh lệnh như đã hứa với Ất. Nhưng khi bọn lính giải Ất ra dìm nước thì bỗng dưng có người lính kêu lên:  
- Khoan! Cho nó chết chìm là nó đã nói đúng hình thức chết của nó. Mà Tù trưởng ta đã hứa là nếu nó nói câu đúng thì cho chết treo. Ta phải đem treo cổ nó để giữ lời hứa của Tù trưởng ta.  
Khi bọn lính dong Ất đến giá treo cổ thì một người lính khác lại kêu lên:  
- Khoan! Cho nó chết treo thì câu nói của nó là câu sai. Mà Tù trưởng ta đã hứa với nó là nếu nó nói câu sai thì cho nó chết chìm. Vậy ta phải cho nó chết chìm để giữ lời hứa cho tù trưởng ta.  
Cứ thế bọn lính lại giải Ất đến chỗ vực sâu, rồi lại giải về chỗ treo cổ. Vì phải giữ lời hứa cho Tù trưởng nên bọn chúng không sao thi hành dược.  
Quanh đi, quẩn lại không biết xử trí thế nào, bọn lính đành giải Ất về yết kiến Tù trưởng trình bày sự việc. Vị Tù trưởng không thể vi phạm lời hứa nên đành tha Ất. Khi trở lại quê nhà, Ất kể cho họ hàng, bè bạn nghe câu chuyện mà chàng đã gặp phải trên đường chu du. Ai cũng khen chàng thông minh nhưng cũng khen dân da đỏ biết phép suy luận và tôn trọng lời hứa. Từ đó, Ất không dám làm cái việc “sau quận công” trong các chuyến hành trình chu du đây đó nữa.  
Lời bàn:   
Luật pháp và mệnh lệnh có khi tự mâu thuẫn nhau khiến cho người thi hành, không thi hành được. Đây là câu chuyện hoàn toàn lãng mạn nhưng có giá trị thực tiễn cao. Các nhà làm luật cần thận trọng khi ban hành pháp luật, để không có ngày gặp phải tình huống không sao thi hành được.

**Lương Vĩnh Kim**

Lãng mạn pháp luật

**Bà Thủ Khoa Nghĩa minh oan cho chồng**

Bùi Hữu Nghĩa sinh ra và lớn lên trong gia đình nghèo làm nghề chài lưới tại làng Long Truyền, Bình Thủy, Cần Thơ. Từ nhỏ ông học giỏi, nổi tiếng là người thông minh hay chữ, song vì quá nghèo nên đành bỏ dở việc học. Trong làng có gia đình họ Ngô mến tài, trọng đức nên đã giúp cho ông lên Biên Hòa học trường thầy đồ Hoành và ở trọ nhà hộ trưởng Nguyễn Văn Lý.   
Năm 1835 ông đỗ thủ khoa trường thi Gia Định (nên thường gọi là Thủ Khoa Nghĩa) rồi ra Huế thi Hội nhưng bị rớt. Tuy vậy, ông cũng được bổ vào tập sự ở Bộ Lễ chờ ngày nhậm chức chính thức. Ít lâu sau, ông được bổ nhiệm chính thức chức tri phủ Phước Long (Biên Hòa). Trên đường về quê, ông ghé chào thầy Đồ Hoành nhưng quên không ghé nhà hộ trưởng Nguyễn Văn Lý. Cô Nguyễn Thị Tốn - con gái ông Nguyễn Văn Lý - giận lắm. Khi Tri phủ Phước Long sắp ra khỏi làng, cô Tốn vội chạy theo, rẽ đám tùy tùng níu võng ông Tri phủ lại mà dạy cho bài học về nghĩa thủy chung. Cảm phục cử chỉ khảng khái này, nên sau khi nhậm chức, ông sắm lễ cầu hôn với cô Tốn. Cô Tốn cho đây là hành động của người quân tử nên đã ưng thuận và xin cha mẹ cho theo chàng nâng khăn sửa túi.  
Ở Biên Hòa một thời gian, Thủ Khoa Nghĩa được điều đi nhậm chức ở phủ Trà Vang (Trà Vinh), tỉnh Vĩnh Long, tùng sự dưới quyền Tổng đốc Trương Văn Uyển và Bố chánh Truyện. Tính tình Thủ Khoa Nghĩa cương trực, không thiên vị luồn cúi ai. Thời gian làm tri phủ Trà Vinh, em vợ quan Bố chánh hỗn xược, ông thẳng tay trừng trị, cho đánh đòn nên quan Bố chánh thù oán rắp tâm hãm hại.  
Tương truyền, người Miên đã cứu giúp lương thực cho Nguyễn Ánh trong lúc chống nhau với Tây Sơn, cho nên khi lên ngôi, nhà vua đã xuống chiếu miễn thuế thủy lợi cho dân Miên để đền ơn. Thấy công trình thủy lợi đó quan trọng và thu được nhiều lợi, có một số người Tàu lo lót với Tổng đốc Uyển và Bố chánh Truyện để giành lấy độc quyền sử dụng và đắp đập khai thác. Các hương mục Miên kéo nhau đến kiện ở dinh Tri phủ Bùi Hữu Nghĩa. Tri phủ Nghĩa xử rằng: “Việc tha thuế thủy lợi là ơn riêng của vua Thế Tổ ban cho dân Miên, nay ai nhỏ hơn vua Thế Tổ mà đứng ra bán rạch ấy thì có chém đầu cũng không sao!”. Được lời như cởi tấm lòng, dân Miên bèn kéo đến phá đập của người Tàu. Giữa hai bên xảy ra quyết chiến, bên nào cũng có kẻ chết, người bị thương, đặc biệt phía người Tàu bị nhiều thiệt hại về nhân mạng. Nhiều dân Miên bị bắt khai ra lời xử án của Tri phủ Bùi Hữu Nghĩa. Tổng đốc Uyển và Bố chánh Truyện vốn có tư thù với ông Nghĩa nên nhân cơ hội này bắt ông Nghĩa giải về Gia Định rồi đệ sớ lên triều đình tâu buộc ông Nghĩa vào tội xúi giết người và làm loạn, ý muốn nói vì ông Nghĩa nên mới có đánh nhau gây án mạng.  
Đứng trước oan ức của chồng, bà Thủ Khoa Nghĩa quyết lặn lội ra Huế kêu oan.   
Bấy giờ, Phan Thanh Giản đang làm Thượng thư Bộ Lại. Bà Thủ Khoa Nghĩa tìm đến tư dinh cụ Phan Thanh Giản để trình bày sự lộng quyền của các quan Vĩnh Long, rồi đến Tam Pháp Ty khua ba hồi trống “kích cổ đăng văn” (Tam Pháp Ty gồm có nhân viên cao cấp của Bộ Hình, Đô Sát viện và Đại lý tự họp xử bất thường đối với những vụ đặc biệt, có người đánh trống kêu oan).  
Bà Thủ Khoa vừa khua trống thì một thầy đội chạy đến thu tờ trạng đem vào cho viên quan trực trong Nội. Ông này dâng lên vua. Vua giao cho Tam Pháp Ty nghị án rồi chính vua chung thẩm như sau:  
“Tha tội tử hình cho Bùi Hữu Nghĩa, song phải quân tiền hiệu lực, lập công chuộc tội”.   
Bà Từ Dũ, mẹ vua Tự Đức, nghe tin này lấy làm cảm thương cho người liệt phụ đồng hương, bèn cho mời vào, ban cho tấm biển chạm bốn chữ vàng: “Liệt phụ khả gia”. Cứu được chồng, bà Thủ Khoa Nghĩa từ giã kinh đô, thẳng đường về quê hương ở tỉnh Biên Hòa.  
Khi bà mất, ông Nghĩa đang xung quân ở vùng Châu Đốc, nghe tin vội xin về, nhưng tới nhà thì mọi sự ma chay đã xong. Vô cùng thương tiếc, ông làm một bài văn tế và đốt bên mộ vợ. Bài văn có những câu thống thiết:   
“Nơi kinh quốc mấy hồi trống gióng, biện bạch này oan, nọ ức, đấng hiền lương mắt mắt thảy đau lòng. Chốn tỉnh đường một tiếng hét vang, hẳn hòi lẽ chánh, lời nghiêm, lũ băng đảng tai nghe đều mất vía.”   
Ông Nghĩa còn có đôi liễn thờ vợ bằng chữ Hán:   
“Ngã bần, khanh năng trợ, ngã oan khanh năng minh, triều dã giai xưng khanh thị phụ.  
Khanh bệnh, ngã bất dược, khanh tử ngã bất táng, giang sơn ưng tiếu ngã phi phu.   
Nghĩa là:  
“Tớ nghèo mình lo giúp, tớ oan mình lo kêu, chòm xóm đều khen mình đáng vợ.  
Mình đau tớ chẳng nuôi, mình chết tớ chẳng táng, non sông thẹn phận tớ làm chồng”.  
Lời bàn:   
Ngày xưa, dân rất sợ quan. Thế mà một cô gái quê dám níu võng ông Tri phủ để dạy đạo làm người - sự thủy chung - thật đáng ca ngợi biết bao. Ông Bùi Hữu Nghĩa biết nhận lỗi và chọn cô Tốn làm vợ thì quả là sáng suốt, đáng khen. Ông chọn được vợ hiền, bản lĩnh nên nhờ đó mà về sau thoát nạn.  
Bà Tốn dám níu võng quan phủ để dạy cho bài học thì tất nhiên bà cũng dám lặn lội ra Huế gióng trống kêu oan cho chồng, không lấy gì làm ngạc nhiên. Nhưng ngạc nhiên ở chỗ: Sao mà cái trống của Tam Pháp Ty dễ đến đánh quá vậy? Nếu bây giờ mà có cái trống từa tựa như trống ấy thì sẽ có bao nhiêu là... lãng mạn.

**Lương Vĩnh Kim**

Lãng mạn pháp luật

**Tây Môn Báo xử tội bọng đồng cốt: “Hà Bá lấy vợ”**

Tây Môn Báo người nước Ngụy, sống vào thời Chiến quốc, nổi tiếng xử án rất thẳng, được Ngụy Văn Hầu tin dùng, cho làm thái thú, ra trấn giữ Nghiệp Đô. Khi mới đến Nghiệp Đô, trông thấy phong cảnh tiêu điều, dân cư thưa thớt, Tây Môn Báo liền triệu các phụ lão đến để hỏi. Các phụ lão đều nói:  
- Dân chúng tôi đều khổ về một nỗi, Hà Bá lấy vợ!  
Tây Môn Báo nói:   
- Quái lạ! Hà Bá lấy vợ thế nào? Các ngươi nói rõ cho ta nghe.  
Các phụ lão nói:  
- Sông Chương Thủy phát nguyên từ Cô Lĩnh, chảy qua Sa Thành, chảy đến đất Nghiệp Đô này, gọi là sông Chương Hà. Hà Bá tức là thần con sông ấy. Thần thích vợ đẹp, mỗi năm bắt dân phải nộp một người. Chịu nộp thì mưa thuận gió hòa, hoa màu tươi tốt nếu không thì thần phạt, dâng nước lên làm hại cửa nhà.   
Tây Môn Báo hỏi:  
- Ai xướng thủy ra việc ấy?   
Các phụ lão nói:  
- Bọn đồng cốt ở ấp tôi xướng thủy ra việc ấy. Dân chúng tôi sợ cái hại nước lụt, vậy phải thuận theo. Mỗi năm, các hào trưởng trong làng cùng bọn đồng cốt bổ cho dân phải nộp mấy trăm vạn quan tiền, dùng một phần làm phí tổn cho Hà Bá lấy vợ, còn thì chia nhau.  
Tây Môn Báo hỏi:  
- Chúng nó chia nhau mà dân lại không nói câu gì hay sao?   
Các phụ lão nói:   
- Bọn đồng cốt để giữ được việc cầu cúng, còn các hào trưởng trong làng có cái công thu bổ thì họ cũng phải ăn vào đấy, chúng tôi đâu dám phàn nàn! Nhưng có một điều rất khổ là cứ về đầu năm, bọn đồng cốt thấy con gái nhà ai có nhan sắc thì bảo người con gái ấy đáng làm vợ Hà Bá, có chịu lễ nhiều tiền thì họ mới tha, lại bắt người khác. Kẻ nào nhà nghèo, không có tiền lễ thì phải nộp con gái. Bọn đồng cốt lập một cái nhà trai cung ở bờ sông, màn che trướng phủ, toàn đồ mới cả; bắt đứa con gái ấy tắm gội thay áo rồi cho ở đấy, chọn được ngày tốt, đem người con gái ấy để ngồi vào cái thuyền cỏ, thả ra giữa dòng sông, đi được dộ vài mươi dặm thì tự khắc chìm mất. Dân chúng tôi khổ về những sự phiền lụy ấy, cũng có người thương con gái quá, không muốn nộp cho Hà Bá thì đem con trốn di, vì thế mà trong thành mỗi ngày một vắng vẻ.  
Tây Môn Báo lại hỏi:  
- Ấp các ngươi đã bị lụt bao giờ chưa?  
Các phụ lão nói:  
- Năm nào dân chúng tôi cũng chịu nộp con gái, vậy nên thần không trách phạt bao giờ? Nhưng ấp chúng tôi đất cao, đường xa, nước sông khó vận tới được, dầu chẳng bị lụt mà thỉnh thoảng lại phải tiêu khô cũng hại lắm thay!  
Tây Môn Báo nói:  
- Thần đã thiêng như vậy thì để hôm nào nộp con gái, ta cũng đến, rồi ta sẽ cầu đảo cho các ngươi.  
Khi tới kỳ, các phụ lão đến bẩm. Tây Môn Báo đội mũ, mặc áo nghiêm chỉnh thân hành ra đứng ở bờ sông. Phàm những quan thuộc trong ấp, tam lão và các hào trưởng lý dịch đều đến đông đủ. Dân kéo ra xem, kể hàng nghìn người. Bọn tam lão và hào trưởng đưa một bà già đồng ra, trông mặt có ý kiêu ngạo. Các đệ tử hơn hai mươi người, khăn áo sặc sỡ, đều xách lẵng hương đi theo sau. Tây Môn Báo bảo bà đồng già ấy rằng:   
- Dám phiền nhà ngươi gọi vợ Hà Bá ra đây cho ta xem mặt.  
Bà đồng sai đệ tử gọi đến. Tây Môn Báo trông thấy nhan sắc tầm thường, liền bảo bà đồng và bọn tam lão rằng:  
- Hà Bá là một bậc quý thần, phải tìm người con gái rất đẹp thì mới xứng đáng. Người này không được. Ta phiền nhà ngươi xuống nói với Hà Bá rằng, vâng lời quan thái thú, xin tìm người con gái khác đẹp hơn, hôm sau sẽ nộp.   
Tây Môn Báo sai ngay mấy tên lính ôm bà đồng ném xuống sông. Mọi người chung quanh, ai cũng kinh sợ mất vía. Tây Môn Báo cứ ngồi yên để đợi.  
Được hồi lâu, Tây Môn Báo nói:  
- Bà đồng tuổi đã già, không được việc, xuống sông bấy lâu mà chưa thấy về trả lời. Các đệ tử nên đi giục hộ bà ta.  
Tây Môn Báo lại sai đệ tử nọ nắm người đệ tử kia mà thảy xuống sông. Được ít lâu, Tây Môn Báo lại nói:   
- Đệ tử đi mãi chưa về.  
Nói xong lại sai một đệ tử khác đi giục. Tây Môn Báo lại chê là chậm, lại bắt người nữa đi. Cả thảy ba đệ tử nhảy xuống sông, đều không thấy trở về. Tây Môn Báo nói với tam lão rằng:  
- Bọn ấy là dàn bà nói năng không rõ, phiền tam lão xuống nói hộ để cho được minh bạch.  
Tam lão từ chối, Tây Môn Báo quát to lên rằng:  
- Đi mau! Thế nào về trả lời cho ta biết.  
Quân lính lôi ngay tam lão, đẩy xuống dưới sông, không cho nói năng gì nữa. Người xem chung quanh ai cũng khiếp sợ. Tây Môn Báo vẫn chắp tay đứng ở bờ sông đợi, trông rất nghiêm và thành kính.  
Chờ một hồi lâu nữa, Tây Môn Báo lại nói:  
- Tam lão già cả, cũng chẳng nên việc, lại phải phiền đến các hào trưởng mới được.  
Bọn hào trưởng mặt như chàm đổ, dường dế run, đều sụp lạy kêu van không dám ngẩng cổ dậy.  
Tây Môn Báo nói:  
- Hãy đợi một lúc nữa.  
Mọi người đều run sợ. Lại quá một khắc nữa, Tây Môn Báo lại nói:  
- Nước sông chảy cuồn cuộn, nào thấy Hà Bá ở đâu! Chúng bay làm hại bao nhiêu người con gái ở đất này, cái tội ấy chúng bay phải đền mạng!   
Bọn hào trướng sụp lạy kêu rằng:  
- Xưa nay chúng tôi vẫn bị đám đồng cốt lừa dối, chứ không phải tội chúng tôi.  
Tây Môn Báo nói:  
- Bà đồng đã chết rồi, từ nay về sau nếu có ai còn nói đến việc Hà Bá lấy vợ nữa thì bắt ngay người ấy làm mối, xuống nói với Hà Bá. Còn bọn hào trưởng kia thu bao nhiêu tiền của dân thì bây giờ phải đem trả lại hết.  
Tây Môn Báo lại truyền cho phụ lão chọn những trai lành, người nào lớn tuổi mà chưa có vợ thì đem nữ đệ tử gả cho. Từ bấy giờ mất hẳn thói đồng cốt.  
Những dân đi trốn khi trước, lại đem nhau về cả. Tây Môn Báo lại xem địa thế, cho dân đào 12 cái ngòi thông với sông Chương Thủy cho thế nước rút bớt đi. Các khoảnh ruộng ở giữa, có nước tránh khỏi cái nạn tiêu khô, lúa tốt lắm, làng mạc trù phú, nhân dân no đủ vui vẻ.  
Lời bàn:   
Làm quan mà nổi tiếng xử án rất thẳng như Tây Môn Báo là hiếm có xưa nay. Nhưng làm án tài giỏi ở chỗ: Không những trị tội được bọn đồng cốt, bọn cường hào ác bá vơ vét, làm hại dân lành mà còn dẹp được vĩnh viễn cái nạn mê tín dị đoan - nguồn gốc phát sinh tội phạm - thì xưa nay hiếm. Cái lý lẽ và khung cảnh xử án do Tây Môn Báo bày ra, buộc bọn đồng cốt phải chết mà không cãi vào đâu được. Bọn đồng cốt dùng mê tín để kiếm ăn, hại người thì nay bọn chúng phải chết vì chính cái lệ mê tín do chúng đặt ra là đáng lắm thay!   
Bọn đồng bóng và chức sắc chẳng qua chỉ kiếm ăn mà đặt ra lễ lạt này nọ, nhưng chúng lại dựa vào tình trạng dân trí thấp kém, cả sợ và dễ tin quàng xiên để đẩy họ vào chỗ chết oan uổng. Rõ ràng bọn hào lý và đồng cốt kia thật tàn nhẫn.  
Hiện nay, các trò mê tín dị đoan đang phục hồi và phát triển, khiến một số người cả tin đến mức chết oan. Xã hội ta cần nhiều người như Tây Môn Báo để trừ hại giúp dân.

**Lương Vĩnh Kim**

Lãng mạn pháp luật

**Vụ thả tử tù của Tô Ký**

Tô Ký là một vị quan võ, thông minh, tài trí và có lòng nhân đạo, liêm chính, cần mẫn, được vua Túc Tôn nhà Đường trọng dụng. Sau khi dẹp loạn An Lộc Sơn, số người bị bắt giam có đến hàng trăm ngàn người. Nhà vua liền cử Tô Ký đến Lư Châu, một trấn quan trọng có nhiều hình án để thanh tra xem xét lại. Trước khi Tô Ký đi, vua Túc Tôn có lời dụ: “Nhân dân đều là con đỏ của triều đình, vì đói rét hoặc vì ngu dốt hoặc vì cưỡng ép mà phạm tội, trẫm lấy làm thương xót, vậy trừ những kẻ cùng hung cực ác ra, còn thì nên khoan thứ, khiến cho chúng có dịp sửa mình, ăn năn hối cải”. Tô Ký vâng lệnh lạy tạ vua rồi lui về sửa soạn lên đường.  
Tới Lư Châu, Tô Ký từ chối tất cả những cuộc chiêu đãi tiệc tùng, mua chuộc của các quan, dân địa phương. Tô Ký bắt tay vào xét ngay các việc hình án.  
Sau một tháng xem lại hồ sơ của hơn một ngàn tù nhân tại nhà giam ở Lư Châu và cân nhắc; Tô Ký thả cho về gần tám trăm người, chỉ giữ lại hơn hai trăm người bị khép vào án tử. Sau đó, Tô Ký lại xem xét kỹ một lần nữa và cho giảm hơn một trăm án tử thành án đi đày, số còn lại đều là những kẻ gian ác có bằng chứng rõ ràng, phải y án xử tử, chỉ chờ ngày hành quyết.  
Gặp ngày 30 tết, cả nhà Tô Ký sum họp, chuyện trò vui vầy. Đang uống rượu vui, bỗng một ý nghĩ thoáng qua, làm cho Tô Ký dừng chén lại và tỏ ý không vui. Bà mẹ lấy làm lạ, hỏi vì cớ gì. Tô Ký cung kính bẩm lại với mẹ:   
- Thưa mẹ, người đời ai chẳng muốn được sống trong cảnh đoàn viên sum họp, nhất là ngày Tết, cảnh ấy lại càng nên có. Con được ngồi hầu mẹ và vợ con vui vẻ thế này nên con sực nghĩ đến bọn tử tù kia, đang chịu cảnh gông cùm xiềng xích, đã không mong gì sống, đến cả cánh vui vầy hôm nay ai cũng được hưởng, mà chúng phải khổ sở, nhớ thương cha mẹ vợ con, thật đáng nên thương xót.  
Bà mẹ nghe nói xiết bao cảm động, bèn sai quản gia đem các thứ bánh trái chi phát cho các tử tù. Tiệc xong, Tô Ký lên công đường, truyền lệnh cho cai ngục giải tết cả tử tù đến cho quỳ trước mặt. Bọn tù đang chờ ngày hành quyết, nay bỗng có lệnh giải đến trình quan, ngỡ bị đem hành hình nên cả bọn đều sợ xanh mặt. Nhưng khi đến nơi thấy nét mặt Tô Ký hiền hậu vui vẻ thì ai nấy yên lòng. Tô Ký ra lệnh tháo hết xiềng xích gông cùm ở tay chân tử tù rạ, rồi ôn tồn hỏi bọn tù:  
- Các người bị giam nơi ngục tối có còn nhớ ngày tháng không?   
Mấy tên quỳ ở hàng đầu nói:  
- Bẩm quan, chúng tôi cần phải nhớ ngày tháng để xem ngày nào chịu chết đặng nhờ báo vợ con cúng giỗ.  
Tô Ký hỏi:  
- Thế hôm nay là ngày gì?   
Cả bọn đồng thanh nói:  
- Hôm nay là ngày trừ tịch hết năm cũ, sang năm mới!   
- Vậy các ngươi có muốn về nhà cùng vợ con ăn tết không?   
Nghe câu hỏi lạ lùng của một vị quan, cả bọn tù ngơ ngác nhìn nhau, họ nghĩ ràng vị quan ấy dùa cợt, mỉa mai mình nên ai nấy làm thinh. Tô Ký giục:  
- Thế nào? Sao các ngươi không trả lời?   
Một tên ấp úng nói:  
- Bẩm quan! Chúng tôi đây cũng như mọi người, có cha mẹ, vợ con, chỉ vì lâm vào vòng tù tội nên phải dứt tình với những người thân yêu trong gia đình nên bây giờ có muốn hưởng cái diễm phúc sum họp ấy cũng không thể nào được nữa.  
Câu nói đó làm cả bọn cảm động ứa nước mắt. Tô Ký nói:  
- Nếu các ngươi muốn, ta sẽ cho về ăn tết đủ ba ngày với gia đình, nhưng có giữ lời trở lại đây đúng hẹn không?  
Như còn nửa tin nửa ngờ, cả bọn đều ngơ ngác, chưa biết đáp ra sao thì Tô Ký nói:  
- Giữ đúng lời hẹn, ta cho về ngay mà!   
Cả bọn đồng thanh nói:  
- Nếu quan lớn mở lòng trời bể cho chúng tôi được hưởng ba ngày đoàn viên gia đình thì không khác gì chúng tôi được sống thêm mấy chục tuổi nữa, có bao giờ chúng tôi lại phụ lòng đại đức, đại ân của ngài.  
Chẳng ngần ngại, Tô Ký truyền thả cả bọn về nhà ăn tết và dặn sáng ngày mồng bốn thì tất cả phải tự đến trại chịu giam lại.  
Thấy Tô Ký làm việc lộng quyền và nguy hiểm ấy các thuộc viên đều lấy làm lo sợ, cho rằng bọn tử tù ấy đều là bọn cướp của giết người, nay thả cho ra khác nào thả hổ về rừng. Thật là việc nguy hiểm, chỉ một đứa không trở lại cũng đủ mệt rồi, huống gì gần hai trăm đứa.   
Nghe tiếng than phiền lo lắng của thuộc hạ, Tô Ký chỉ mỉm cười không nói gì, nhưng trong lòng cũng hơi lo. Nhưng ông nghĩ ràng không lẽ ông làm một việc thi ân báo đức như vậy mà kẻ thọ ơn nỡ phụ lòng, và ông cũng tin tướng chắc chắn rằng lòng nhân từ của ông được trời phật độ trì.   
Hết ba ngày tết, đến sáng mùng bốn, ai nấy đều nôn nao trông đợi xem bọn tử tù có trở lại đủ số không. Cả nha môn mọi người như tỉnh như mê trước cảnh tượng gần hai trăm tử tù, kẻ gần người xa đều tấp nập kéo đến công nha, xếp hàng trật tự, đi vào trước công đường lạy tạ.  
Tô Ký cho điểm lại, thấy thiếu mất một người. Tra lại họ tên thì đó là một tên cường đạo. Chờ đến nửa ngày mà chẳng thấy tên này đến, ai nấy đều chắc nó đã cao chạy xa bay rồi và hắn sẽ nhiễu hại lương dân như trước, trừ phi quân lính bắt lại được. Chính Tô Ký cũng lấy làm lo.  
Đương lúc mọi người lo lắng thì bỗng một người cao lớn đi vào vùn vụt như bay, cúi đầu nhận tội:  
- Bẩm quan lớn, kẻ tiểu nhân này chậm trễ, làm cho quan lớn phải bận lòng. Đó là vì trong lúc đến đây, dọc đường qua một cánh rừng, tiểu nhân thấy một con cọp xám bắt một thiếu nữ cõng chạy. Nghe tiếng kêu khóc của nạn nhân, tôi phải xông vào cứu. Không ngờ lại có một con nữa nhảy chồm ra, một mình tôi phải liều mạng chống với hai ác thú, đến gần nửa ngày mới giết được cả hai. Sau đó tôi còn phải cứu thiếu nữ kia, đưa cô ấy về nhà nên mới đến chậm, xin quan lớn lượng thứ cho.  
Tô Ký nhìn ngắm, thấy tên tử tù thật là một tay anh hùng hảo hớn, thân hình vạm vỡ mạnh mẽ khác thường, lại can đảm và nghĩa hiệp như vậy thì trong lòng cảm phục lắm. Ông làm sớ tâu lên vua đầu đuôi sự việc là thả tù cho về ăn tết, tù nhân nào cũng trở về y hẹn, cùng việc đánh cọp cứu người của Lưu Đại Chữ.  
Sớ được dâng lên, Vua xem và ban khen rồi chiếu chỉ cho cả bọn tử tù ấy được miễn ở tù, giao họ cho Lưu Đại Chữ tổ chức lập một đội ấp, lo khai hoang trồng trọt, làm ruộng chăn nuôi để gia đình họ sống tự túc Nếu có giặc giã, họ sẽ là đội quân của triều đình, cùng chiến đấu như những đội quân khác.  
Từ dó tất cả tử tù trở thành công dân lương thiện và trung thành với ông vua đức độ và quan Tô Ký nhân từ.  
Lời bàn:   
Thực thi pháp luật như Tô Ký thì thật là lãng mạn. Coi pháp luật như là cái gì bay bổng để mà thử chơi. Tử tù mà bỏ đi cả thì chỉ có cách cười và đưa đầu chịu chết, phiêu lưu với mạng sống của mình như thế thì thật là siêu. Tô Ký vì tử tù nên tử tù cũng vì Tô Ký. Họ đã trở lại đủ để chịu chết chứ quyết không chịu thất tín với quan Tô Ký nhân từ. Vậy họ là những con người trung tín sao lại còn bị mang án tử? Chẳng phải luật pháp đã xử nhầm ư? Khiếm khuyết chỗ nào đó ư?  
Pháp luật có khiếm khuyết, nhầm lẫn mà có quan thực thi pháp luật nhân từ, đức độ như Tô Ký thì cũng khắc phục được, đỡ hại dân lành. Nhưng nếu pháp luật dù có hoàn thiện đến đâu chăng nữa mà không có người thực thi pháp luật nhân từ, liêm chính thì vẫn hại lắm thay. Pháp luật là cái hữu hạn và tĩnh, còn cuộc đời là cái vô hạn và động thì làm sao lấy cái tĩnh và hữu hạn úp vào cái động và vô hạn? Cần quan thực thi pháp luật như Tô Ký là nhằm khắc phục cái dôi ra của cuộc đời.  
Bọn tử tù thật xứng đáng được tha! Nhưng cũng nhờ có vua đức độ nên mới tuyển chọn và sử dụng được quan Tô Ký nhân từ nên bọn tử tù kia mới gặp đại phúc. Suy cho cùng thì chính mẹ của Tô Ký mới là nguồn gốc đem lại đại phúc cho bọn tử tù kia.

**Lương Vĩnh Kim**

Lãng mạn pháp luật

**Xử kẻ vô ơn**

Một người làng chài lương thiện thật thà, làm ăn trên một khúc sông kia. Về mùa lũ, nước sông đổ về cuồn cuộn. Một lần ngồi trên thuyền, anh ta nghe tiếng kêu cứu rất khẩn cấp, vội chèo thuyền tới nơi, thấy một người đang sắp chết đuối, vạn phần nguy cấp. Anh ta vội vàng thò cây sào xuống cho người bị nạn bám lấy leo lên thuyền. Song do hấp tấp, đầu bịt sắt của cây sào đâm vào mắt người bị nạn. Cái sống, cái chết gần kề nên người bị nạn chịu đau, cố trèo lên thuyền. Sau khi được sưởi ấm, thay quần áo khô và băng bó vết thương cẩn thận, người ấy hồi phục. Song hắn lại đổi ân thành oán, bắt đền con mắt bị thương kia. Anh làng chài lúng túng không biết xử trí ra sao. Người bị nạn liền đâm đơn đi kiện.  
Gặp vụ kiện, quan huyện cũng rất đau đầu. Đứng về lý thì anh thuyền chài chọc thủng mắt anh kia. Người bị nạn lại không biết điều, không nhớ ơn người cứu mạng mình nên không thể phân giải bằng tình được. Hắn lại đòi, nếu không bồi thường được con mắt thì anh làng chài phải đi ở suốt đời cho hắn, bởi vì hắn không thể làm lụng được nếu không có con mắt.   
Quan suy nghĩ mãi, đọc các sách để tra cứu cách xử tốt nhất, dạy cho kẻ vô ơn một bài học nhớ đời. Cuối cùng, quan tìm được một cách. Tại công đường, quan hỏi anh làng chài:  
- Sao anh lại làm bị thương con mắt của hắn?   
Người làng chài lúng túng chưa kịp trả lời thì tên kia đã nhanh nhểu cướp lời:  
- Tôi đang ở dưới nước, nó lấy sào đâm xuống làm con mắt của tôi bị hỏng.  
Quan hỏi tên bị hỏng mắt:  
- Sao bảo lúc đó anh sắp chết đuối giữa dòng?  
- Không phải! Lúc ấy tôi ở giữa dòng nước chứ không phải sắp chết đuối.  
Quan bảo người làng chài:  
- Vì anh làm mắt hắn bị thương, vậy anh phải làm lại con mắt hắn lành như cũ.  
Quan lại hỏi người kia:  
- Lúc anh chìm dưới nước, mắt đã bị thương chưa?   
- Còn tốt nguyên!  
Bấy giờ quan mới phán:   
- Vậy thì, thầy Đội! Thầy hãy cho lính quẳng tên này xuống chỗ hắn sắp chìm để anh làng chài tìm cách chữa cho hắn. Nếu không chữa được ta sẽ bắt tội.   
Thấy thái độ quan kiên quyết, anh chột mắt sợ quá, nếu bị ném vào dòng nước ấy thì còn gì nữa mà chữa nên xin rút đơn.  
Quan sai lính đánh cho ba chục roi về tội vô ơn.  
Lời bàn:   
Theo triết gia Aristote thì “Lòng biết ơn là đức tính khởi đầu cho mọi đức tính”. Chính nhờ có lòng biết ơn mà trong gia đình có sự hiếu đễ, thuận hòa; trong xã hội có sự tận trung báo quốc, giữa con người có lòng tín nghĩa thủy chung, rộng hơn nữa là tình đồng bào đồng loại, đòi hỏi sự cảm thông chia sẻ. Thế nhưng có lắm kẻ không học được bài học khởi đầu là lòng biết ơn nên mới có hiện tượng “ăn cháo đá bát”, quên nghĩa đồng bào, bè bạn đã cưu mang cứu sống mình trong lúc hoạn nạn. Khi đã thoát hỏi hoạn nạn lại lấy ân làm oán như tên vô ơn kia. May thay có vị quan thông minh dạy cho hắn bài học về lòng biết ơn, nhưng tiếc rằng chỉ dạy ba chục roi thì quả là chưa đủ cho kẻ vô ơn thuộc bài.

**Lương Vĩnh Kim**

Lãng mạn pháp luật

**Kiện cành đa**

Có một người làm nghề buôn hương. Sau bao năm rày đây mai đó, một ngày nọ anh thu xếp công việc về thăm nhà. Đến đầu làng thì trời vừa tói. Anh ta chợt nghĩ không biết mấy năm xa cách lòng dạ người vợ thế nào? Muốn thử, anh ta bèn đem tất cả vốn liếng là một trăm hai mươi lạng bạc treo trên cành đa, khấn thần cây đa giữ hộ rồi mới về nhà.  
Đêm ấy, thấy vợ vồn vã và tỏ ý nhớ thương, người lái buôn cho là vợ vẫn chung tình bèn đem việc anh giấu bạc ra kể lại. Ai dè chị vợ vốn xảo trá, trong thời gian chồng vắng nhà, chị ta bị xã trưởng quyến rũ, hai người đi lại tằng tịu với nhau đã lâu. Lúc anh chồng kể cho vợ nghe câu chuyện thì xã trưởng cũng vừa đến nơi, hắn đứng ngoài nên nghe hết chuyện. Thế là xã trưởng vội ra chỗ cây đa cuỗm đi tất cả số bạc. Tảng sáng hôm sau, người buôn hương ra lấy tiền thì than ôi, bạc đã không cánh mà bay. Nhưng không biết làm thế nào, người ấy đành cắn răng chịu mất.   
Mấy tháng sau, có một quan trạng được nhà vua ban cho chức Khâm sai đại thần kinh lý qua vùng. Nghe tiếng quan trạng là người thông minh, tài giỏi, đã xử được nhiều vụ án rất phức tạp, người buôn hương bèn phát đơn kiện cành đa.   
Xét đơn, quan trạng thấy vụ kiện éo le nhưng cũng nhận lời xét xử sau khi đã hỏi người lái buôn nọ kỹ càng. Thế rồi trạng sai quân lính rào kín chung quanh gốc đa, cấm mọi người lai vãng, lại bí mật cho đào cái hố, nghi trang kỹ rồi cho gia nhân núp sẵn dưới ấy. Ngày trạng mở phiên tòa xử kiện, thấy sự lạ dân chúng nô nức rủ nhau đi xem. Trước tòa, bên nguyên, bên bị đối chất. Người lái buôn khai y như trong đơn. Cây đa cũng nhận có giữ gói bạc, nhưng lại chối không biết ai lấy mất. Hỏi đi hỏi lại, cây đa cũng chỉ khai chừng ấy. Cho khảo đả, cây đa kêu khóc van xin nhưng cũng nhất mực kêu oan. Mãi ba ngày sau, dường như không chịu được đau, cây đa mới xin tả lại hình dáng kẻ lấy cắp, nhưng lại chỉ nói riêng với một mình quan trạng thôi!   
Liền đó, trạng cho người buôn hương về, dặn mở tiệc ăn mừng thật to, bởi như vậy thế nào cũng bắt được thủ phạm, lại bảo nhỏ rằng: mở tiệc nhớ mời đủ cả làng và thả tất cả chó dữ ra khi khách tới. Người buôn hương y lời. Hôm ăn tiệc, mọi người tới, đàn chó trong nhà buôn hương được một bữa sủa hết hơi. Duy có viên xã trưởng đến là đàn chó mừng. Lập tức, những người của trạng chực sẵn ở sau nhà, ra bắt lấy hắn và giải đi. Trước mắt trạng, ban đầu xã trưởng còn chối lấy chối để, nhưng sau thấy trạng vạch tội hắn có lý lẽ sắc bén và cho biết thêm là cây đa đã thú thật mặt mũi người lấy trộm như thế, như thế nên hắn đành cúi đầu nhận tội.  
Lời bàn:   
Vụ án phá được là nhờ vị quan thông minh, phán đoán đúng đối tượng lấy túi tiền. Trong trường hợp cụ thể này thì chỉ có thể là người rình nghe được câu chuyện tâm tình của người buôn hương với vợ mới có thể biết chỗ để túi bạc. Ai có thể làm được việc đó mà đàn chó trong nhà vẫn im lặng? Giải đáp được câu hỏi đó thì phá được vụ án. Cao hơn nữa là quan sử dụng được mẹo “kiện cành đa”. Trong điều kiện phương tiện điều tra lạc hậu, dân trí thấp, còn nhiều mê tín dị đoan thì làm như vị quan trên quả là khôn khéo trong việc truy tìm thủ phạm.

**Lương Vĩnh Kim**

Lãng mạn pháp luật

**Chàng Ngốc được kiện**

Có một anh chàng thật thà quá đỗi cho nên nhiều người gọi anh là Chàng Ngốc. Chàng Ngốc khỏe mạnh, yêu đời và lao động giỏi. Chàng Ngốc nghèo khổ, không nhà không cửa, phải đi ở đợ cho một tên trọc phú, làm lụng quần quật suốt ngày này qua ngày khác. Thấy anh ta khỏe mạnh, dễ sai nên sau 5 năm, lúc đòi tiền công, hắn dỗ dành anh làm thêm 5 năm nữa. Lại 5 năm nữa trôi qua. Thấy anh đòi tiền công để về, trọc phú lại dỗ:  
- Thầy trò mình quen biết đã lâu, chia tay nhau không nỡ. Thôi! Mày cứ ở với tao 5 năm nữa đi. Sau 5 năm nữa, tao sẽ trả luôn cho mày cả 15 là ba nén vàng. Lúc đó thì mày sẽ trở nên giàu có.  
Nghe bùi tai, anh lại đổ sức lực ra làm việc cho hắn thêm 5 năm nữa. Lần này hết hạn, anh nhất định đòi chủ trả công để về. Trọc phú dỗ mấy cũng không nghe, bèn mang ba nén vàng ra trả. Chàng Ngốc được vàng hí hửng cầm đi, không biết rằng đó là ba nén vàng giả mà trọc phú cố ý thưởng để cướp tiền công của anh ta. Khi có tiền vàng trong tay, Chàng Ngốc định bụng trẩy kinh, ngao du một phen cho thỏa lòng mong ước. Đi được mấy trạm anh gặp được người thợ bạc và làm quen. Người thợ bạc hỏi anh làm gì và đi đâu, anh không giấu giếm một tí nào hết, đưa cả ba nén vàng ra khoe. Người thợ bạc cầm vàng biết là vàng giả, nhưng thấy anh ngốc nghếch, mới nghĩ đến việc lợi dụng. Hắn bảo anh:  
- Ở chốn kinh thành, trừ các nhà quyền quí không kể, còn những người như chúng ta cầm vàng rất khó mua bán. Sao anh không đổi ra bạc, đi đến đâu cũng tiêu được. Tôi sẵn có bạc đây, anh có muốn tôi đổi hộ cho, cứ một nén vàng ăn hai nén bạc. Muốn không?  
Thấy có lý, Chàng Ngốc khẩn khoản nhờ đổi hộ. Không ngờ đấy chỉ là sáu miếng chì được đúc thành sáu thỏi rất khéo; anh vui vẻ cầm lấy và tiếp tục lên đường.  
Đến một nơi khác, anh gặp người hàng giấy, anh làm quen và nhân vui miệng, anh kể rõ số bạc cùng ý định trẩy kinh cho người bạn mới này biết. Người hàng giấy nhìn thấy những thỏi bạc giả nhưng hắn đang cần chì, bèn gạ đổi một nghìn tờ giấy lấy sáu nén “bạc”. Hắn chỉ vào thứ giấy lụa dó và nói:  
- Đây là “lụa đinh kiến” quý lắm. Anh cứ mang đến kinh thành mà bán, mỗi tờ lấy một quan tiền thì tha hồ mà lắm tiền.   
Nghe bùi tai, Chàng Ngốc đổi ngay. Khi đi qua một trường học, anh thấy có mấy người học trò đang chơi một cái chong chóng làm bằng những mẩu giấy xanh đỏ rất đẹp mà anh chưa trông thấy bao giờ.  
Anh chen vào xem và hỏi:  
- Cái gì thế này?   
- Đây là cái “thiên dịa vận”, dùng nó có thể biết được việc trời đất, mọi việc thế gian đều tỏ tường, việc gì cũng biết trước, quý không hết được.  
Chàng Ngốc bèn gạ đổi một ngàn “lụa đinh kiến”.  
Bọn học trò mừng rỡ, đổi ngay.  
Đem cái “thiên dịa vận” đi, chàng khấp khởi mừng thầm, cho là sẽ có lúc mình làm cho mọi người kính phục. Qua cánh đồng rộng, chàng thấy một đám trẻ chăn trâu đang chơi một con niềng niễng lớn, có đôi cánh xanh biếc rất đẹp. Tò mò, anh dừng lại rồi xán vào xem. Bọn trẻ con không cho xem, chúng bịa ra để anh hốt:  
- Đây là “ngọc lưu ly”, đeo vào người về mùa hè thì mát, về mùa đông thì ấm, quý vô cùng, chưa chắc đức vua có được.   
Chàng Ngốc không ngờ lại có thứ của quí đến vua cũng khó có được, bèn đem cái “thiên địa vận” gạ đổi. Bọn trẻ thấy món đồ chơi đẹp thì bằng lòng ngay. Chúng bỏ con niềng niễng vào cái túi vải con, thất miệng túi lại và dặn anh:  
- Lúc nào về đến nhà hãy mở ra xem, nếu không ngọc bay lên trời mất toi đó!  
Được “ngọc lưu ly”, chàng dự định đưa lên kinh đô làm quà cho vua để được vào xem triều đình. Nhưng đến nơi, bọn lính gác Ngọ Môn không cho vào. Chàng Ngốc kể lể:  
- Tôi đi ở 15 năm được ba nén vàng, rồi sáu nén bạc, rồi một ngàn lụa đinh kiến, rồi cái thiên địa vận mới đổi được ngọc lưu ly. Nay đem dâng vua sao không cho vào?   
Một tên gian thần đi qua, nghe nói có ngọc lưu ly liền nảy lòng tham, nhận lời đem dâng lên vua, dặn anh chờ ở cửa. Tên gian thần này cầm cái túi, thấy có vật tròn tròn thì mừng thầm, bước vào qua cửa hoàng cung thì mở ra xem, định bụng sẽ chiếm đoạt. Bất ngờ con niềng niễng bay vụt đi mất. Chàng Ngốc nắm lấy bắt đền. Anh đấm cái trống ở cửa hoàng cung ầm ầm. Bọn lính xúm lại lôi và đánh, anh kêu khóc ầm ĩ. Thấy động, vua sai lính ra dẫn Chàng Ngốc vào hỏi đầu đuôi câu chuyện. Ngốc tâu:  
- Tôi đi ở 15 năm được ba nén vàng, rồi sáu nén bạc, rồi một ngàn lụa đinh kiến, rồi cái thiên địa vận mới đổi được hòn ngọc lưu ly đem dâng vua. Nay có ông quan mở túi làm cho ngọc bay mất. Xin vua xử cho tôi.  
Tên gian thần ra sức chối, song vua phán:  
- Tên dân này đem hòn ngọc lạ dâng ta, đó là ý tốt. Để mua viên ngọc, hắn đã tốn bao nhiêu công sức tiền của. Vậy kẻ làm mất ngọc không những có tội với ta mà còn phải bồi thường cho người có ngọc đủ số vàng. Về phần ta, ta sẽ cho người có ngọc một chức quan nhỏ để nêu lòng trung nghĩa đối với ta.  
Thế là tên gian thần phải bồi thường tất cả cho Chàng Ngốc. Tên trọc phú, tên thợ bạc và tên buôn giấy trước sau đều bị tù tội vì nhiều vụ lừa đảo không thoát.  
Lời bàn:  
Chàng Ngốc thắng kiện không phải nhờ tài năng mà nhờ ngốc gặp quan tham. Vua xử cho chàng ngốc thắng kiện, chỉ dựa vào lời khai của bên nguyên chứ không thấy tận mắt bên nguyên có ngọc. Vua lập luận theo kiểu mọi thứ ngon vật lạ thần dân đều đem dâng tặng vua và không kẻ nào dám nói dối ta để phải rơi đầu vì mắc tội khi quân phạm thượng. Đây là câu chuyện lãng mạn vào loại bậc nhất trong các câu chuyện lãng mạn của kho tàng truyện cổ tích Việt Nam. Ngốc quá hóa hay.

**Lương Vĩnh Kim**

Lãng mạn pháp luật

**Vụ đòi hối lộ nơi cõi Phật**

Thầy trò Tam Tạng lặn lội đến Tây Trúc thỉnh kinh. Qua mười vạn tám nghìn dặm với biết bao tai ương, chướng khí, cuối cùng đến dược đất Phật, gặp Phật tổ Như Lai. Như Lai tiếp đãi thầy trò Đường Tăng rồi gọi A Nan, Ca Diếp lại dặn:   
- Các ngươi hãy dẫn bốn người đến dưới lầu báu, trước hãy đãi cơm chay, xong mở Bảo Các ra, đem pho kinh Tam Tạng của ta, trong ba mươi lăm bộ, chọn lấy mấy quyển giao cho họ truyền sang Đông Thổ, ghi mãi ơn sâu.  
Sau khi tiếp cơm xong, A Nan, Ca Diếp dẫn thầy trò Đường Tăng xem khắp tên các bộ kinh rồi nói với Đường Tăng:  
- Thánh Tăng từ Đông Thổ đến đây, phải có ít nhiều lễ vật cho chúng tôi chứ! Xin đưa ngay ra đây mới giao kinh cho.  
Tam Tạng nghe, đoạn nói:  
- Đệ tử Huyền Trang, đường trường xa cách, chưa hề sắm được.  
A Nan, Ca Diếp cười nói:  
- Tốt! Tốt! Tốt! Thế giao kinh không công thế này, người sau đến chết đói mất!   
Hành Giả thấy bọn họ giở giọng xoay tiền, không chịu giao kinh, tức không nhịn được, kêu lên:  
- Sư phụ ạ, chúng mình đi bạch Như Lai, bắt họ phải tự mang kinh đến cho lão Tôn!   
A Nan nói:   
- Đừng có kêu, ở đây là nơi nào mà nhà ngươi còn bướng bỉnh điêu toa! Lại đây mà nhận lấy kinh.  
Bát Giới, Sa Tăng đã quen nén tính nóng nảy, khuyên can Hành Giả, rồi cùng quay đi nhận kinh, từng quyển, từng quyển xếp vào trong khăn gói, chất lên mình ngựa, lại chia làm hai gánh, cho Bát Giới và Sa Tăng gánh đi, rồi đều đến trước bảo tọa cúi đầu tạ ơn Đức Như Lai, đoạn đi thẳng ra cửa, gặp một vị Phật tổ, lạy hai lạy, gặp một pho bồ tát, lạy hai lạy. Ra tới cửa lại làm lễ chào tỳ kheo, tăng, ni, ưu bà di, tắc, rồi xuống núi trở về.  
Lại nói, trên Bảo Các có vị Nhiên Đăng Cổ Phật, ngồi ở trên gác, mỏng tai nghe thấy công việc truyền kinh, đã biết rõ ràng bọn A Nan, Ca Diếp đem những kinh không có chữ giao cho thầy trò Đường Tăng, liền cười một mình nói rằng:  
- Bọn nhà sư bên Đông Thổ ngu mê, không biết là kinh không có chữ, Thánh Tăng lặn lội lần này, lại chẳng toi công ư?   
Liền hỏi:  
- Bên tòa có ai ở đấy không?   
Đã thấy Bạch Hùng Tôn Giả đứng ra. Cổ Phật dặn dò bảo:  
- Ngươi hãy giở hết thần oai, đuổi theo cho kịp thầy trò Đường Tăng, bao nhiêu những quyển kinh không có chữ cướp lại hết, bảo chúng hãy trở lại cầu lấy chân kinh có chữ.   
Bạch Hùng Tôn Giả cưỡi trận gió lốc, đi ra khỏi cửa chùa Lôi Âm, giở hết thần oai, đuổi theo bọn Tam Tạng. Đường Tăng đang đi đường, bỗng nghe thấy gió thơm cuồn cuộn, cứ bảo là điềm lành của Phật Tổ, chưa kịp đề phòng, lại nghe thấy có tiếng vang, một bàn tay ở trên không thò xuống, bao nhiêu kinh chất trên mình ngựa nhẹ nhàng nhấc đi hết. Tam Tạng hoảng sợ thót bụng lại kêu ca, Bát Giới cắm cổ đuổi theo, Sa Tăng đứng giữ mấy gánh kinh, Tôn Hành Giả cũng chạy đuổi như bay.  
Vị Bạch Hùng Tôn Giả thấy Hành Giả đuổi gần đến nơi, sợ cây gậy của y không biết nể, nhỡ một khi bất chấp trái phải, choảng cho mình một gậy thì sao, liền đem cả gói kinh xé toang ra, vứt tung xuống đất. Hành Giả thấy kinh rơi xuống, lại bị gió thơm thổi bay lung tung, tức thì dừng mây bước xuống giữ lấy kinh, không chạy đuổi theo nữa. Vị Bạch Hùng Tôn Giả theo gió cuốn mây về báo với Đức Cổ Phật.  
Bát Giới chạy đuổi theo, thấy các bổn kinh rơi xuống, bèn cùng Hành Giả thu lại đèo lên lưng, đến nơi Đường Tăng. Đường Tăng ứa hai hàng nước mắt:  
- Đồ đệ ạ! Ở nơi cực lạc thế giới này, cũng vẫn còn ma dữ làm hại thế.  
Sa Tăng đỡ lấy những quyển kinh vừa mang lại, mở ra coi, thấy trắng phau như tuyết, chẳng có một chữ nào hết, hoảng sợ nói với Tam Tạng:  
- Sư phụ ạ! Quyển này không có chữ.  
Hành Giả cũng mở một quyển ra xem thì cũng không có chữ. Bát Giới mở một quyển ra xem thì cũng không có chữ.  
Tam Tạng bảo:  
- Mở hết cả ra xem nào?   
Mọi người cùng mở thì ra quyển nào cũng chỉ có giấy trắng.  
Đường Tăng thở ngắn than dài nói:  
- Người Đông Thổ nhà mình quả là vô phúc, những bản kinh không có chữ thế này, lấy để làm gì? Về gặp vua Đường thì làm thế nào! Cái tội dối vua thật dáng chết!   
Hành Giả thấy vậy đoán biết rõ chuyện, nói với Đường Tăng:  
- Sư phụ bất tất nói nhiều! Việc này là vì A Nan, Ca Diếp bắt ta phải có lễ, ta không có, cho nên mới đem bản kinh giấy trắng giao cho mình mang di. Ta nên trở lại ngay, bạch rõ trước mặt Như Lai, hỏi bọn y cái tội hạch tiền làm bậy.  
Bát Giới nói:  
- Phải đấy, phải đấy! Đi kiện họ đi!   
Bốn người vội vàng trở về núi, hấp tấp trèo lên chùa Lôi Âm.  
Một lát sau, đã đến bên ngoài cửa chùa, thấy mọi người đều chắp tay đón tiếp, cười nói:  
- Thánh Tăng trở lại đổi kinh phải không?   
Tam Tạng gật đầu tạ, các vị Kim Cương cũng không ngăn cản, để cho đi vào. Đường Tăng thẳng bước tới Điện Đại Hùng.  
Hành Giả kêu:  
- Bạch Như Lai, thầy trò chúng tôi chịu đựng trăm ma nghìn quái, từ bên Đông Thổ đến được chốn này, ơn Như Lai truyền trao kinh cho, bị A Nan, Ca Diếp hạch tiền không được, thông đồng làm bậy, cố ý đưa những bản kinh giấy trắng không có chữ cho chúng tôi mang về. Chúng tôi đưa của nợ ấy về làm gì? Mong Như Lai xét cho.  
Phật Tổ cười nói:   
- Nhà ngươi chớ làm ồn lên! Chuyện hai ngươi đó đòi lễ bọn ngươi, ta đã biết rồi. Có điều là kinh không phải ai cũng cho, mà cũng không thể lấy không dược. Trước đây, các tì kheo thánh tăng xuống núi, cũng đem bộ kinh này đọc hết một lượt cho nhà trưởng giả họ Triệu ở nước Xá Vệ, giữ cho nhà ấy được sống an toàn, người chết siêu thoát, chỉ lấy của nhà ấy ba đấu ba thăng vàng cốm đem về. Ta vẫn bảo bọn họ bán quá rẻ, con cháu đời sau lấy tiền đâu mà dùng. Các ngươi ngày nay tay không đến cầu, cho nên họ mới đưa quyển trắng. Những bản giấy trắng đó, là chân kinh không có chữ, cũng là một thứ tốt. Vì chúng sinh bên Đông Thổ nhà ngươi ngu mê không tỉnh, chỉ nên truyền cho như thế thôi.  
Rồi liền gọi:  
- A Nan, Ca Diếp, mau đem những bộ chân kinh có chữ ra đây, trong mỗi bộ chọn lấy mấy quyển cho thầy trò Đường Tăng, rồi trở về đây báo lại ngay.  
A Nan, Ca Diếp lại dẫn bốn người đến trước lầu ngọc, gác báu, nhưng vẫn đòi Đường Tăng phải đưa tiền lễ. Tam Tạng không có gì dâng kinh, đành phải bảo Sa Tăng lấy bát tộ bằng vàng tía, hai tay dâng lên nói:  
- Đệ tử quả là đường xa nghèo túng, không hề sắm được lễ vật. Bát tộ này chính tay vua Đường tặng cho, bảo đệ tử giữ lấy để xin ăn dọc đường, nay xin đem dâng tỏ chút lòng thành, cúi mong tôn giả thu lấy, đợi về triều tâu lên vua Đường xin sẽ hậu tạ. Chỉ cầu ngài lấy chân kinh ban cho, để khỏi phụ ý khâm sai và công phu đường xa lặn lội.  
Vị A Nan đỡ lấy, chỉ chúm chím cười nụ. Mấy người lực sĩ coi lầu ngọc, mấy người đầu bếp ở Hương Tích, thấy A Nan như vậy, người vuốt mặt, kẻ dập lưng, nào xói tay, nào bĩu mồm cười rộ nói:  
- Rõ bêu! Rõ bêu! Lại đi hạch lạc, đòi ăn lễ cả người lấy kinh.  
A Nan hổ thẹn, mặt mũi dăn dúm, nhưng tay vẫn giữ chặt lấy cái bát tộ.  
Ca Diếp mời thầy trò Tam Tạng vào trong gác kiểm kinh, lấy các thứ soạn ra đưa cho Tam Tạng.  
Tam Tạng liền gọi:  
- Đồ đệ đâu, chúng con xem lại cho cẩn thận, đừng để như lần trước.  
Ba người đỡ lấy từng quyển, xem lại từng quyển, quyển nào cũng đều có chữ.  
Lời bàn:   
Cõi Phật là nơi mơ ước muôn đời của chúng sinh mà có cái cảnh đòi hối lộ thì thật là không còn chỗ cho chúng sinh mơ ước.  
Cõi Phật mà còn có A Nan, Ca Diếp là vì cõi Phật còn có Thích Ca dung túng cho bọn họ. Chứ nếu không dung túng sao lại biết mà vẫn cười nói như không, lại còn khuyên thầy trò Đường Tăng đừng có làm ồn.   
Tuy vậy, ăn hối lộ mà còn có người cười chê, kẻ ăn hối lộ còn biết xấu hổ như A Nan, Ca Diếp thì cõi Phật hơn xa ta nhiều lắm. Chỉ sợ nhất là cái cảnh: Kẻ ăn hối lộ được hoan hô, người ăn hối lộ không biết xấu hổ thì cõi ấy thật vô phương cứu chữa.  
Không biết Phật Thích Ca có để A Nan đói quá hay không mà “A Nan hổ thẹn, mặt mũi dăn dúm, nhưng tay vẫn giữ chặt lấy cái bát tộ”. Xin bái Ngô Thừa Ân ba lạy! Cõi tôi đang sống không có cái cảnh quá lắm đó! Nhưng cũng xin hỏi tiên sinh: Còn chỗ nào không có cảnh đòi hối lộ không?  
Đường Tăng là người mẫu mực và kiên định vào hạng bậc nhất chúng sinh mà còn phải nghiêng mình đưa cái bát tộ để lấy chân kinh thì không biết hạng chúng sinh thường tình phải xử trí thế nào khi gặp cảnh ngộ đó?  
Mong rằng, không vì quang cảnh đòi hối lộ nơi cõi Phật mà bọn sâu dân, mọt nước ngày nay lấy đó để tự biện hộ cho tệ nhũng nhiễu, đòi hối lộ của mình. Bởi câu chuyện trên đây, chắc không nhằm chế giễu cõi Phật mà chủ yếu nhằm cảnh tỉnh thế gian.

**Lương Vĩnh Kim**

Lãng mạn pháp luật

**Quan xử kiện tài giỏi**

Đời nhà Nguyễn có một viên quan có tài xử đoán tên là Nguyễn Khoa Đăng. Ông là viên quan tốt, luôn luôn lo lắng đến việc giữ gìn cuộc sống yên vui cho dân lành. Ông đã đến trị nhậm ở hạt nào thì dân ở đấy mến phục, quí trọng như thần thánh. Tất cả các vụ kiện khi đã đến tay, dù khó đến đâu ông cũng tìm cách lần ra đầu mối và lần nào cũng giải quyết trọn vẹn. Dân miền Trung còn kể rất nhiều về tài xử kiện của ông.  
Có lần, ông Nguyễn Khoa Đăng đến nhậm chức ở một huyện. Một hôm, có người dân đến cáo với ông rằng, không biết có kẻ nào oán thù mà đêm đến lẻn ra đồng phá nát cả một ruộng dưa. Bao nhiêu công lao chăm bón vun trồng, sắp đến ngày ăn quả, chỉ trong một đêm bị phá sạch sành sanh. Đau xót vì tiếc của, tiếc công, người dân đã đến kêu khóc với ông, xin được ông minh xét.  
Ông Đăng theo ngay người ấy về ruộng dưa để thị sát. Tất cả các dấu vết còn lại chỉ nói lên được một điều là kẻ gian đã dùng thuổng xén đứt các ngọn dưa và dùng cán giằm nát hầu hết các gốc dưa. Kẻ gian rất khôn ngoan, bao nhiêu dấu chân, hấn đều cố ý xóa sạch. Ông hỏi người trồng dưa:   
- Anh có ngờ ai thù oán mình không?   
- Bẩm quan, con cũng có vài người trong làng mắc mớ nhau đôi chuyện lặt vặt, nhưng con không dám nghi ngờ cho ai cả.  
Ông bắt người ấy kể tên mấy người ở xóm có chuyện đôi co và lập tức sai chức dịch đi thu hồi tất cả các thuổng trong xóm lại. Thuổng của nhà ai thì ghi tên, đánh dấu của nhà ấy vào cán. Đoạn ông đích thân khám kỹ từng chiếc cán thuổng một, nhặt riêng mấy cái khả nghi ra một nơi. Ông sai người lè lưỡi liếm trên mấy cái cán thuổng đó thì phát hiện ra một cái có vị nhân nhẫn đắng. Lấy một gốc dưa đập dập, vắt nước ra nếm thử thì chất đắng ấy của dưa cùng với chất đắng trên cán thuổng là một. Đến khi nhìn tên ghi trên cán thì đúng là tên của một người mà nguyên cáo khai là có xích mích với mình.  
Người chủ thuổng được đòi đến. Trước tang chứng và lý lẽ đanh thép của quan, tên này không còn chối cãi vào dâu được, dành cúi đầu nhận tội. Ông bắt hắn phải đền hoa lợi ruộng dưa cho người kia, lại phạt lên gấp đôi để trừng trị thói ngầm hại người khác.  
\*  
Lần khác, có một anh hàng dầu đặt gánh bán trong chợ. Trong lúc anh ta luôn tay đong dầu cho khách hàng thì có kẻ đã thừa dịp thò tay vào bị lấy trộm gần hết tiền. Mãi tới khi anh hàng dầu phát hiện ra bị nhẹ tênh thì tên ăn cắp đã biến đi đàng nào mất rồi. Anh ta nhớ tới một người mù hồi nãy quanh quẩn bên gánh của mình mà mấy lần anh ta đuổi cũng không chịu đi. Anh ngờ ngợ đoán đó là kẻ cắp bèn gởi lại gánh hàng cho người quen, rồi vội vàng đi tìm người mù lúc nãy. Bắt gặp người mù đang tha thẩn ở một góc chợ, anh túm lấy khăng khăng buộc tội ăn cắp cho y. Nhưng người mù cố hết sức cãi rằng mình tật nguyền đui mù thì có biết tiền ở dâu mà lấy. Anh hàng dầu không chịu nên hai bên xô xát đến nỗi tuần chợ bắt cả hai giải lên quan.  
Trước công đường, ông Đăng bắt cả hai khai rõ sự tình. Người mù vẫn khăng khăng chối không nhận và đòi ông phải trị tội vu vạ người ngay của anh hàng dầu.  
Ông Đăng hỏi người mù:  
- Anh có tiền giắt trong người không?   
Người mù đáp:  
- Bẩm có. Nhưng đây là tiền của con mang theo.  
- Anh cứ đưa ra đây, của ai rồi sẽ biết.  
Người mù phải móc tiền trình lên quan. Ông Đăng sai lính mang ra một chậu nước rồi bỏ tất cả số tiền vào chậu thì thấy trên mặt nước có váng dầu nổi lên. Tất cả mọi người đều chứng kiến chuyện này, thành thử người mù kia không đường chối cãi, đành phải chịu nhận tội đã ăn cắp.  
Tưởng mọi chuyện đã rõ ràng, nhưng quan còn nói thêm:  
- Khoan đã, chưa hết đâu. Tội ăn cắp chỉ là một. Còn tội lừa đảo nữa. Nếu mi mù tịt thì làm sao mà biết được tiền của người hàng dầu bỏ trong bị, cất trong thùng mà lấy được? Đúng là mày giả mù. Lính đâu! Bắt nó nọc ra đánh cho rõ đau, kỳ cho bao giờ nó mở mắt ra mới thôi.  
Chỉ mới nghe tiếng dạ ran của lính lệ và tiếng roi vút đen đét, người mù ấy đã vội mở to mắt, sụp lạy giữa công đường. Hắn phải thú tội ngay đúng như lời quan truyền bảo.  
\*  
Một hôm khác, có một người buôn giấy đến trình với quan rằng, vừa rồi anh ta có nghỉ trọ ở làng Hồ Xá một đêm và bị trộm lấy mất cả gánh giấy. Ông Đăng hỏi rõ nguồn cơn, sai người đi do thám liền trong mấy ngày mà không có kết quả, ông bèn thân hành đến tận nơi nghĩ cách tra xét. Đến Hồ Xá, ông lệnh triệu tập dân chúng sở tại và mấy làng quanh đó lại truyền:   
- Trên tỉnh vừa sức về bắt các xã thôn mỗi một người không kể nam phụ lão ấu phải làm ngay tờ khai tên tuổi, quê quán cho minh bạch. Hạn trong năm ngày, chức dịch làng nào thu lại tờ khai của làng ấy đem lên huyện nộp.  
Lệnh vừa ban ra làm cho mọi người dua nhau đi mua giấy. Giá giấy ở chợ cứ thế lên vùn vụt.  
Lúc bấy giờ tên trộm lấy được gánh giấy nhưng chưa có nơi tiêu thụ nên còn giấu trong nhà. Hắn nghe tin giá giấy lên cao, mừng rơn nên vội vàng đem một số ra chợ bán. Hắn không ngờ ông Đăng cho người chờ sẵn hắn từ lâu. Thế là trộm ta bại lộ. Ông Đăng xử phạt nó vừa phải đền tiền gánh giấy cho người lái buôn, vừa phải đền tiền cho dân các làng vì đã mất tiền kê khai tên tuổi.  
\*  
Khi Nguyễn Khoa Đăng làm tri huyện ở một huyện nọ, có người đến cáo với ông là mình có một con trâu bị ai đó lén chặt đứt mất đuôi. Ông hỏi:  
- Anh có nghi cho ai không?   
- Bẩm quan lớn, con cũng có ngờ cho một người hàng xóm vì trước đây hai nhà có chuyện tị hiềm.  
Nguyễn Khoa Đăng nghĩ ngợi một lát rồi nói nhỏ vào tai người ấy:  
- Ta cho phép anh về cứ lẳng lặng mổ thịt trâu mà ăn, đừng trình làng mà cũng đừng nói là quan bảo.  
Phép nước bây giờ rất nghiêm, ai tự tiện giết trâu bò, thậm chí hàng xóm biết người giết trâu bò mà không cáo giác cũng đều bị phạt nặng vì trâu bò được xem là công cụ chính để sản xuất.  
Tên chặt trộm đuôi trâu thấy lại có cớ để hãm hại tiếp người mà hắn thù hằn nên vội vàng lên báo quan. Quan sai giam hắn lại để tra hỏi. Trước những khí cụ nhục hình và các lời buộc tội đanh thép, sắc sảo của quan, hắn đành phải cúi đầu nhận tội.  
\*  
Nguyễn Khoa Đăng lại được đổi đi trấn nhậm một hạt miền núi. Vùng này nổi tiếng là nơi có nhiều trộm cướp nhà nghề. Triều đình và các quan trước ông phải bó tay vì không tài nào trị nổi. Nhà vua hy vọng đức độ và tài năng của Nguyễn Khoa đăng có thể phủ dụ được vùng này.  
Nguyễn Khoa Đăng sai một số người thân tín di dò la hành tung từng tên cướp một, ghi chép đầy đủ chứng cứ tội trạng từ trước đến giờ. Hồ sơ thu thập đầy đủ nhưng ông vẫn giả như chưa hề biết gì. Trong thời gian đó, bọn cướp vẫn ngang nhiên hoành hành khiến nhiều người tỏ ra nghi ngờ khả năng trị dân của ông. Song ông vẫn mặc kệ.  
Một hôm di hành qua làng nọ, Nguyễn Khoa Đăng thấy bên vệ đường có một hòn đá lớn, chân hương cắm chi chít xung quanh. Ông hỏi dân địa phương, họ đáp:  
- Đây là ông Mốc, ngài thiêng lắm. Ai cầu khẩn điều gì cũng đều được linh ứng.  
Ông nghe vậy chợt nghĩ một mẹo, liền họa theo:  
- Phải thế thì ta tới cầu ngài giúp ta trừ yên trộm cướp để bớt hại cho dân chúng mới được.  
Nói rồi ông bước tới hòn đá, một mình khấn khứa hồi lâu. Trở ra ông nói với mọi người:  
- Ngài nói vài ngày nữa rước ngài về, ngài sẽ vạch mặt tất cả bọn gian phi trong toàn huyện.  
Trở về, ông sai người bí mật đào hầm ở giữa sân công đường, cho người thân tín xuống nấp ở dưới đó. Sáng hôm sau, ông cho lính mang vàng hương đi rước hòn đá về đặt trên mặt hầm. Trước tất cả công chúng, Nguyễn Khoa Đăng dõng dạc hỏi đá:  
- Ta nghe đồn thần đá rất linh thiêng, “hữu cầu tất ứng”. Nay ta vâng mệnh hoàng đế đến đây trấn nhậm, nhưng thấy trong huyện có nhiều trộm cướp nhiễu hại dân cư. Vậy ta thỉnh thần về đây để mách hộ ta truy tầm kẻ phạm pháp. Nếu có công, ta sẽ tâu xin triều đình phong tặng.  
Đá lặng im, không trả lời. Hỏi mãi, đá vẫn một mực làm thinh. Nguyễn Khoa Đăng giả bộ quát lớn.  
- Hay là đá đồng lõa với bọn phạm pháp? Lính đâu, hãy tra tấn cho nó khai ra mới thôi.  
Lệnh truyền ra; hàng chục lính lệ dùng roi hè nhau quất túi bụi vào hòn đá. Dăm bảy chiếc roi đã bị gãy giập, đá vần chưa chịu mở miệng. Chỉ thấy bọn lính quát tháo, hò hét vang cả công đường. Bấy giờ mọi người nghe tin quan khảo đá nên tò mò kéo đến xem đông như đi hội. Họ căng thẳng và nghi ngờ chờ đợi. Mãi một hồi lâu, tự dưng đá bật ra tiếng kêu khóc, xin dừng tay lại để khai. Thế rồi, đá lần lượt khai và vạch tội từng tên cướp một. Mỗi lần đá khai ra tên nào, quan sai lại mục viết ngay trát, giao cho lính đã chực sẵn đi bắt ngay lập tức. Suốt ngày hôm đó bắt được ba mươi tên cướp kỳ cựu. Khi cả bọn bị giải một lô về đến dinh, chúng hết sức kinh ngạc vì không ngờ sự việc xảy ra như thế. Chúng đều tin rằng, chỉ có thần đá linh thiêng mới biết rành rọt các tội trạng của mình, nên không chờ đợi tra khảo, đã cúi đầu nhận tội.  
Vậy là cả một vùng trộm cướp đã được yên. Dân chúng trong vùng ai cũng phục tài quan huyện.  
Lời bàn:   
Cái thói hại ngầm người khác bằng cách phá hoại hoa màu thường xảy ra ở nông thôn. Vụ việc rất khó tìm ra thủ phạm vì thiếu bằng chứng hoặc vì sự quan liêu, coi thường lợi ích chính đáng của dân mà không tiến hành điều tra đến nơi đến chốn của các bản chức có thẩm quyền. Khen thay vị quan tài giỏi Nguyễn Khoa Đăng biết yêu dân, lo lắng cho dân, đến tận ruộng dưa để tìm hiểu vụ việc và có phương pháp điều tra thông minh, phát hiện thủ phạm kịp thời chính xác. Trong điều kiện xã hội hiện nay, thì cách điều tra và kết luận của Nguyễn Khoa Đăng cũng được coi là hết sức khoa học và chính xác, cần học tập. Vị đắng trên cán thuổng trùng hợp với vị đắng của dưa là chứng cứ pháp lý gián tiếp buộc tội người chủ cái thuổng ấy. Duy có điều khác là ngày nay không cần phải cho người lè lưỡi liếm thử vị đắng của dưa trên cái thuổng mà có thể cho làm xét nghiệm.  
Cách truy tìm chứng cứ như Nguyễn Khoa Đăng là hết sức tài tình. Trong điều kiện khoa học điều tra lúc ấy mà làm rõ các vụ án như vậy thì quả là tài giỏi. Nhưng cái đáng quý thất của quan là tấm lòng vì nước vì dân. Chỉ có tấm lòng yêu nước thương dân vô bờ mới có thể suy nghĩ và sáng tạo ra cách giải quyết vấn đề như vậy. Nếu cứ “sống chết mặc bay, tiền thầy bỏ túi” thì dù sự việc rõ ràng quan cũng tìm không ra chứng cứ - vụ án không thể phá.  
Tất cả các phương pháp mà Nguyễn Khoa Đăng dùng để điều tra, rất đáng để chúng ta học tập. Bởi lẽ tính khoa học của các phương pháp ấy vẫn còn nguyên giá trị thực tiễn cho đến ngày nay.

**Lương Vĩnh Kim**

Lãng mạn pháp luật

**Người ban hành pháp luật không thi hành pháp luật do chính mình ban ra**

Tháng 5 năm Đại Khánh thứ hai (1315), vua Trần Minh Tông (1314-1339) ban hành một đạo luật cấm cha, con, vợ, chồng cáo giác lẫn nhau và cấm đầy tớ cáo giác chủ. Thế nhưng chính nhà vua lại không láp dụng diều luật này và đã gây nên vụ án chính trị oan ức cực điểm, giết hại một công thần là Trần Quốc Chân.   
Trần Quốc Chân vốn là con Trần Nhân Tông - nghĩa là chú của vua Trần Minh Tông. Hơn nữa, Trần Minh Tông lại lấy con của Trần Quốc Chân làm hoàng hậu (triều Trần thường xảy ra việc lấy nhau giữa những người bà con anh em trong dòng họ để giữ ngôi vua). Ngoài ra, Trần Quốc Chân có công đi đánh Chiêm Thành thắng trận nhiều lần nên được phong làm Phục Quốc Thượng Tể.  
Vua đã già, Hoàng hậu không có con nên năm Khai Thái thứ 5 (1328), triều đình chia làm hai bè đảng, một đảng do Trần Quốc Chân đứng đầu, muốn giữ địa vị cho con gái mình, chủ trương nên đợi hoàng hậu sinh thái tử; đảng phái đối lập có Văn Hiến hầu Trần Khắc Chung (là ông chú của vua Trần Minh Tông) đề nghị lập ngay con của thứ phi là hoàng tử Vượng làm Thái tử. Để được đắc thắng, Trần Khắc Chung cho một tên đầy tớ của Quốc Chân là Trần Nhạc 100 lạng vàng, xui nó vu cáo Quốc Chân làm phản. Minh Tông bắt Quốc Chân giam ở chùa Tư Phúc, sau Minh Tông lại nghe lời dèm của Trần Khắc Chung lấy lẽ rằng bắt hổ thì dễ, thả hổ thì khó, cấm không được tiếp tế đồ ăn cho Quốc Chân. Hoàng hậu thương cha, phải lấy áo nhúng nước mặc vào người, tới thăm cha vắt cho cha uống! Uống xong nước Quốc Chân chết. Mãi về sau, vì có người vợ lẽ của Trần Nhạc, ghen nhau với vợ cả đi tố giác ra sự vu cáo của Trần Nhạc, mới minh oan cho Quốc Chân. Trần Nhạc bị lăng trì; Trần Khắc Chung được tha tội chết nhưng phải truất xuống làm thứ dân và của cải bị sung công.  
Lời bàn:   
Câu chuyện lịch sử có thật trên cho ta thấy chính người ban hành luật đã dày xéo lên đạo luật do chính mình ban ra. Vua Trần Minh Tông không những giày xéo một lần, mà là hai lần:  
- Một lần căn cứ vào sự cáo giác của đầy tớ đối với chủ để giết chết Trần Quốc Chân;  
- Một lần căn cứ vào sự cáo giác của vợ đối với chồng để xử tội Trần Nhạc và Văn Hiến hầu Trần Khắc Chung.

**Lương Vĩnh Kim**

Lãng mạn pháp luật

**Họ Đào được kiện**

Cả làng Hạ mấy hôm nay cứ ầm ĩ lên vì câu chuyện vừa xảy ra ở nhà Khán Tộ. Chẳng biết bói toán thế nào, động mồ động mả ra sao mà Khán Tộ cho cải táng lại mộ của vợ lão đã chết cách đó mấy năm? Chuyện lạ là khi quật mộ lên thì thấy áo quan rỗng tuếch. Không ai hiểu ra làm sao cả. Người ta bàn tán về chuyện di hài vợ Khán Tộ bị mất không để lại một đốt xương, một mẩu vải nào. Cuối cùng, người ta chỉ đoán già đoán non chắc nhà Khán Tộ có chôn của nả gì đó.  
Trong khi đó thì Khán Tộ không hề tỏ ra chút gì ngạc nhiên. Có điều ai hỏi hắn về chuyện này thì không lúc nào hắn mặn mà bắt chuyện. Thỉnh thoảng, chỉ thấy hắn đánh tiếng dọa dẫm bâng quơ:  
- Phen này thì có thằng mất nghiệp với ông!   
Một vài ngày sau, người ta thấy Khán Tộ sắp xếp ô tráp hí hứng lên huyện. Hắn phát đơn kiện viên thư lại họ Đào đã quyến rũ vợ hắn.   
Trước công đường, quan huyện gọi cả Khán Tộ lẫn viên thư lại họ Đào đối chất. Khán Tộ cáo rằng vợ của họ Đào chính là vợ của hắn cách đây ba năm. Ba năm trước đây họ Đào nghèo hèn có đi làm thuê ở làng Hạ và đã chim chuột để tìm cách cướp vợ Khán Tộ. Một lần vợ hắn bị chồng phát giác việc xấu xa này nên nhân lúc chồng nóng nảy đánh cho mấy bắp cày đã lăn ra giả chết, rồi tìm cách theo trai. Khán Tộ trình lên quan cả tờ hôn thú, có ghi tên tuổi của mình và vợ - chính là vợ họ Đào hiện nay, và đòi quan huyện phải bắt họ Đào trình hôn thú.  
Họ Đào không có hôn thú, không biết trình khai thế nào. Thế là quan xử cho Khán Tộ được kiện. Họ Đào phải trả vợ cho Khán Tộ và phải nộp phạt nặng vì tội “quyến rũ vợ người”. Quan hạn trong vòng mười ngày, họ Đào phải bàn giao tài sản, trả vợ, còn bản thân thì phải sung vào lính. Họ Đào một mực khóc lóc, kêu oan nhưng quan không nghe. Quan cho Khán Tộ về nhưng giam họ Đào lại và cho bắt luôn cả Đào Thị, niêm phong nhà cửa lại.  
Vợ chồng họ Đào gặp tai nạn bất ngờ không biết kêu ai. Anh chồng cố nài xin quan cho vợ chồng gặp nhau lần cuối cùng trước khi chia tay. Quan huyện thương tình đồng ý nhưng bắt hai người đứng ngay ở công đường mà trò chuyện. Vợ chồng họ Đào gặp nhau khóc lóc thảm thiết. Đã đến lúc phải chia tay nhưng họ vẫn quyến luyến không muốn rời nhau, chị vợ mấy lần ngất đi, tỉnh lại cứ muốn đập đầu tự sát. Nhìn thấy cảnh thương tâm đó, mọi người trong dinh quan đều không thể cầm lòng. Chẳng là viên thư lại họ Đào xưa nay vẫn được lòng mọi người trong dinh quan nên ai cũng mến. Ngay cả quan huyện cũng chưa hề quở trách họ Đào vì một công việc gì. Đến nay gặp phải chuyện này, chính quan cũng lấy làm tiếc Nhìn cảnh chia tay mủi lòng đó, quan huyện ngẫm nghĩ: “Có lẽ ta xứ thiên về lý quá chăng? Trong chuyện này chắc còn ẩn tình gì đây, cần phải xem xét lại.” Nghĩ vậy, nhưng quan vẫn không thay đổi lệnh với vợ chồng họ Đào. Ông chỉ cho người canh chừng để tránh chuyện vợ chồng ấy liều thân. Trong lúc ấy ông cho gọi một người tin cẩn đến rỉ tai dặn cứ làm như thế... như thế...  
Lại nói Khán Tộ thắng kiện trở về không tốn kém xu nào nên lập tức cho mổ lợn ăn khao. Hắn phấn chấn ra mặt vì tự dưng được hưởng cả một gia tài, lại thêm được một người về phục dịch cho nhà hắn. Hắn kiện vụ này không phải chỉ vì người vợ đã chết của hắn mà còn vì muốn chiến gia tài của họ Đào mà hắn tin rằng có thể cướp được. Đúng như Khán Tộ dự liệu, hắn đã được keo này. Vậy thì tội gì không mở tiệc ăn khao?   
Bà con họ hàng xúm đến mừng Khán Tộ. Mặt Khán Tộ đã sẫm đi vì rượu. Y cười nói ầm ĩ không còn giữ gìn gì nữa cả. Chính trong lúc bốc đồng nhất, Khán Tộ đã nói ra toàn bộ câu chuyện. Hắn nói là hắn thừa biết viên thư lại họ Đào ăn ở với vợ hắn suốt ba năm nay nhưng bây giờ mới đi kiện là muốn chiếm gia tài, chứ hồi đó họ Đào nghèo kiết xác thì hắn cần quái gì.  
Trong bữa rượu ấy, có một người buôn tơ mới đến làng này nhưng cũng được Khán Tộ mời dự tiệc. Khán Tộ vì quá phấn chấn nên càng tỏ ra dễ dãi, hào phóng. Còn người lái buôn thì miệng cũng nhanh nhẩu ca ngợi tài của Khán Tộ một cách nhiệt thành. Để góp cho cuộc vui, anh ta còn kể ra một vài mẹo vặt của nghề buôn bán. Lúc đã ngà ngà say, anh ta tự nhận rằng mình cũng đã đi lại nhiều nơi, nhưng chưa thấy ai mưu mẹo, giỏi giang như Khán Tộ. Thế là được đà Khán Tộ tuôn ra từ đầu tới cuối vụ kiện vừa rồi.  
Theo lời Khán Tộ thì hơn ba năm về trước, họ Đào là một thư sinh đẹp trai, học giỏi, chỉ phải cái rất nghèo. Thường ngày, họ Đào vẫn cắp sách theo học với một ông đồ ở làng bên nhưng vẫn phải đi làm thuê, làm mướn để kiến tiền đổi gạo nuôi thân. Cuộc sống của họ Đào khá túng thiếu và vất vả. Nhưng họ Đào vẫn kiên nhẫn chịu đựng cuộc sống ấy suất năm sáu năm ròng, mặc cho nhiều người khinh khi, cười chê. Ở chỗ làng họ Đào đến học, có một cô con gái con nhà khá giả yêu anh ta và cũng được anh ta yêu lại. Hai bên có tình ý với nhau như vậy cũng được vài năm. Họ Đào đã mượn mối đến dạm hỏi cô gái làm vợ nhưng bố mẹ cô gái chê anh ta nghèo, không gả. Cha mẹ cô bảo với người mối:  
- Nhà anh ấy có một mình mà kiếm ăn còn chật vật, làm sao nuôi nổi vợ con? Con gái tôi về chỉ làm cho anh ta thêm bấn.   
Người mối cũng đã cố thuyết phục:  
- Anh ta có chí, lại học giỏi, con gái ông bà lấy anh ta thì chẳng mấy mà thành bà nọ, bà kia.  
- Nếu thế thì hãy đợi lúc ngựa xe võng lọng trở về hẵng hay!  
Thấy thái độ của bố mẹ cô gái như vậy, họ Đào vừa giận vừa thẹn. Anh nghĩ bụng, phải ra đi quyết chí lập cho được công danh mới trở về cho cha mẹ nàng không dám giở giọng khinh bạc với mình nữa. Nghĩ vậy, anh lần mò ra tới kinh đô. Ở đây, anh vẫn vừa làm thuê, vừa ra sức học hành. Anh đi thi và đỗ luôn cử nhân.  
Hôm vinh quy về làng, họ Đào lòng mừng khấp khởi. Anh nghĩ: “Nhất định bố mẹ cô ta vui lòng gả con cho mình và phải hối hận về những câu nói khinh bạc trước đây”. Nhưng thật không ngờ, khi anh đến chào thầy học cũ thì gặp người cho biết, sau khi anh bỏ làng đi, cô gái ấy đã bị cha mẹ ép gả cho một người trong làng, mặc dù cô không ưng thuận và có bụng đợi anh. Nghe nói, chàng họ Đào buồn rầu. Anh bỏ dự định đến nhà cha mẹ người yêu, cũng chẳng muốn đến nhà người yêu nữa. Nhưng anh không dứt được ý muốn gặp lại người yêu. Vì vậy mà họ Đào không chờ sự bổ dụng của nhà Vua, chán hết mọi thứ nên anh chỉ xin làm chân nha lại tại huyện nhà để sống đạm bạc nốt những ngày còn lại.  
Một ngày, họ Đào có việc đi công cán, giữa đường bất ngờ gặp lại người yêu ngày xưa. Hai người đứng lại hàn huyên. Họ bày tỏ nỗi đau khổ và éo le của duyên phận. Khi chàng họ Đào từ giã, cô gái gạt nước mắt đứng nhìn theo. Nàng đâu ngờ rằng, từ đằng xa người chồng của mình đã nhìn thấy cảnh trò chuyện vừa rồi và cơn ghen của hắn bốc lên bừng bừng. Khi nàng vừa đến nơi, hắn lấy cớ đưa cơm chậm chạp, xông lại gây sự. Nàng có nói lại hắn mấy câu, thế là cơn giận nổi lên, không đợi tìm hiểu phải trái, hắn tháo ngay bắp cày quật vào người vợ. Không ngờ phạm vào chỗ hiểm, người vợ gục xuống bất tỉnh nhân sự. Hắn lo sợ, lén lút vực vợ về nhà nói dối là ngộ cảm rồi sau đó cử hành chôn cất, khiến cho không một ai ngờ vực.  
Buổi chiều hôm đó, họ Đào quay về, qua làng người yêu thì nghe kèn trống đám ma. Anh ta hỏi thăm biết được tin người yêu chết đột ngột nên không ngăn được kinh ngạc và thương cảm. Lập tức trở về nhà, họ Đào làm một cỗ cúng, chờ đến đêm thật khuya, đem đến cúng ở mộ người yêu. Vô cùng thương cảm người tình, trong lúc cuồng nộ, họ Đào dùng hết sức mình đào ngôi mộ, cạy nắp quan tài để nhìn người yêu. Giữa đêm lạnh lẽo, anh ôm chặt xác nàng và khóc cho số phận hẩm hiu... Bỗng họ Đào thấy một sự lạ. Cô gái trong tay anh sống lại dần dần. Anh định thần. Đúng là người yêu của anh còn sống. Đúng rồi, đúng là nàng chỉ bị đánh ngất lịm đi, nhưng chồng nàng quá sợ hãi, sợ bị quy vào tội giết người nên vội khâm liệm đem chôn cất sơ sài. May mà họ Đào bới mộ lên và khí lạnh ban đêm làm cho nàng dần dần tỉnh lại...   
Họ Đào mừng rỡ vô cùng, đắp mộ lại như cũ rồi vực người yêu về nhà hết lòng chạy chữa. Khi nàng đã trở lại bình thường, anh họ Đào bèn bí mật đưa người yêu đến chỗ làm và hai người trở nên vợ chồng không cheo cưới.  
Khán Tộ cũng như người làm không ngờ người chết được cứu sống lại. Gần một năm ròng, Khán Tộ vẫn giỗ cúng theo tục lệ. Hắn vẫn giữ gìn vì sợ bị phát giác chuyện giết vợ. Nhưng một lần tình cờ theo một dám hội chùa trong vùng, Khán Tộ gặp một bà có vẻ quý phái nhà quan, nét mặt hao hao giống người vợ cũ. Hắn lấy làm lạ, vội đuổi theo để nhìn cho kỹ. Đứng nấp ở cổng chùa, Khán Tộ thấy người ấy từ mặt mũi, vóc dáng, cho đến giọng nói, dáng đi, quả đúng là vợ cũ của mình. Hỏi thăm, hắn còn biết chồng nàng không phải ai xa lạ mà chính là người học trò họ Đào. Bây giờ vợ chồng họ Đào đã bắt đầu ăn nên làm ra.  
Khán Tộ nghi nghi hoặc hoặc vì chính hắn đã tự tay chôn vợ hai năm rõ mười mà bây giờ nàng lại sống đàng hoàng như thế. Chắc chắn có sự lường gạt chi đây? Thế là trở về làng, hắn lẳng lặng một mình đi thăm mộ vợ. Khi biết mình mới là kẻ bị lừa, hắn tức điên lên. Hắn nghĩ ngợi rất lâu, cuối cùng tìm ra một kế. Hắn nén lòng chờ tiếp mấy năm liền, mãi đến khi cơ ngơi nhà họ Đào đã thật khá lên đúng như hắn tính toán, mới phát đơn kiện.  
\*  
Sau mười ngày theo hạn quan huyện đã định, Khán Tộ ăn mặc chỉnh tề, biện một lễ hậu lên tạ quan để nhận tài sản và vợ. Nhưng thật không ngờ, hắn vừa ló mặt vào công đường đã bị quan sai trói lại Trước tất cả mọi người, Khán Tộ đã nghe người buôn tơ tố cáo tất cả những việc mà hắn đã kể trên chiếu rượu hôm nào. Nghe nhân chứng nói xong, quan huyện mới phán:   
- Khán Tộ không những mất vợ mà còn bị án khổ sai chung thân vì tội đã sát vợ và lén lút đem chôn có đầy đủ tang chứng, lại âm mưu chiếm đoạt tài sản của người. Việc làm đã do tội nhân tự khai ra. Vợ cũ của Khán Tộ và họ Đào vô tội và được phép thành vợ chồng vì họ Đào có công cứu thoát người chết. Gia cư tài sản của Khán Tộ một nửa cho Đào thị, một nửa sung công.  
Thế là anh chàng họ Đào được kiện.

**Lương Vĩnh Kim**

Lãng mạn pháp luật

**Kết quả một vụ kiện**

Giáp có một thửa ruộng lớn sát với thửa ruộng của Ất. Giữa hai thửa ruộng có một cái bờ rộng làm lối đi lại, vận chuyển lúa mỗi khi thu hoạch vụ mùa. Từ trước đến nay hai người vẫn hòa thuận, dùng bờ ruộng làm lối đi chung. Nhưng kể từ khi hai người có mối bất hòa thì quyết không dùng chung lối đi nữa. Ất xem lại giấy tờ và đo đạc lại ruộng thì thấy ràng Ất có hai phần bờ ruộng, còn Giáp chỉ có một phần. Giáp cũng xem lại giấy tờ và đo đạc lại ruộng thì cũng thấy mình có hai phần, Ất chỉ có một phần. Việc xảy ra tranh chấp, cả hai đưa đơn lên quan huyện. Ất muốn được kiện nên đem 5 quan đút lót cho quan huyện. Nhận tiền, quan hứa thế nào cũng xử cho Ất được kiện. Giáp cũng sợ thua kiện, đem 10 quan đến hối lộ quan. Quan huyện cũng nhận.  
Hôm xử, quan cho Giáp được. Ất trợn mắt, giơ năm ngón tay ra ý nhắc mình đã tặng 5 quan. Điềm nhiên, quan giơ mười ngón tay và bảo:  
- Tao cũng biết mày phải nhưng nó còn phải bằng hai mày!   
Biết mình vì lo lót ít hơn Giáp mà bị thua kiện nên Ất kiện lên quan phủ. Để nắm chắc phần thắng, Ất chờ cho Giáp chạy lo lót trước. Quả nhiên, vì sợ thua kiện ở phủ nên Giáp đem 10 quan tiền lo lót cho quan phủ. Quan phủ hứa sẽ xử y án như quan huyện đã xử cho Giáp thắng kiện. Sau khi biết được Giáp đã lo lót cho quan phủ 10 quan tiền, Ất bèn đem 20 quan đến lo lót quan phủ.  
Hôm xử, quan phủ cho Ất được. Giáp lại trợn mắt giơ 10 ngón tay ra ý nhắc nhở là mình có tặng 10 quan. Thản nhiên quan phủ bảo:  
- Tao cũng biết mày phải nhưng nó còn phải bằng hai mày!   
Giáp biết mình lo lót ít hơn Ất nên thua kiện. Cảm thấy bị nhục nên Giáp quyết kiện lên nhà vua. Ất thấy Giáp còn kiện mình bèn khăn gói lên đường ra kinh đô cùng với Giáp để dễ bề chạy chọt kịp thời. Sợ chồng bị thua kiện, nên hai bà vợ lo toan cho chồng đủ tiền lên đường.  
Lúc chờ đợi nhà vua xét xử, cả hai đều tìm đến quan cận thần và hoàng thân quốc thích để nhờ giúp đỡ. Họ đều tốn khá nhiều tiền.  
Hôm xử, vua phán:   
- Bờ ruộng hai ngươi phải giữ như cũ làm lối đi chung, không ai được tự tiện ngăn chia.  
Ất, Giáp về lại quê nhà thì được biết cả hai bà vợ của họ đã bán hai đám ruộng ấy để trả nợ nần vì chi phí cho hai ông chồng đi thưa kiện.  
Lời bàn:  
Ruộng đất của mỗi người đều có giấy ghi rõ diện tích nhưng khổ nỗi nhiều lúc giấy tờ lại có sự khác biệt với thực tế. Chính đó là một trong những lý do gây ra tranh chấp. Nhưng lâu nay tại sao họ lại không tranh chấp? Đó là vì lâu nay họ đoàn hết, hòa thuận, nhường nhịn nhau. Giả sử, lúc đang hòa thuận, nếu phát hiện giấy tờ ghi sai họ sẽ tự thương lượng điều chỉnh, nhưng lúc đã bất hòa thì chuyển thành vụ kiện.  
Đây là bài học cho tất cả mọi người từ xưa đến nay. Ông bà ta có câu: “Vô phúc đáo tụng đình, hoặc “Được kiện mất chín, thua kiện mất mười”, thật quả không sai. Ất và Giáp vì tranh chấp một bờ ruộng mà kiện nhau. Được bờ ruộng đâu không thấy, chỉ thấy tốn công hại của đến nỗi phải bán ruộng. Điều trớ trêu là kết quả cuối cùng sau ba lần xét xử là phải giữ nguyên trạng như ban đầu.

**Lương Vĩnh Kim**

Lãng mạn pháp luật

**Yết thị**

Ngoài đường không có đèn. Tối đến quan Phủ Doãn đi vấp phải người ta, lấy làm giận lắm. Sáng mai, quan ra yết thị: “Ai đi đêm phải cầm đèn”. Đêm hôm ấy quan đi, lại vấp phải một người. Quan quở:  
- Ngươi không đọc yết thị à?   
Người kia đáp:   
- Bẩm có đọc.   
- Thế sao người không thắp đèn?   
- Bẩm, trong yết thị chỉ thấy nói phải cầm đèn, chứ không thấy nói phải cắm nến.  
Quan Phủ Doãn về, sáng hôm sau lại ra yết thị: “Ai đi đêm phải cầm đèn, trong đèn phải cắm nến”.  
Đêm hôm ấy quan đi, lại vấp phải một người.  
Quan lại quở:  
- Đi đêm sao không có đèn, có nến?   
Người kia đáp:   
- Bẩm, tôi có đủ dèn, đủ nến ạ?   
- Thế sao ngươi không thắp lên?   
- Bẩm, vì trong yết thị không thấy nói đến thắp nến.   
Quan Phủ Doãn về, sáng hôm sau lại ra yết thị: “Ai đi đêm phải cầm đèn, trong đèn phải cắm nến, nến phải thắp”.  
Nhưng lại một hôm, nửa đêm, quan đi lại vấp phải một người có đèn, có nến nhưng nến đã tắt.  
Quan lại quở. Người kia nói:  
- Bẩm, trong yết thị không thấy nói hết cây nến này, phải tiếp cây nến khác ạ.  
Lời bàn:   
Đây là câu chuyện lãng mạn nhưng có ý nghĩa thực tiễn rất cao. Hiện nay, nhiều văn bản pháp luật đã ban hành còn nhiều thiếu sót, phải sửa đi sửa lại nhiều lần nhưng vẫn chưa hoàn chỉnh. Chỉ đến khi đi vào thực hiện mới phát hiện ra thiếu sót Một văn bản quy phạm pháp luật hay áp dụng pháp luật mà không đầy đủ thì tạo sơ hở cho một số người biết tận dụng để trục lợi, còn đa số nhân dân thì bị gây khó dễ vì sự không rõ ràng của văn bản.  
Phải gặp nhiều người dân cãi lý như thế thì quan Phủ Doãn mới tiến bộ hoặc nếu không thì bị thay thế.

**Lương Vĩnh Kim**

Lãng mạn pháp luật

**Quan thanh tra bị đánh**

Thời Tam quốc có ba anh em Lưu, Quan, Trương kết nghĩa ở vườn đào, thề cùng đồng tâm hiệp lực để cứu người khốn, giúp kẻ nguy; trên báo đền nợ nước, dưới giúp đỡ cho dân, tuy không sinh cùng năm cùng tháng cùng ngày nhưng chỉ nguyện ước chết cùng năm cùng tháng cùng ngày. Thế rồi họ cùng ra đi đánh giặc Khăn Vàng, lập được nhiều chiến công, nhưng không được khen thưởng và ban chức vì họ không có thầy chú đỡ đầu. Một ngày kia, trong lúc vô tình, Lưu Bị than vãn với Trương Quân là mình có công mà không được ban thưởng gì. Trương Quân lập tức vào chầu tâu lại với vua và nhờ đó Lưu Bị được bổ nhiệm làm quan úy ở huyện An Hỷ, phủ Trung Sơn.  
Làm quan được bốn tháng, Lưu Bị không tơ hào một tí gì của dân, trong hạt trị hạ ai cũng lấy làm cảm phục. Thế rồi một hôm bỗng dưng triều đình giáng chiếu xuống rằng: “Những người có công đánh giặc mà làm trưởng lại, bây giờ nên thải bớt đi”.  
Lưu Bị nghi mình cũng ở trong số phải thải ra ấy. Trong lúc còn đang nghi hoặc, thì có quan thanh tra tên là Đốc Bưu đến huyện mình.  
Lưu Bị thân hành ra khỏi thành đón rước. Lúc gặp Đốc Bưu chào một cách rất tôn kính. Bưu ngồi trên ngựa, cầm roi phe phẩy đáp lễ.  
Quan, Trương thấy vậy tức quá. Khi đến chỗ quán dịch (nhà để tiếp các quan to đi qua), Đốc Bưu ngất ngưởng ngồi trên cao; Lưu Bị đứng hầu dưới thềm mấy trống canh, Bưu mới hỏi:  
- Chớ thầy huyện úy do chân gì xuất thân?   
Lưu Bị đáp:  
- Tôi là dòng dõi Trung Sơn Tĩnh Vương. Từ khi ở quận Trác, dẹp giặc Khăn Vàng, lớn nhỏ đánh hơn ba mươi trận. Hơi có công một chút, cho nên được cất làm chức này.  
Đốc Bưu thét to lên rằng:  
- Mày trá xưng là hoàng thân, kể công trạng hão gì? Hiện bây giờ triều đình giáng chiếu xuống để trừ bớt những đồ ô quan nhũng lại như mày đó.  
Lưu Bị dạ dạ vài tiếng rồi rón rén lẻn ra.  
Về đến huyện, Lưu Bị bàn với nha lại.  
Lại nói:  
- Đốc Bưu chẳng qua chỉ vòi tiền đó mà thôi.  
Lưu Bị nói:  
- Ta không tơ hào của dân tí nào, lấy đâu mà cho nó.  
Hôm sau, Đốc Bưu bắt ép một người huyện lại, buộc họ vu khống rằng quan huyện hại dân. Lưu Bị mấy phen đi lại để vào kêu van, bận nào cũng gặp phải lính canh không cho vào.  
Một bữa, Trương Phi buồn bực uống vài chén rượu để giải trí. Chén xong rồi cưỡi ngựa đi chơi. Đi qua quán dịch, thấy năm sáu mươi ông già đứng ở trước cửa kêu khóc.  
Trương Phi thấy vậy dừng cương ngựa lại hỏi cớ làm sao, thì các cụ ông nói rằng:  
- Đốc Bưu cố ép người huyện lại để hại Lưu hoàng thúc Chúng tôi đến để kêu oan cho ông ấy, không được vào thì chớ, lại bị quân canh cửa đuổi đánh.  
Trương Phi giận quá, mắt tròn trừng trợn, hàm răng nghiến rít lại, vùng nhảy ngay xuống ngựa, đi thẳng vào quán dịch; những quân canh cửa ngăn lại không được. Trương Phi xông thẳng vào hậu đường, thấy Đốc Bưu đương ngồi trên sảnh, người huyện lại bị trói dưới đất. Trương Phi quát lên rằng:  
- Thằng mọt dân kia! Mày có biết ta là ai không?   
Bưu chưa kịp trả lời, Trương nắm ngay tóc, lôi tuột ra ngoài quán dịch, đem trói chặt vào cái cọc buộc ngựa, bẻ một cành liễu, rồi cứ hai bên mông Đốc Bưu đánh mãi, đánh kỳ sái cánh, một lúc gảy cả thảy mười mấy cành dương liễu.  
Lưu Bị đang khi buồn bã, nghe có tiếng xôn xao ở cửa huyện, hỏi đầy tớ việc gì. Đầy tớ nói rằng:  
- Trương tướng quân trói một người nào ở cửa huyện đánh đau.   
Lưu vội vàng ra xem, lại gần trông, ngỡ là ai, hóa ra chính quan thanh tra bị trói.  
Lưu hỏi Trương:  
- Cớ làm sao thế?  
Trương nói:  
- Thằng giặc hại dân, chẳng đánh cho chết để làm gì?   
Bưu thấy quan huyện ra, trăm nghìn van lạy:  
- Ông Huyền Đức ơi! Cứu tôi với!   
Lưu Bị vốn là người nhân từ, vội vàng thét ngay Trương Phi dừng tay lại. Đương lúc ấy, Quan Công ở đâu vừa đến, nói với Lưu Bị rằng:  
- Huynh trưởng làm nên bao nhiêu công nghiệp, triều đình mới thí cho chức huyện úy này. Bây giờ để nghĩ rằng, cái bụi gai này không phải là chốn loan hoàng đậu. Thôi thì ta giết quách nó đi, bỏ phăng chức quan chức đó mà đi về, kiếm kế viễn đại khác còn hơn.   
Lưu Bị bèn đem cả ấn thụ treo vào cổ Đốc Bưu rồi mắng nó rằng:  
- Như mày là thằng mọt dân, đáng lẽ tao giết đi mới phải, nhưng tao tha cho mày làm phúc. Ấn dây, thụ đây, tao trả cho chúng bay, tao đi.  
Đốc Bưu khỏi chết, lập tức đi cáo với quan thái thú Định Châu. Bọn quan lại sai người đi tìm bắt ba anh em Lưu, Quan, Trương.  
Lời bàn:   
Xưa nay, theo thói thường, nghe quan thanh tra đến là kẻ bị thanh tra sợ tái mặt, lo giết bò, mổ lợn làm tiệc đãi đằng, chứ có mấy ai dám đánh quan thanh tra bao giờ. Quan thanh tra Đốc Bưu bị đòn là vì tham mà dại. Quan thanh tra mà muốn kiếm ăn thì chỉ có cách chia lại của bọn tham nhũng, chứ gặp quan thanh liêm mà ép họ cho ăn thì chỉ có cách ép ra nước... chứ lấy gì mà chung. Gặp phải quan liêm như Lưu Bị, không tơ hào của dân thì lấy gì cho Đốc Bưu? Nhưng làm quan như Lưu Bị thì chẳng mấy chốc bị thanh tra ra lắm tội và mất chức quan là cái chắc.  
Vì sao mà thanh tra là ra tội?  
- Một là, làm quan thì phải hành xử nhiều việc, dù có liêm chính, công tâm tài giỏi cỡ nào cũng gặp phải cái sai. Thanh tra mà soi mói thì tất ra chỗ sai ấy, nó cũng giống như thức ăn mua ngoài chợ, đem soi kính hiển vi thì thế nào cũng tìm ra chút bụi bặm, tạp chất hoặc vi trùng. Thanh tra cũng vậy. Hễ cứ hạch sách, soi mói là thế nào cũng tìm ra chuyện.  
- Hai là, làm quan thì tất có người đem của nhét vào mồm. Dù không muốn ăn, không đòi hỏi cũng có kẻ đem dâng của ngon vật lạ để trục lợi, cầu xin. Ban đầu còn ngượng không dám nhận nhiều, chỉ nhận đáp lễ nhưng sau quen dần, không có quà cáp thấy thiếu. Mà đã ăn thì làm việc thiên vị, để lại nhiều sơ hở, tất phải sợ thanh tra.  
Bởi vậy, xưa nay nghe thanh tra đến thì ngoài mặt làm vui đón tiếp nhưng trong bụng buồn lo nơm nớp.  
Lưu Bị tuy không phạm vào trường hợp thứ hai nhưng cũng e có thể phạm vào trường hợp thứ nhất nên cũng phải lễ phép với quan thanh tra để khỏi phiền phức. Cứ tưởng rằng mình liêm chính chẳng sợ thanh tra, chỉ cần lễ phép là đủ. Ai dè, gặp quan thanh tra Đốc Bưu chỉ cần tiền chứ không cần liêm chính nên Lưu Bị mới mất chức.  
Thời buổi loạn lạc, quyền bính nằm trong tay bọn Thập thường thị thì tất sản sinh ra toàn loại quan thanh tra Đốc Bưu.  
Người ta thường bảo: Nóng tính làm hỏng việc. Thế mà Trương Phi nhờ tính nóng mà làm đặng cái việc “không nóng không dám làm”. Do vậy biết nổi giận đúng lúc cũng là điều cần thiết trong xử thế.

**Lương Vĩnh Kim**

Lãng mạn pháp luật

**Chính pháp Tào Tháo**

Trong một lần đánh nhau với Viên Thuật, Tào Tháo đưa 17 vạn quân vây thành nhưng mãi không phá được. Quân sĩ ăn mỗi ngày tốn lắm, không sao tiếp vận lương thảo cho kịp. Tháo bèn đưa thư sang vay Tôn Sách được 10 vạn hộc lương. Quan coi lương là Vương Hậu thấy ít quá không đủ phát cho quân, vào bẩm với Tháo, hỏi xem nên làm thế nào. Tháo nói:  
- Đem hộc nhỏ mà phát cho chúng, tạm cứu cấp lấy một lúc.  
Hậu lại nói:  
- Thế ngộ quân sĩ kêu ca thì nói thế nào?   
Tháo nói:  
- Ta đã có phép.  
Hậu vâng lệnh, về lấy hộc nhỏ dong lương phát cho ba quân. Tháo cho người đi dò các trại, chỗ nào cũng thấy quân lính ta thán: Thừa tướng đánh lừa quân.  
Tháo thấy vậy cho người ra đòi Vương Hậu vào bảo rằng:  
- Quân lính khắp các trại đang kêu ca về nỗi phát lương bằng hộc nhỏ. Nay ta muốn mượn ngươi một vật để yên bụng chúng, ngươi đừng nên tiếc.  
Hậu hỏi:   
- Thừa tướng muốn dùng cái gì của tôi?   
Tháo nói:  
- Ta muốn mượn cái đầu của ngươi để dẹp bụng oán của ba quân.   
Hậu thất kinh, kêu oan. Tháo lại nói:  
- Ta cũng biết ngươi không có tội, nhưng không giết ngươi thì bụng chúng sinh ra biến mất, thì ngươi chịu chết vậy, để vợ con, ta nuôi cho, ngươi đừng lo gì cả.  
Vương Hậu muốn nói nữa, nhưng Tháo đã gọi ngay đao phủ vào lôi Hậu ra ngoài cửa chém rồi bêu đầu lên một cái sào dài, yết thị rằng: “Vương Hậu cố làm đấu nhỏ, để hà lạm lương vua, nay đem chính pháp”.  
Bởi thế quân sĩ không oán gì nữa. Sau đó Tháo phủ dụ quân sĩ ra sức công thành và lệnh rằng: “Hạn trong ba ngày, hễ không phá được thành thì các tướng phải bị chém cả”. Quả nhiên trận ấy Tháo phá thành thắng lợi.  
Lời bàn:   
Dùng pháp luật như Tào Tháo thì xưa nay có lắm người. Nhưng Tào Tháo là nhân vật đại gian hùng điển hình nên nêu ra bàn để thấy sự tráo trở của kẻ độc tài.  
Vương Hậu không có tội ăn xén quân lương nhưng có cái tội theo phò Tào Tháo là đáng chết lắm thay! Xưa nay, chim khôn chọn chỗ cành cây cao mà đậu, người khôn chọn chân chúa mà thờ. Đại gian, đại ác như Tào Tháo mà cũng theo phò thì có ngày oan mạng.  
Tào Tháo không coi pháp luật ra gì, đã giết oan một công thần luôn vâng lệnh mình mà còn yết thị: “Vương Hậu cố ý làm hộc nhỏ để hà lạm lương vua, nay đem chính pháp”. Đúng là chính pháp Tào Tháo! Những kẻ tham quyền chức, không biết chọn chúa để thờ thì có ngày bị lợi dụng “thí tốt” như Vương Hậu kia.

**Lương Vĩnh Kim**

Lãng mạn pháp luật

**Nhìn mắt bắt trộm**

Ngày xưa, có một người trẻ tuổi tên Nhốp có tài nhìn mặt đoán người. Cứ mỗi khi nhìn vào mặt một người là anh biết ngay người ấy lành hay dữ. Gặp phải thời loạn lạc, trộm cắp nổi lên như rươi, các quan lại không sao dẹp nổi. Một phần vì bọn trộm rất xảo quyệt, xóa sạch các dấu vết sau mỗi lần ăn trộm. Nhà vua cũng thấy khó khăn trong việc trừ khử bọn đạo tặc để yên dân. Trộm cắp cứ mỗi ngày mỗi tăng, hoành hành như chỗ không người. Vua bèn triệu tập các quần thần để bàn kế dẹp yên nạn trộm cắp. Có vị quan tiến cử một chàng trẻ tuổi cho nhà vua, đề nghị nhà vua phong chức và cho chàng toàn quyền hành xử trong việc trừ khử bọn trộm cướp. Nhà vua thuận tình, hạ chiếu chỉ mời Nhốp vào triều, giao cho chàng nhiệm vụ bắt trộm cướp.  
Nhốp xin nhà vua cho mình được tuyển chọn một số quân lính khỏe mạnh, có võ nghệ cao cường. Thế rồi chàng dẫn quân lính, đóng giả thường dân đi khắp các chợ búa, ngõ ngách của các miền từ thôn quê tới thành thị. Mỗi khi đến vùng nào là Nhốp chăm chú quan sát nét mặt, dáng đi, quần áo của từng người. Nếu ai có dấu hiệu khả nghi là kẻ đạo tặc thì Nhốp nhìn kỹ vào mắt hắn. Và Nhốp đã tóm dược tất cả bọn trộm cướp mà Nhốp gặp trên đường chu du. Khi đưa bọn trộm cướp về tra khảo, quả nhiên chúng khai ra nghề nghiệp của chúng là nghề trộm cướp. Nhà vua và các quan lại kiểm chứng thấy không sai một trường hợp nào.  
Vua bèn trọng thưởng cho Nhốp, khen ngợi Nhốp trong buổi chầu trước bá quan văn võ, rồi vua hỏi:  
- Khanh hãy cho Trẫm biết, làm thế nào mà khanh biết chắc đấy là những tên trộm cướp?  
- Muôn tâu bệ hạ! Chỉ cần nhìn vào mắt chúng là thần rõ cả ạ. - Nhốp lễ phép bẩm.  
- Mắt của chúng có gì mà khanh nhận biết?   
- Tâu bệ hạ! Mắt của bọn trộm cướp có ba biểu hiện khác dân lương thiện. Một là, nhìn thấy hàng hóa thì trong mắt chúng có biểu hiện thèm thuồng; hai là, nhìn thấy người lương thiện thì trong mắt chúng có biểu hiện thẹn; ba là, nhìn thấy thần thì trong mắt chúng có biểu hiện sợ. Nhìn vào mắt chúng, thấy có ba biểu hiện thèm, thẹn, sợ là thần bắt, không thể sai được.   
Nhà vua và các quan tham dự buổi chầu đều tấm tắc khen chàng Nhốp tài giỏi. Vua ban thưởng, phong chức cho Nhốp và giao cho chàng nhiệm vụ để dẹp loạn trộm cướp trên khắp mọi miền. Từ đó, Nhốp nổi tiếng về tài bắt trộm cướp. Nhốp đi đến đâu bọn trộm đều bị bắt hoặc trốn sạch. Nhưng không bao lâu sau Nhốp bị bọn trộm cắp thủ tiêu, không tìm thấy xác.  
Lời bàn:   
“Con mắt là cửa sổ của tâm hồn”. Không có gì thể hiện bản chất của con người rõ bằng đôi mắt. Chỉ có điều nhìn vào mắt mà nhận ra được như Nhốp thì quả là tinh đời đến mức thượng thặng. Nhưng dẹp loạn trộm cướp bằng cách tiêu diệt từng tên một như cách làm của Nhốp thì không những không dẹp được nạn mà còn có ngày nguy đến thân. Nhốp phải chết vì Nhốp tài giỏi, mà cái tài giỏi của Nhốp lại gây bất lợi cho một số người - dù người đó là bọn trộm cắp. Muốn tiêu diệt bọn trộm cướp phải có cách khác - một phương cách của nhà chính trị - chứ không thể theo cách của Nhốp. Dù có hàng trăm người tài giỏi như Nhốp cũng sẽ bị bọn trộm cướp trả thù.   
Từ cái chết của Nhốp, có thể rút ra bài học về việc bài trừ các tệ nạn trộm cắp và tham nhũng. Không thể chỉ đơn thuần dùng đội ngũ thừa hành pháp luật tài giỏi mà cần phải bằng tất cả sức mạnh tổng hợp với chính sách mang tính toàn diện để ổn định xã hội. Cán bộ điều tra, thanh tra tài giỏi cũng chỉ làm được việc tạm thời như chàng Nhốp và có khi giỏi quá bị bọn cường đạo, tham nhũng giết hại, mua chuộc, vô hiệu hóa.

**Lương Vĩnh Kim**

Lãng mạn pháp luật

**Phân xử tài tình**

Có một ông quan nổi tiếng về tài xét xử. Trong dân gian có vụ án nào gay go nhất, ông đều có cách tìm ra manh mối và phân xử công bằng. Hôm ấy có việc đi qua một ngôi chùa, quan ghé thăm vãn cảnh. Sư cụ kính cẩn đón quan vào phương trượng uống trà. Trong tuần trà, sư than thở rằng mình có giữ của nhà chùa một số tiền lớn, không may bị kẻ trộm lấy đi mất cả. Sư không biết nghi ngờ cho ai, cũng không muốn trình quan vì sợ khổ lây đến bọn đồ đệ. Kể xong, nhà sư nhờ quan kín đáo tra xét hộ cho. Quan hỏi lại sư cụ cặn kẽ một số tình tiết, rồi với vẻ thành kính, quan chỉ vào tượng Phật mà nói:   
- Đức Phật ngài thiêng lắm, sao hòa thượng không cầu Ngài giúp cho. Nếu hòa thượng muốn, tôi sẽ vì nhà chùa mà cầu Đức Phật tìm ra thủ phạm hộ.   
Được lời, quan nói nhà sư biện lễ để quan cúng Phật. Trong khi hòa thượng tụng niệm, quan bắt tất cả sư vãi, kẻ ăn người ở trong nhà chùa ra chạy đàn. Mỗi người tay cầm một cành phan, tay kia cầm nắm thóc đã ngâm nước.  
Quan truyền:   
- Sư cụ cho ta biết nhà chùa bị mất một số tiền khá lớn mà chưa rõ kẻ nào lấy. Ta đoán chắc chỉ có người trong chùa mà thôi. Nhân ta biết Đức Phật đây ngài rất thiêng, lại do ta có thể cầu ngài chỉ rõ thủ phạm nên ta giúp nhà chùa. Các ngươi cầm cành phan và nắm thóc ngâm rồi, vừa chạy đàn vừa niệm Phật. Sư cụ hành lễ, ta sẽ cúng Đức Phật. Nếu kẻ gian, Phật sẽ làm cho nắm thóc trong tay kẻ ấy nảy mầm, mọi việc sẽ rõ, không phải tra khảo gì lôi thôi.  
Thế là cuộc lễ bắt đầu. Quan vừa giả cúng, vừa chú ý theo dõi. Chạy đàn dược mấy vòng, quan thấy một chú tiểu thỉnh thoảng lại mở tay hé mắt nhìn xem lúa đã nảy mầm chưa. Quan bèn cho dừng cuộc hành lễ, gọi chú tiểu kia lại, vạch rõ tâm cơ. Chú tiểu kia phải thú nhận mọi tội lỗi và chịu sự trừng phạt.

**Lương Vĩnh Kim**

Lãng mạn pháp luật

**Chàng mồ côi xử kiện**

Có một chàng trai cha mẹ mất sớm, nhà nghèo nhưng rất thông minh. Chàng chuyên hầu hạ quan, nên các cung cách việc quan thế nào chàng đều biết. Quan thấy thế lại cho chàng hòa giải những vụ xích mích nhỏ. Chàng thường xử thông minh, nói năng hòa nhã, thành thử lâu dần người ta lại thích được chàng mồ côi xét xử.  
Lần ấy, chủ quán kiện một cụ già. Theo đơn thưa của chủ quán thì cụ già vào hàng y, giở cơm nắm ra ăn, tuy không mua gì nhưng mắt nhìn tô đựng thức ăn, mũi hít, như vậy đã nuốt hết mùi thơm của gà quay, thịt rán ở hàng y, song không chịu trả tiền. Cụ già thì cãi là ăn cơm của mình, không mua gì mà chủ quán cứ đòi tiền. Sau khi nghe, chàng Mồ Côi hỏi chủ quán:   
- Có phải ông tố cáo cụ này hít hết hương vị gà quay, thịt rán hàng ông phải không?   
- Dạ đúng như thế ạ.  
- Cụ có nhận cụ hít? - Anh lại hỏi cụ già.   
- Có.  
- Thế là rõ, cụ phải bồi thường 20 đồng bạc cho chủ quán.  
Trong khi cụ già rơm rớm nước mắt kêu xin thì chủ quán vô cùng sung sướng. Cuối cùng cụ già nói:  
- Nhưng tôi chỉ có 2 đồng bạc.   
Cụ già đưa tiền của mình ra. Chủ quán vội vàng:  
- Hai đồng cũng được, cứ đưa đây.  
Nhưng chàng Mồ Côi không nghe, anh đòi cụ già phải trả đúng 20 đồng. Anh lấy 2 đồng của cụ già cho vào một cái bát, lấy một cái nữa úp lên trên, rồi bảo:  
- Cụ cầm lấy lắc đủ 10 lần. Còn chủ quán, ông chú ý nghe nhé! - Mồ Côi quay sang bảo chủ quán.  
Cả hai người đều không hiểu gì cả, song cũng cứ làm theo lời chàng. Khi cụ già lắc xong đủ 10 lần, bấy giờ chàng Mồ Côi mới phán:  
- Cụ già hít hương thơm hàng ông thì cụ phải cho ông nghe đủ tiền cụ trả. Ông đã nghe đủ 10 lần tiếng 2 đồng bạc như số ông đòi, vậy là sòng phẳng.  
Cụ già vui vẻ cầm lấy 2 đồng bạc ra về, còn chủ quán thì tiu nghỉu.

**Lương Vĩnh Kim**

Lãng mạn pháp luật

**Chuyện Bùi Cầm Hổ**

Thời nhà Lê, dưới chân núi Hồng Lĩnh thuộc huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh, có một chàng thanh niên nghèo khổ. Lúc nhỏ, chàng học hành được chút ít rồi cha mẹ qua đời, chàng phải bỏ học, chăn trâu, chăn bò cho làng xóm để kiếm ăn qua ngày. Khi đến tuổi thanh niên, chàng tự nghĩ không lẽ cam chịu mãi nên chàng dành dụm dược ít tiền rồi khăn gói lên đường ra kinh đô tìm dịp tiến thân.  
Bấy giờ, ở kinh đô dang xôn xao vụ án vợ giết chồng. Nhà nọ có chồng sắp lên đường đi buôn xa. Trước khi chia tay, biết chồng thích ăn lươn, vợ bèn mua lươn về nấu canh. Ăn xong người chồng chết ngay lập tức. Người ta giải chị vợ lên quan, quan khép ngay vào tội “ngoại tình giết chồng”. Chị ta nhất mực kêu oan, nhưng đến khi bị tra khảo thì nhận. Ngày mai người dàn bà này sẽ bị đem cho voi giày. Kể chuyện, người thì gớm cho hạng đàn bà gian ác, người thì cho là có thể người đàn bà đó vô tội nhưng vì nhục hình mà nhận tội chịu oan, nhưng không ai đưa ra được lý do minh oan xác đáng nào.  
Biết chuyện, chàng thanh niên đến bộ Hình xin gặp quan thượng thư kêu oan cho người đàn bà. Chàng cam đoan rằng mình minh oan được, nếu không sẽ xin chịu tội, chỉ xin quan cho lùi ngày hành hình hai hôm. Thấy chàng trai từ xa đến, không quen biết kẻ phạm tội, lại khăng khăng đòi mình oan, quan thượng thư rất lấy làm lạ nhưng cũng bằng lòng.  
Thế là chàng thanh niên ra chợ mua về một mớ lươn lớn nhỏ. Đổ lươn ra trước mặt mọi người, chàng bắt riêng ra dăm ba con. Quan và mọi người chưa hiểu thế nào thì chàng chỉ tay vào mấy con lươn để riêng và nói:  
- Đây không phải là lươn nhưng chúng giống lươn đến nỗi rất khó phân biệt nếu không tinh. Nó là một loại rắn độc. Người đàn bà nọ quả vì quá yêu chồng nên đã mua lươn cho chồng ăn, nhưng trong lươn có lẫn loại rắn độc này nên người chồng đã bị ngộ độc. Kẻ tiện dân này vốn biết như vậy từ lúc ở quê nhà, nên đến đây xin minh oan để cứu một mạng người, cũng là để làm sáng danh chúa thượng và pháp luật triều đình ta.  
Chàng xin quan cho làm thịt loài “rắn lươn” ấy, nấu canh như người đàn bà đã nấu, rồi cho chó ăn thử. Ăn xong quả nhiên chó lăn ra chết ngay. Nhờ vậy cuộc hành hình người đàn bà bị hủy bỏ. Xử lại, nàng được trắng án. Chuyện này làm dư luận xôn xao, ai cũng ngợi khen chàng.  
Chàng trai ấy sau này làm đến chức quan Ngự sử dưới triều vua Lê Nhân Tông tên là Bùi Cầm Hổ.

**Lương Vĩnh Kim**

Lãng mạn pháp luật

**Để bảo tồn phép nước**

Có một ông quan nổi tiếng thanh liêm, trung trực, không một ai có thể chạy chọt đút lót cửa ông để mua lợi được. Ông có vợ và hai con trai sống trong cảnh thanh bần, nhiều lúc túng quẫn cũng không dám xin ông điều gì.  
Một lần có một án mạng. Người nhà tội nhân biết thế nào cũng bị tử hình nên đến nhờ vợ ông kêu xin với ông và hứa sẽ hậu tạ nhiều vàng bạc. Phu nhân thừa lúc vui vẻ nói với ông rằng:   
- Ông làm quan một mực thanh liêm, bổng lộc không nhận nhưng lương đủ dùng, nay còn tạm ổn nhưng sợ sau này không khỏi đói rét, bẩn bách, con cái khổ về sau. Bây giờ có việc như thế, như thế, xin ông rộng lòng khoan thứ cho họ để lấy cái về sau.   
Ông nghe xong bằng lòng nên bà mừng lắm.   
Ai dè đến đêm khuya, ông đánh thức ba mẹ con dậy. Trói hai con vào cột, mài thanh gươm thật sắc rồi ông nói:  
- Bà xin cho cái án nọ, không phải vì án không đáng tội đến thế mà vì lo cho hai đứa con về sau này đói rách. Nay nếu đem chém chúng đi, bà không phải mang nỗi lo bần bách nữa. Đây cũng là cách giải quyết nỗi lo mà không tổn hại đến phép nước.  
Phu nhân tỉnh ngộ, tạ lỗi. Ông vẫn giữ đúng cái án ấy.   
Lời bàn: Theo ông quan thanh liêm trên thì có hai cách giải quyết nỗi lo cho tương lai:  
- Một là, giết hai đứa con để chúng khỏi đói rét.   
- Hai là, theo ý bà vợ, nhận của đút lót để có cái sinh nhai cho chúng về sau.   
Nếu buộc phải chọn một thì ông chọn cách thứ nhất để bảo tồn phép nước. Sự chọn lựa của ông trong tình huống ấy là bài học thanh liêm để dạy vợ của ông quan thanh liêm. Chắc là bà vợ quan sẽ hiểu ra và không còn dám nhận nói giúp cho ai theo cách ấy nữa.  
Ngày xưa, “chạy thuốc” mà gặp phải vị quan nọ thì coi như gặp phải bệnh nan y, vô phương cứu chữa. Ngày nay (ở bên Tây), nếu “chạy thuốc” mà gặp phải quan tòa thanh liêm như vị quan nọ thì bọn chạy thuốc vẫn chạy ra thuốc để chữa, chưa đến nỗi bó tay chịu chết. Những phương thuốc mà chúng thường áp dụng như sau:  
- Một là, có thể chạy đến cấp có thẩm quyền cao hơn để xin đổi quan tòa xét xử. Bọn chúng có thể tìm ra muôn ngàn lý do để đổi quan tòa thụ lý, xét xử.  
- Hai là, chạy cơ quan điều tra để làm lệch hồ sơ vụ án. Tòa chỉ xét theo kết luận điều tra của cơ quan điều tra (án tại hồ sơ).  
- Ba là, sử dụng ngón đòn maphia như ở Ý, giết chết quan tòa.  
Thời nay, việc “chạy thuốc” có nhiều cách hơn, nhiều cửa hơn xưa.  
Muốn cho luật pháp được thi hành nghiêm thì cần có đội ngũ viên chức thực thi pháp luật liêm chính, tài giỏi; đồng thời phải có cơ chế bảo vệ họ thoát khỏi sự tác động khác làm sai lệch cán cân công lý. Chỉ khi đó bọn “chạy thuốc” mới hết đường chạy.

**Lương Vĩnh Kim**

Lãng mạn pháp luật

**Ai bắt trộm gà?**

Có một vị quan thông minh, nổi tiếng có tài xét xử. Nhân một chuyến công du qua làng nọ, thấy có người mất một con gà đang chửi rủa ầm ĩ với những lời thậm tệ, ông sai trói người ấy vào trong quán, gọi tất cả người trong làng đến, giả vờ mắng rằng:   
- Mầy mất một con gà đáng giá là bao mà chửi cả tổ tiên người ta, lại làm cho xóm làng bất ổn.  
Rồi ông truyền cho mọi người vả vào miệng người mất gà. Tuy phải làm theo lệnh quan nhưng không ai nỡ vả mạnh vì thương người đàn bà vừa mất gà, vừa bị tội. Chỉ có kẻ lấy cắp gà là ức vì bị chửi độc nên giang tay tát không thương tiếc. Quan sai bắt hắn, khám nhà hắn tìm được cả lông gà mà hắn vừa thịt rồi đem chôn. Hắn đành cúi đầu nhận tội.  
Tương truyền, ông quan này xử rất nặng những kẻ phạm tội ăn cắp vặt như bẻ bí, bắt gà và những kẻ ăn cắp tài sản có giá trị càng lớn thì ông xử càng nhẹ. Trong một lần thăng đường để xét xử cùng một lúc hai vụ kẻ ăn trộm gà và kẻ ăn trộm trâu. Kẻ ăn trộm gà bị xử phạt một trăm trượng còn kẻ ăn trộm trâu chỉ bị phạt bốn mươi trượng. Khi có người thắc mắc thì ông giải thích rằng:   
- Gà là vật nhỏ, dễ nuôi, ai cũng có thể nuôi gà để ăn thịt. Kẻ ăn cắp gà là kẻ lười biếng, tham ăn nên cần phạt nặng cho chừa. Còn con trâu là tài sản lớn, dùng để cày cấy, người nghèo không thể có. Do vậy ăn trộm trâu là điều có thể thông cảm được vì nghèo khó, cần có trâu để cày cấy làm ăn.   
Từ đó, trong vùng ông cai nhậm không còn tình trạng ăn cắp vặt, các vụ ăn cắp lớn cũng dần dần mất đi, vì các vụ ăn cắp lớn rất dễ bị nhân dân phát giác. Hơn nữa, kẻ ăn cắp lớn thường bắt đầu từ ăn cắp nhỏ mà sinh ra.  
Lời bàn:   
Ngày trước, có một số vùng có quy định: ăn cắp tài sản có giá trị càng lớn thì tội càng nhẹ (ví dụ như con trâu là đầu cơ nghiệp chỉ bị phạt 20 roi); ăn cắp tài sản có giá trị nhỏ thì tội càng nặng (ăn cắp gà bị phạt 50 trượng). Quy định như vậy là nhằm bảo vệ tài sản cho bọn địa chủ (mang tính giai cấp), bởi vì bọn địa chủ có rất nhiều tài sản nhỏ để vung vãi khắp nơi, hay bị mất vặt. Còn những tài sản lớn như trâu, bò thì đã có người chăn dắt, khó mất. Nếu tài sản lớn có bị ăn cắp thì cũng dễ phát hiện dễ tìm lại, do vậy không cần bảo vệ. Các quan thường cho yết thị: “Cấm quần tam, tụ ngũ, sát cẩu hại kê” là để bảo vệ chó gà. Hễ có ba người ngồi lại là bàn cách kiếm cái nhâm nhi. Vì không có quán nhậu như ngày nay nên bàn nhau bắt trộm gà. Hễ có dăm người tụ lại là bàn cách bắt trộm chó vì ăn gà không đủ. Chính vì có hiện tượng đó nên các qnan ngày trước xử rất nặng bọn ăn trộm vặt để bảo vệ tài sản cho bọn địa chủ trước những kẻ bần cố thiếu ăn, chứ không vì mục đích như lý luận của vị quan trên.

**Lương Vĩnh Kim**

Lãng mạn pháp luật

**Đào Tấn chém bồi Ba**

Kinh đô Huế thất thủ (7-1885), giặc Pháp đặt ách đô hộ ở Trung Kỳ. Đồng Khánh được Pháp đặt lên ngai vàng, cúi đầu phục vụ Pháp. Để thiết lập bộ máy cai trị, bọn thực dân Pháp đưa hàng trăm tên bồi bếp từ Nam Kỳ ra Trung Kỳ làm tay chân. Bọn này dựa thế quan thầy hoành hành ngang ngược giữa chốn đế đô. Chúng lường gạt, hà hiếp mọi người. Từ quan lại phong kiến cho đến thứ dân, ai cũng sợ. Nhiều chuyện động trời của chúng đến tai Đồng Khánh nhưng vua làm ngơ vì sợ đụng chạm đến Pháp. Tiếng oán than của dân chúng ngày một nhiều. Một số viên quan triều đình cương trực không chịu nổi cho bắt giam bọn chúng để xét xử nhưng cuối cùng phải chịu bó tay, vì Khâm sứ Trung Kỳ Lomerơ can thiệp. Có viên quan còn bị mất chức.  
Bấy giờ, Đào Tấn đang ngồi ghế Phủ doãn Thừa Thiên. Ông rất tức giận trước cảnh này nhưng chưa biết xứ trí thế nào. Một người đã khuyên Đào Tấn:  
- Tức làm gì, không khéo ông Phủ mất chức như chơi. Cầm bút làm tuồng ông viết ý gì cũng dược chứ chuyện thế gian đâu có như ý của mình.  
Vốn khí khái, ông Đào đáp:   
- Sống ở đời mà thấy chuyện ngang trái không trị thì còn mặt mũi nào dạy dỗ thiên hạ trong tuồng. Dân nguy bất cứu mạc anh hùng. Kiến nghĩa bất vi vô dõng dã. Để rồi các ông sẽ thấy.  
Sau đó ít lâu xảy ra vụ bồi Ba, một tên tay sai khét tiếng gian ác của Pháp. Bồi Ba mua bò của một người dân, y đã không trả tiền còn vu cho chủ bò là dư đảng của Cần Vương. Thế rồi y bắt giam chủ bò, đánh đập họ tàn nhẫn. Nghe tin, Đào Tấn liền cho điều tra, lập hồ sơ đầy đủ. Khi đã nắm chắc tội trạng của bồi Ba, Đào Tấn sai lính chặn đường bắt bồi Ba nhưng không đưa về giam trong ngục Phủ mà đưa thẳng ra bờ sông Hương, quãng khúc sông chảy qua kinh thành, chờ cụ ra trị tội. Quen thói hỗn láo, bồi Ba chẳng những không sợ mà còn lớn tiếng chửi bới, hăm dọa ngay từ lúc mới bị bắt giải đi. Khi Đào Tấn cùng lính hầu đến, bồi Ba cũng không e dè, càng to mồm dọa dẫm, chửi bới nhiều hơn. Bỏ ngoài tai những lời càn rỡ của tên bồi Ba, Đào Tấn xem kỹ mặt mũi tên Việt gian, rồi ra lệnh cho lính chém ngay. Lúc này bồi Ba mới thực sự hoảng sợ. Trước khi chết, câu cuối cùng của y là kêu Khâm sứ Pháp đến cứu. Nhưng làm sao cứu nổi. Tiếng kêu chưa dứt, đầu bồi Ba đã rơi một nơi, thân một nẻo. Bộ quần áo y mặc trên người do Pháp may cho đã nhuốm đỏ máu. Bấy giờ Khâm sứ Lơmerơ mới biết chuyện, nổi giận. Y lập tức đến ngay pháp trường thì ôi thôi, tên tay sai trung thành của y chỉ còn cái xác lìa hồn. Mặt Lơmerơ hầm hầm. Cụ Đào khoan thai rút hồ sơ trao cho Lơmerơ và nói:  
- Một tên tội phạm như thế này không chém hắn đi để làm chi cho hại dân. Ở cương vị tôi, tôi, chắc ngài cũng sê chém.  
Tội của bồi Ba quá rõ, viên Khâm sứ Pháp không cãi được, nhưng vốn không phải tay vừa, hắn hạch Đào Tấn:   
- Bồi Ba là người của Pháp, sao quan Nam triều xử ngang mà không hội ý với Pháp hoặc giao cho Pháp xử.  
Điều này cụ Đào dã nghĩ tới, nên cụ đã cứng cỏi trả lời:   
- Hắn làm việc cho bảo hộ nhưng hắn vẫn là người Việt Nam, sống ở đất Việt Nam, gây tội với dân Việt Nam thì sao quan Việt Nam không xử hắn mà phải hội thương với Bảo hộ? Hòa ước Patơnôt (1884) có điều khoản nào quy định việc này đâu?   
Trước lý lẽ của Phủ doãn Thừa Thiên Đào Tấn, tên Khâm sứ thực dân Pháp Lơmerơ đành cứng họng.

**Lương Vĩnh Kim**

Lãng mạn pháp luật

**Phê đơn ly dị**

Chuyện rằng ở Thanh Hóa, có một người tên Xiển dòng dõi Trạng Quỳnh, tính khí cũng gần như thế. Đương thời vẫn thường gọi ông là Xiển Bột (vì ông người Hoằng Bột, Hoằng Hóa). Tương truyền làng của Xiển có nhà nọ, chồng rất tàn nhẫn nên chị vợ sau nhiều năm chịu đựng không nổi, bèn đưa đơn lên huyện xin ly dị. Quan huyện thấy chị ta không quà cáp, lễ lạt chi cả nên không cho, bèn phê vào đơn: “Phó hồi cái giá bất đắc phu cựu”, ý quan muốn nói: Không thể cho đi lấy chồng khác, phải trở về với chồng cũ.  
Chị đành hậm hực ra về. Nghe tiếng Xiển hay chữ, chị ta đến nhờ Xiển làm cho cái đơn khác để đi kêu lần nữa. Xem đơn cũ, Xiển giả bộ ngạc nhiên:   
- Chị nói thế nào chứ, quan đã phê cho chị đi lấy chồng khác rồi còn gì?  
Rồi Xiển giải thích cho chị ta rõ lời phê của quan huyện. Được lời chị ta tạ ơn Xiển, ra về đi lấy chồng khác. Lại nói về người chồng cũ thấy vậy tưởng quan huyện ăn của đút của lót, xử ức ép cho mình nên liền phát đơn kiện lên quan tỉnh. Quan tỉnh đòi quan huyện và chị nọ đến hầu, đem đầu đuôi ra chất vấn. Quan huyện thưa là không hề cho chị ta đi lấy chồng khác. Nhưng chị ta lấy đơn có bút phê của quan đưa ra và nhắc lại lời giảng giải của Xiên: “Phó hồi cải giá” là cho về đi lấy chồng khác. “Bất đắc phu cựu” là “không được về với chồng cũ”. Do chữ nho không có chấm phẩy nên cùng một câu như trên nếu ngắt ra có thể hiểu thành ý khác.  
Bấy giờ quan huyện mới ngã ngửa người ra. Chỉ vì một lời phê cầu kỳ, cẩu thả, không minh bạch mà bị hiểu sang nghĩa trái ngược hoàn toàn. Quan cũng biết mình bị một người sâu sắc nước đời nhân đây trị cho một vố, nhưng dành bấm bụng chịu. Rốt cuộc cả hai quan đành chịu phải để cho chị ta sống với người chồng mới.

**Lương Vĩnh Kim**

Lãng mạn pháp luật

**Tang chứng bốc hơi**

Một người uống trà, tiện tay nhúng vào nước viết lên bàn mấy chữ: “Ta muốn làm Hoàng Đế”. Kẻ lâu nay vẫn thù anh ta trông thấy thế vội vác bàn lên phủ tố cáo anh ta mưu phản. Anh ta cứ thế cặm cụi vác đi một hơi không nghỉ. Nhưng khi lên đến phủ thì nước bay hơi không còn nhìn thấy chữ, nên khi lính lệ hỏi: “Vác bàn vào công đường làm gì?” thì kẻ kia đáp: “Tôi đi bán bàn ghế, vác vào đây xem quan lớn ngài có mua không?”

**Lương Vĩnh Kim**

Lãng mạn pháp luật

**Hai bảy mười ba**

Nhà nọ có giỗ. Vợ nấu chè múc ra bát cho chồng bưng lên bày, tất cả bảy lần, mỗi lần hai bát. Trong khi bày, thấy thừa một bát, chồng ăn luôn. Đến khi hạ mâm, vợ đếm thiếu, hỏi, chồng chối. Lời qua tiếng lại không ai chịu ai, thế là đánh nhau. Vợ uất quá đi kiện lên quan. Chồng sợ mất thể diện, bèn chạy lo lót quan. Thấy lễ hậu, quan nhận lời bảo: “Ta sẽ lo cho êm thấm”.  
Ngày xử, quan phán:  
- Giỗ là giỗ ông bà nhà nó, không lẽ nó lại đi thất lễ. Với lại hai bảy không hẳn phải mười bốn, có khi hai bảy mười ba kia đấy.  
Rồi quan chỉ các đòn tay trên nóc công dường cho chị vợ hay mái trước bảy cái, mái sau cũng bảy cái mà tổng cộng chỉ có mười ba cái.  
Nghe vậy, anh chồng rất hoan hỉ. Chị vợ không chịu, muốn cãi. Quan đập bàn:   
- Thánh nhân có câu “phu xướng phụ tùy” (chồng nói vợ theo). Chồng mày đã thấy ta xử công minh, mày còn định cãi gì nữa. Thôi cho về, nếu không nghe ta phạt.  
Quan thét đuổi cả hai ra khỏi công đường.  
Đến nhà, hàng xóm sang hỏi thăm. Chồng hoa chân múa tay, khen quan công minh. Còn vợ than rằng:  
Nực cười ông huyện Hà Đông   
Xử vị cho chồng hai bảy mười ba   
Không nghe tan nát cửa nhà   
Nghe thì “hai bảy mười ba” cực lòng.

**Lương Vĩnh Kim**

Lãng mạn pháp luật

**Cuộc xử kiện giữa các loài chim**

Công được loài chim cử làm vua. Công bèn cử Sáo làm Lý trưởng, Chèo Bẻo làm Hương kiểm, Chao Chao làm lính canh. Ngoài ra, dể đâu vào dấy, vua Công bằng ban pháp lệnh: Mỗi loài chim chỉ được dùng một thứ quả, thứ hạt hay loại sâu bọ nhất định làm thức ăn. Các loài chim đều theo, duy có Diều Hâu không nghe vì tính ăn thịt đã quen. Cậy mình khỏe, nhanh nhẹn, dữ tợn, Diều Hâu cứ bắt các loài chim non, chim yếu sức hơn mình về ăn thịt.  
Bấy giờ là mùa hoa nở, lá xanh, vợ chồng chim cu đẻ được hai trứng, ấp nở hai con. Rình lúc hai vợ chồng chim Cu đi tìm mồi, Diều Hâu bắt chim Cu non ăn thịt. Chim Cu quay về nhìn thấy Diều Hâu lúc nó vừa ăn xong hai chú chim non, máu còn dính ở mỏ, ở vuốt. Vợ chồng chim Cu hỏi:  
- Diều Hâu, anh đã ăn thịt con tôi?   
- Mày biết đi tìm hạt cỏ, thì tao cũng biết đi tìm thịt non chứ! - Diều Hâu ngông nghênh đáp.  
Vợ chồng chim Cu biết mình yếu sức, không làm gì được bèn tìm đến chim Sáo lý trưởng để kiện.  
Chim Sáo sai Chèo Bẻo gọi Diều Hâu đến để hỏi tội:   
- Diều Hâu! Có phải anh ăn thịt con của vợ chồng chim Cu không? Anh dám phạm luật của nhà vua?  
- Không ăn thì làm sao ta sống được.   
Diều Hâu trịch thượng trả lời. Nó còn xòe lông, đập cánh, quắc mắt ra oai. Sáo sợ, biết Diều Hâu sai nhưng phải xử hòa:  
- Chim Cu kiện là phải vì mất con, thương con. Nhưng Diều Hâu cũng phải vì không ăn được cái này thì phải ăn cái khác mà sống chứ.  
Bị Lý trưởng Sáo xử trái, vợ chồng Cu tìm đến vua Công kêu oan. Hương kiểm Chèo Bẻo thấy Lý trưởng xử bậy cũng bay lên vua Công làm chứng hộ cho vợ chồng chim Cu. Nghe lời tâu bày của vợ chồng chim Cu, vua Công sai Chèo Bẻo và Chao Chao đi tìm bắt thủ phạm. Diều Hâu sợ chui vào bóng cây trốn nhưng cuối cùng cũng bị bắt giải đến vua Công. Vua Công cho gọi Sáo đến hầu, Sáo vẫn nói như trước. Thấy vậy Chèo Bẻo liền mắng Lý Sáo:   
- Làm Lý trưởng mà ngu! Chuyện trái vậy sao xử hòa.   
Diều Hâu ranh ma, thấy Chèo Bẻo chức phận nhỏ mà dám mắng Lý Sáo có chức phận lớn hơn nên nó liền nói xen vào:  
- Quan chức cai trị mà còn lộn xộn như vậy thì đòi tôi đến làm gì? Hương kiểm mắng được Lý trưởng thì Lý trưởng mắng được Vua. Vua mà vậy thì tôi không sợ...  
Vua Công thấy Diều Hâu hùng hổ cũng sợ. Nếu xử đúng thì sợ lụy đến thân nên vua Công dịu giọng:  
- Việc đâu còn đó. Hãy nghe ta nói: Vợ chồng chim Cu kiện là phải. Lý trưởng xử vậy cũng đúng, mà tội Diều Hâu cũng... chẳng lớn lao gì. Không ăn ai mà sống được...  
Chèo Bẻo thấy từ quan tới vua đều bậy cả, tức tối hỏi vua Công:  
- Nếu bây giờ Diều Hâu ăn thịt con Vua, con Lý trưởng để sống thì Vua và Lý trưởng có bảo tội Diều Hâu chẳng lớn hay không?   
Vua Công và Lý trưởng Sáo cứng họng, nhưng thấy Diều Hâu đứng bên cạnh mài mỏ, mài vuốt nên vua Công lại nhũn nhặn hơn:  
- Mỗi loài đều được chia một thứ... để ăn, nhưng Diều Hâu không ăn được sâu, được quả thì bảo nó ăn thứ gì bây giờ?   
Chèo bẻo lại hỏi:  
- Diều Hâu chuyên ăn thịt các loài, sao nhà vua không giết nó chết để các loài chim khác được sống yân lành?   
Vua, Lý trưởng đuối lý, đứng yên như trời trồng, còn Diều Hâu thì làm dữ. Nó dựa vào sự yếu đuối của vua để bắt nạt Chèo Bẻo:  
- Mày là Hương kiểm mà dám cãi lại Vua, tội mày đáng chết!   
Chèo Bẻo tức Vua, Lý trưởng đều hèn mà để kẻ ác ngày càng càn rỡ nên hô lớn:  
- Vua ngu hèn, Lý trưởng cũng ngu hèn... còn Diều Hâu thì hung ác. Tao mổ đui mắt hết chúng mày...  
Chèo Bẻo vừa mắng, vừa dắt cả đàn xông vào. Vua Công bị tụt da đầu, Lý trưởng Sáo bị rách ngực, chỉ có Diều Hâu tránh được. Cả bọn hoảng hốt bỏ chạy.  
Từ đó trở đi, đầu con Công bị trọc và lúc nào nhớ chuyện cũ thì ngẩng đầu lên trời kêu: “Xấu hổ! xấu hổ!”. Sáo phải vá ngực bằng một lớp lông trắng và không quên trận đòn đau nên lúc nào cũng kêu: “Đau tao! Đau tao!”. Còn chim Chèo Bẻo vì lẽ phải mà làm, nên dù bé nhưng đến ngày nay còn dược mọi loài chim kính nể.  
Lời bàn:   
Muốn thực thi được pháp luật phải có sức mạnh nội tại của chính người thi hành. Nếu kẻ yếu mà nắm pháp luật thì pháp luật sẽ giống bình hoa trang trí trong phòng khách, có cũng được, không có cũng chả sao, và rồi đến lúc nào đó bình hoa sẽ khô héo. Nắm pháp luật mà thế và lực đều yếu thì chỉ có thể xử được hạng dân đen, thấp cổ bé miệng, chứ không thể đụng đến bọn diều hâu được.  
Cuộc xử kiện giữa các loài chim là câu chuyện chứa đựng nhiều ý nghĩa cao thâm, có thể làm bài học cho công việc xây dựng và thực thi pháp luật hôm nay.

**Lương Vĩnh Kim**

Lãng mạn pháp luật

**Ông vua sáng suốt**

Ngày xưa, ở nước Ấn Độ có hai anh em nghèo đi lang thang kiếm ăn. Họ nhặt được cái túi, trong túi có hai viên ngọc. Họ chia nhau mỗi người một viên. Người em trở về, còn người anh đi tiếp. Người anh giao viên ngọc cho em, nhờ em đem về đưa cho chị dâu.   
Ba năm sau, người anh trở về. Vợ anh nói không thấy chú em đưa ngọc vàng gì cả. Anh ta liền hỏi em:  
- Sao chú không đưa ngọc cho chị?  
- Em đưa cho chị ấy rồi.   
- Vậy mà vợ tôi bảo là chú chưa đưa.  
- Chị ấy nói dối đấy.  
Người em dẫn nhiều chi tiết chứng tỏ mình đã đưa. Người anh về tra hỏi vợ. Vợ anh ta bèn gặp quan tòa và kể mọi chuyện. Quan tòa cho gọi hai anh em đến. Quan nạt người em:  
- Mày có đưa ngọc cho chị dâu không? Nếu có đưa thì ai làm chứng?   
Người em dẫn hai người làm chứng. Quan cho gọi họ đến, vì đã được người em cho tiền nên cả hai đều nói người em đã đưa ngọc, chính mắt họ trông thấy.  
Quan tòa bảo người anh:  
- Ngọc ở chỗ vợ anh, về tìm khắc thấy. Người em đã đưa ngọc rồi, vợ anh cố tình biển thủ để đòi viên nữa.  
Nhưng chị vợ vẫn không chịu nhận. Chị đến gặp nhà vua và tâu bày mọi chuyện. Vua cho đòi tất cả đến: Bắt hai anh em, hai người làm chứng, mỗi người đứng riêng một nơi, giao cho một mẩu sáp ong, bắt mỗi người nặn hình một viên ngọc. Khi tất cả đã nặn xong, nhà vua cho đem so sánh thì chỉ thấy hai viên của hai anh em là giống nhau, còn hai viên của hai người làm chứng không giống nhau đã đành mà cũng không có gì giống với hai viên ngọc của hai anh em nọ. Vua ra lệnh cho người vợ:  
- Ngươi hãy nặn cho ta một viên ngọc.  
- Tâu bệ hạ, tôi đã thấy viên ngọc nào đâu mà nặn được.  
Vua ra lệnh treo cổ hai tên làm chứng, chúng vội vàng sụp lạy thú nhận và xin tha tội. Vua bèn sai nọc cổ người em đánh một trăm roi và bắt trả viên ngọc cho vợ chồng người anh.

**Lương Vĩnh Kim**

Lãng mạn pháp luật

**Giải quyết công bằng**

Trên đường tới tỉnh lỵ, có hai người nông dân ngồi nghỉ bên vệ đường và giở đồ ăn lót dạ. Một người có năm cái bảnh bao, còn người kia có ba cái. Họ vừa mới ngồi xuống thì nhìn thấy một khách bộ hành đi về phía họ.  
- Chào hai bác! Chúc hai bác đạt dược mọi sự tốt lành trên lộ trình bình yên.  
- Cảm ơn ông bạn với những lời chúc mừng quí báu! Mời ông bạn nghỉ chân và cùng ăn lót dạ với chúng tôi, - hai nông dân đáp lễ và mời người khách.  
Khách không hề từ chối, vui vẻ dừng chân, ngồi xuống cạnh họ và ăn bánh.  
Khi ba người đã ăn hết cả tám cái bánh, khách đứng dậy cám ơn và móc túi lấy 8 đồng bạc trả tiền bánh rồi đi ngược chiều với hai người nông dân.  
Hai người nông dân mang tiền ra chia và cãi nhau ầm ĩ. Anh chàng có 5 chiếc bánh định lấy 5 đồng, mỗi đồng một chiếc bánh.  
- Không được! -Anh bạn kia nói. - Chúng ta phải chia đôi số tiền ấy.  
- Sao lại chia đôi? Tớ có 5 chiếc, mà đằng ấy chỉ có 3 thôi.  
- Mặc kệ. Hắn đã ăn bánh của cả hai đứa, vì vậy phải chia đôi.   
Hai người cãi nhau hồi lâu, không ai chịu ai cả. Cuối cùng họ dắt nhau đến nhờ quan phân xử.  
Quan lắng nghe hai người trình bày. Ngài ngẫm nghĩ một lát, rồi bảo anh chàng có ba chiếc bánh.  
- Anh được ba đồng thế là may lắm rồi cớ sao không lấy?   
- Bẩm quan, ba đồng ít quá. Tôi đòi một nửa là đúng lý, vì anh kia ăn bánh của hai chúng tôi kia mà.- Người nông dân nọ trả lời.  
- Nếu chia đúng thì anh chỉ được một đồng thôi, - quan án nói.- Còn bảy đồng là của người có năm chiếc bánh.  
- Sao lại như thế được? Ba đồng với tôi hãy còn ít, giờ quan định chỉ cho tôi một đồng thôi ư? Thật không công bằng chút nào.  
- Để yên ta nói cho mà nghe, - quan nói. - Các anh có ba người mà ăn 8 cái bánh, nếu cắt mỗi cái bánh ra làm ba miếng đều nhau thì các anh ăn cả thảy là 24 miếng. Như vậy, mỗi người trong bọn anh ăn hết 8 miếng. Anh có ba cái bánh tức là anh có 9 miếng, anh ăn hết 8 miếng, còn một miếng thì dể cho khách. Anh kia có 5 chiếc bánh, tức là 15 miếng. Anh ta cũng ăn 8 miếng, còn bảy miếng thì để phần khách. Người khách cũng ăn tám miếng, một miếng của anh và bảy miếng của bạn anh. Như vậy, anh cho người khách một miếng thì được trả một đồng, còn anh bạn anh cho khách bảy miếng thì dược trả bảy đồng. Thế là công bằng lắm rồi, còn kêu ca gì nữa!

**Lương Vĩnh Kim**

Lãng mạn pháp luật

**Đâu là chứng cứ?**

Một người bơ vơ không nơi trú ngụ, được người bạn thân mời về ở với mình trong ngôi nhà vừa dựng xong. Khi chủ nhà đi xa, giao cho anh ta trộng nom hộ, anh ta chợt nảy lòng tham, rắp tâm chiếm đoạt ngôi nhà của bạn.  
Khi chủ nhà về, anh ta không cho vào mà yêu cầu anh chủ nhà tìm nơi khác. Hai bên tranh chấp, đưa nhau lên quan. Anh chàng chiếm đoạt nhà của bạn trâng tráo:  
- Anh kia trước có ở nhờ nhà của tôi một thời gian rồi bỏ đi, nay lại đến xin ở nhờ nhưng tôi không chấp nhận, bắt tìm chỗ khác. Anh ta tức giận sinh ra tranh chấp. Ngôi nhà này cho tôi làm, tôi còn nhớ từng mối lạt, từng kiểu xoắn.  
Nghe anh ở nhờ trình bày lý lẽ, quan tòa cho gọi anh chủ nhà đến hỏi:  
- Anh bảo đó là nhà của anh, thế anh có biết nhà anh buộc bao nhiêu mối lạt, bao nhiêu cái xoắn trái, bao nhiêu cái xoắn phải không?   
Anh chủ nhà bình tĩnh trả lời:  
- Cái đó tuy tay tôi làm, song tôi không nhớ xuể. Tôi chỉ biết đó là nhà của tôi.  
Sau đó quan cho người đến xem xét thấy khớp với những điều mà tên ở nhờ khai báo. Chả là tên này rắp tâm chiếm đoạt nhà nên đã đếm kỹ và nhập tâm. Vì vậy quan tòa xử cho nó được kiện.  
Người chủ nhà chân thật kia đau xót và ấm ức. Anh ta phát đơn kiện lên nhà vua. Bấy giờ, vua có tiếng là người xử kiện công bằng và tài giỏi. Sau khi xem xét lại vụ kiện, đơn trình bày của bên nguyên cũng như của bên bị, vua cho lập phiên tòa, gọi các bên đến để xử.   
Vua hỏi nguyên đơn:  
- Các phần trên mái nhà anh đã trình bày và nhớ kỹ từng chi tiết. Nhưng bây giờ ta hỏi anh: Phần dưới đất, dưới chân cột anh có kê gì không?   
Không ngần ngừ, hắn ta trả lời ngay:  
- Tâu bệ hạ! Dưới chân cột con không kê gì ạ.  
Vua cũng hỏi như thế đối với anh chủ nhà. Anh ta khai:  
- Hầu hết các cột đều không kê gì, riêng chân cột phía ngoài cùng về hướng Đông Nam con có kê thêm một tấm gỗ bằng lim để chống lún vì chân cột này có bùn ướt.  
Nhà vua cho đào ngay chân cột thì thấy đúng như vậy. Tên mưu chiếm đoạt nhà đành cứng lưỡi. Vua xử cho anh chủ nhà được kiện và tên chiếm đoạt phải bị chịu tội.  
Cái chứng cứ nhỏ song đã phân rõ trắng đen.   
Lời bàn:   
Đây là bài học rất sâu sắc cho công tác điều tra, đánh giá chứng cứ. Không phải bất cứ lời khai nào nghe có lý cũng được coi là chứng cứ. Đây là trường hợp chuẩn bị chứng cứ giả để đánh lừa người xét xử. Một người nhớ từng mối lạt, kiểu xoắn như tên chiếm đoạt nhà kia nhưng vẫn không phải là nhà của hắn. Còn anh chủ nhà thì không sao nhớ được cụ thể số mối lạt và kiểu xoắn mà mình đã làm. Nếu chỉ thìn thoáng qua thì dễ nhầm lẫn trong việc xác định chủ nhà. Nhà vua đã đi tìm chi tiết đắt giá nhất để kết luận đâu là lời khai có giá trị chứng cứ. Tên chiếm đoạt nhà không thể biết được hết tất cả cái phải biết về ngôi nhà nếu như hắn không phải là người xây dựng ngôi nhà ấy.  
Ngày nay, người chủ nhà có khi không trực tiếp làm, nên không thể hỏi như nhà vua để giải quyết vụ kiện. Nhưng cách giải quyết vụ án trên thì còn nguyên ý nghĩa khoa học và thời sự. Hiện nay, tranh chấp nhà đất đang là vấn đề nổi cộm. Kẻ chiếm đoạt nhà cũng lập luận không kém phần hợp lý và trâng tráo như tên chiếm đoạt nói trên.

**Lương Vĩnh Kim**

Lãng mạn pháp luật

**Truyện người lính cận vệ của nhà vua**

Ngày xưa, có một người lính cận vệ rất trung thành với nhà vua. Một đêm, anh phải vác gươm canh cho vua và hoàng hậu ngủ. Nửa đêm, có con rắn to bò vào, vươn cổ đình mổ nhà vua. Nhanh tay, anh lính phạt ngang nhát gươm, đầu rắn rụng ngay, phun ra một tia máu trúng vào vú hoàng hậu. Vua và hoàng hậu vẫn ngủ thiếp di.  
Anh lính chặt rắn thành từng khúc, dọn dẹp vào một chỗ kín, định sớm mai đem vứt ra ngoài. Dọn xong, anh thấy ngực hoàng hậu có vết máu rắn. Anh ta băn khoăn lắm. Anh định lấy khăn lau đi, song không ổn vì làm như thế là xúc phạm. Nghĩ mãi, anh tìm ra một cách: ghé miệng vào liếm sạch các vết máu. Chợt hoàng hậu tỉnh giấc, gọi nhà vua dậy:  
- Tâu hoàng thượng, tên lính này liếm vào vú thiếp.  
Nhà vua nổi trận lôi đình, không cần xét hỏi, quát quan đao phủ đem chém anh lính ngay giữa đêm. Anh lính không thanh minh được lời nào, bọn đao phủ xô ngay anh đi.  
Mấy tên đao phủ giải anh lính cận vệ ra cổng thành. Những người gác cổng nghe chuyện song không chịu mở cổng. Họ còn kể cho cáo tên đao phủ nghe một chuyện có liên quan đến sự độc đoán của nhà vua. Câu chuyện như sau:  
Ngày xưa, một bà mẹ có đứa con nhỏ. Bà rất thương con. Bà nuôi một con cáo nhỏ trong nhà để chơi với con mình như dôi bạn thân. Một hôm bà đi vắng, để cáo và con mình nằm ngủ trong nôi. Có một con rắn độc từ đâu bò đến toan cắn chú bé. Cáo nhảy xổ vào đánh nhau với rắn, cắn rắn chết, máu dính bê bết vào lông cáo.  
Khi bà chủ về, cáo chạy ra đón mừng. Bà nhìn thấy lông cáo đầy máu, tưởng rằng cáo đã cắn chết con mình, liền rút dao đâm chết cáo.   
Vào đến nhà, bà vội vàng chạy đến bên nôi. Con bà vẫn nằm chơi một mình bên cạnh xác con rắn độc. Song con cáo trung thành thì đã chết rồi.   
Kể xong, những người gác cổng nhìn thẳng vào mấy tên đao phủ nói tiếp:  
- Chúng tôi liên hệ chuyện xưa với. bây giờ và thấy rằng: Ý nghĩ độc đoán của nhà vua, việc làm hấp tấp của các anh sẽ dẫn đến những sai phạm rồi hối tiếc không kịp. Việc giết người đâu phải chuyện thường! Tội gì thì tội cũng phải để ban ngày ban mặt mới xét xử được chứ!   
Đòi mở cổng phía đông không được, mấy tên đao phủ dẫn anh lính cận vệ đến cổng phía nam. Những người gác cổng này nghe rõ mọi chuyện cũng không chịu mở cổng và kể câu chuyện khác:  
Ngày xưa, một lão nhà giàu có gia tài khổng lồ. Lão nuôi năm trăm con chó để giữ của. Một hôm, một toán trộm rất đông kéo đến đào một đường hầm vào kho báu của lão nhà giàu. Đàn chó đánh hơi thấy bèn chui vào đường hầm cắn chết các tên trộm.  
Sáng ra, lão nhà giàu thấy các kho rỗng tuếch, lão giận lắm, bèn sai người chém chết cả đàn chó, rồi ném xác vào rừng. Mấy hôm sau, xác các tên trộm thối inh, thì phát hiện ra thì thấy trên thi thể chúng đầy vết răng chó. Lão nhà giàu thu lại được của báu, song đàn chó trung thành thì đã chết hết rồi. Lão hối hận, song không làm sao cứu đàn chó lại được.  
Bọn đao phủ lại dẫn anh lính qua cửa Tây. Ở đây, những người gác cổng cũng không chịu mở và kể cho bọn đao phủ nghe “con vẹt và nhà vua”:  
Ngày xưa, có một ông vua nuôi một con vẹt mỏ đỏ rất xinh đẹp. Nhìn bộ lông xanh biếc và cái mỏ đỏ chót của con vẹt. Vua tấm tắc khen ngợi:  
- Vẹt! Mày ăn cái gì mà bộ lông và cái mỏ của mày đẹp thế?  
- Thưa nhà vua, con đẹp thế này là nhờ ăn quả xoài trên rừng Hymalaya.   
Vua bèn sai vẹt vào rừng Hymalaya lấy xoài về cho mình. Vẹt cất cánh bay thẳng đến khu rừng, tha được một quả xoài chín mọng về cho vua. Vua định ăn nhưng lại nghĩ: Một quả xoài ai ăn ai nhịn? Nếu ta ăn mà chỉ xinh đẹp có mỗi mình ta, còn vợ con thì sao? Vua bèn đem quả xoài trồng trong vườn để sau này cả nhà cùng ăn.  
Năm tháng trôi qua, cây xoài lớn và kết quả. Nhiều quả đã chín đỏ. Vua cẩn thận sai người hầu ăn thử. Song anh ta ăn chưa hết nửa quả đã lăn đùng ra chết. Nhà vua kinh hoàng, cho rằng vẹt đã lừa dối mình, bèn quật vẹt chết.  
Từ đó, cây xoài bị lãng quên. Có một cặp vợ chồng nọ xích mích với nhau, định tự tử bằng quả xoài độc, song cả hai người. trở nên trẻ trung, xinh đẹp như tiên đồng. Nhà vua mới biết là vẹt nói đúng, hối hận nhưng vẹt đã chết từ lâu rồi. Sở dĩ quả độc, tên lính hầu ăn vào chết là vì lúc đó dưới gốc xoài có con rồng ẩn náu, phun nọc vào cây. Bây giờ rồng đã bỏ đi, cây xoài lại trở về đặc tính ban đầu.  
Những người gác cổng tây kể xong chuyện này thì trời vừa sáng. Bấy giờ nhà mới thấy những khúc rắn và thanh gươm vấy máu liền hiểu rõ sự tình. Vua xóa lệnh, gọi anh lính về cung để ban thưởng.  
Lời bàn:  
Nếu không có những người gác cổng thì anh lính cận vệ trung thành đã chết một cách oan uổng từ bảy đời rồi. Những người lính gác cổng này đã hiểu rất rõ: Đêm tối không phải là lúc xử kiện sáng suốt. Ngày nay, pháp luật nhiều nước nghiêm cấm xét xử vào ban đêm và chỉ trong trường hợp đặc biệt mới được bắt người vào ban đêm. Đêm tối là thời khắc dễ phạm sai lầm và dễ bị lợi dụng.  
Sự phán quyết của người có quyền lực dựa trên sự nhận thức chủ quan của người đó. Nếu sự nhận thức này phù hợp với hiện thực khách quan thì tránh được nhiều oan uổng cho nhân dân, nhưng nếu sự nhận thức phiếm diện không đầy đủ và bảo thủ thì có thể tước đi oan uổng sinh mạng con người. Chính sự hấp tấp, hồ đồ của kẻ có quyền mà nhiều người phải chết oan uổng. Đó là nỗi đau không chỉ của người bị hàm oan, mà còn là nỗi đau của nhân loại vì sự khiếm khuyết của công cụ pháp luật.  
Câu chuyện trên không chỉ đề cập đến nỗi oan mà còn đề cập đến cái chết của những người trung thành tận tụy. Họ chết chỉ vì quá trung thành tận tụy với kẻ u mê, hành xử hồ đồ.

**Lương Vĩnh Kim**

Lãng mạn pháp luật

**Chia phần thưởng cho kẻ đòi hối lộ**

Ngày xưa, có một người thông minh, tính tình ngay thẳng, thi đỗ Trạng nguyên. Gặp phải lúc triều đình mục nát, tiêu cực đầy rẫy khắp nơi, đặc biệt là tệ đòi hối lộ xảy ra thường xuyên và công khai ở chốn cung đình nhưng nhà vua cũng không hay biết. Để thức tỉnh nhà vua về tệ nạn tham nhũng, Trạng bèn nghì ra một cách.   
Trạng làm một bài thơ hay để ca ngợi công đức nhà vua và vào cung để dâng lên nhà vua. Thế nhưng, tên lính gác hoàng thành ngăn ông lại, đòi phải hối lộ cho hắn cái gì thì hắn mới cho vào. Trạng nói ông chẳng có gì nhưng bảo thế nào ông cũng có thưởng. Tên lính gác liền đòi chia phần thưởng.   
- Được rồi, thế nào tôi cũng cho anh một phần ba. - Trạng nói.  
Tên lính gác đồng ý với điều kiện là lời hứa của Trạng cần có người làm chứng và Trạng phải giữ lời hứa. Trạng bèn viết giấy ghi rõ rằng sẽ chia cho người lính gác một phần ba số phần thưởng.  
Đến cửa cung thì tên gác cửa cung đòi đút lót. Trạng cũng hứa cho hắn một phần ba phần thưởng. Nhưng đâu đã hết, còn tên bồi phòng nữa. Gã này cũng đòi lót tay.  
- Tôi sẽ chia cho anh một phần ba phần thưởng mà hoàng thượng ban cho tôi, được không? Còn ngay bây giờ thì tôi không có gì cả!   
Tất nhiên gã bồi phòng đồng ý. Và cả bọn đều đòi lập bằng chứng vì sợ Trạng hứa mà không chia phần. Thế là Trạng được vào bệ kiến mặt rồng.  
Bài thơ của Trạng được nhà vua rất thích. Vua phán:   
- Vì bài thơ này, khanh muốn trẫm thưởng gì nào?   
- Muôn tâu bệ hạ, thần xin bệ hạ ban cho thần ba trăm roi.  
Nhà vua thốt lên kinh ngạc:   
- Khanh không điên đấy chứ! Sao lại đòi ta ban ba trăm roi?   
- Tâu bệ hạ, xin bệ hạ chuẩn tấu cho lời thỉnh cầu của thần. Thần sẽ phải chia phần thưởng của bệ hạ cho tên lính canh, gã gác cổng và thằng hầu phòng để cho chúng khỏi trách thần là thứ bịp bợm ạ!   
Nhà vua hiểu ra sự thật. Tên lính canh, gã gác cổng và tên hầu phòng đều được chia dủ phần thưởng như đã thỏa thuận mà không thể oán trách Trạng. Mọi người đều khen Trạng khéo giữ lời hứa và giúp được nhà vua hiểu được sự thật của nạn đòi hối lộ nơi cung đình. Từ đó, nhà vua đã quan tâm đến việc diệt trừ tham nhũng với sự giúp sức của Trạng.  
Hết

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.  
Nguồn: http://vnthuquan.net  
Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.  
  
Nguồn:   
Được bạn: Thái Nhi đưa lên  
vào ngày: 23 tháng 11 năm 2004